

BÁCH KHOA

5

15 THÁNG BA 1957

Trong số này

HUYỀN-VĂN-LANG Chánh-sách thuế-vụ

Cha RIQUET S. J.

HOÀNG-MINH-TUYNH dịch .. Đức ái-nhân trong Thiên-chúa-giáo

PHẠM-NGỌC-THẢO Vấn-đề kinh-lẽ tự-túc trong quân-đội

NGUYỄN-ANH-LINH Một nhận-định trước làn sóng di-cư

HUYỀN-ĐỨC-QUANG.. .. . Nhiệm-vụ cán-bộ nghiệp-đoàn
trong một nước độc-lập

MINH-PHONG... Tiếp-tục « Tuần-lễ nội-hóa » đề kiện-toàn nền độc-lập

DƯƠNG-QUỲNH-HOA... « Đẻ không đau » (cách chuẩn-bị sản-phụ)

J. QUÉGUINER

NGUYỄN-ĐỨC-AN dịch Người nổi chí Thánh Cam-địa

NGUYỄN-HUY-THANH Quý tiết-kiệm

NGUYỄN-HIỆN-LÊ Tiếng Việt ngày nay

HỒNG-HY Ấn biên (thơ)

MẶC-THU Đứa con nuôi (đoản-thiên)

TỪ VU

Bản-dịch của VI-HUYỀN-ĐẮC).. .. . Nhất-gia (Truyện dài)

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

Trong những số tới :

HUỲNH - VĂN - LANG : *Chính-sách thuế-vụ*
(quan-niệm cũ, quan-niệm mới)
(tiếp theo)

Cha RIQUET S. J. { *Đức ái-nhân trong Thiên-Chúa-*
HOÀNG-MINH-TUYNH dịch { *Giáo (tiếp theo).*

PHẠM - NGỌC - THẢO : *Góp ý-kiến về thiển « kế » của*
Bình-Thư Tôn-Tử

VI - HUYỀN - ĐẮC : *Chiếc xe « lết » của cha tôi.*

QUÁCH - TẤN : *Đôi câu chuyện về Hàn-Mặc-Tử.*



THE LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Giá tiền trên đã tính cả cước phí.

TOÀ SOẠN : 55 Bà Huyện THANH-QUAN
Phòng 42 — SAIGON

SẢN PHẨM CỦA HÀNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE



BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES & CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (Ex 20, Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

CHÁNH-SÁCH THUẾ-VỤ

(QUAN-NIỆM CŨ, QUAN-NIỆM MỚI)

HUỲNH-VĂN-LANG

XU A nay ta thường luận rằng : Chánh-Phủ phải tiêu xài, tất-nhiên Chánh-phủ phải có lợi-tức ; muốn có lợi-tức, Chánh-Phủ phải đánh thuế. Cho nên ta tưởng lầm rằng : thuế-vụ bao giờ cũng phải triệt-đề tùy-thuộc ở sự chi-tiêu của Chánh-Phủ và chỉ có thể thôi, không vì một lý-do nào khác nữa. Chánh-Phủ chi-tiêu nhiều thì phải đánh thuế nhiều ; Chánh-Phủ sẽ giảm thuế nếu Chánh-Phủ chi-tiêu ít.

Nói thế cũng đúng được phần nào, nhưng chỉ đúng cho một hai Chánh-Phủ xưa nay chớ chưa hẳn là đúng về mặt lý-thuyết. Thực ra, nhiều Chánh-Phủ chỉ biết đánh thuế để chi-tiêu, chớ không có mục-đích gì khác. Nhưng đúng lý ra, ngoài mục-đích lấy tiền để chi-tiêu, Chánh-Phủ còn có thể đánh thuế để theo đuổi một chánh-sách gì khác, như chánh-sách phân-phối lợi-tức quốc-gia, như chánh-sách khuếch-trương kinh-tế, chánh-sách chống nạn lạm-phát, chánh-sách chống nạn thất-nghiệp... Tóm tắt, khi thiết-lập một hệ-thống thuế-vụ, khi đánh thuế, Chánh-Phủ có thể theo đuổi mục-đích kinh-tế, xã-hội, chánh-trị ngoài mục-đích ngân-sách được, và chánh-sách thuế-vụ là một phương-tiện vô cùng lợi-hại.

Chánh-Phủ có thể định-đoạt một chánh-sách thuế-vụ cũng như một chánh-sách tiền-tệ, một chánh-sách thương-mại. Nhưng theo nghĩa rộng, thì chánh-sách kia là một phần của chánh-sách kinh-tế tổng-quát. Nó có nghĩa là : Chánh-Phủ thêm vào hay rút ra khỏi hệ-thống kinh-tế một số-lượng tiền-tệ.

Thêm vào hay rút ra khỏi lãnh-vực tư-nhân một số-lượng mãi-lực thì có nhiều phương-pháp khác nhau tùy theo lý-thuyết kinh-tế mà ta dựa vào đó để quan-niệm chánh-sách thuế-vụ.

Trong những quan-niệm ấy, ta có thể nhận ra quan-niệm chánh mà ta sẽ trình-bày một cách đại-cương sau đây. Mỗi quan-niệm còn chia ra nhiều phần, nhiều đoạn nhỏ, nhiều chi-tiết mà ta không thể nói hết được.

Quan-niệm thứ nhất gọi là quan-niệm chính-thống dựa nơi lý-thuyết kinh-tế cổ-điển và chủ-nghĩa tự-do. Quan-niệm thứ hai gọi là quan-niệm cách-mạng, kết-quả của cuộc kinh-tế khủng-hoảng 1930 và nhất là của cuộc cách-mạng lý-thuyết của J.M. KEYNES, nhà kinh-tế-học trứ-danh người Anh.

CHÍNH-SÁCH THUẾ-VỤ CHÍNH-THỐNG

Giả-thuyết nền-tảng của quan-niệm chính-thống là như sau : tình-trạng của một nền kinh-tế đứng vững là tình-trạng thanh-vượng, không thất-nghiệp, nhân-công được thâu-dụng đầy đủ, an-cư lạc-nghiệp trong nước. Đó cũng là một nguyên-tắc của thuyết kinh-tế cổ-điển : lấy mục thăng-bằng kinh-tế và sự thâu-dụng nhân-công làm một.

Các nhà kinh-tế-học cổ-điển không chối rằng kinh-tế thường lên lên xuống xuống, nhưng họ xem những biến-cổ ấy như quáy-quần chung quanh một điểm thăng-bằng, thể-hiện bằng sự thâu-dụng nhân-công đầy-dủ (plein emploi). Những cái trầm-bồng kinh-tế ấy, họ gọi là những sự cọ sát, đụng chạm nhau trong một hệ-thống kinh-tế do những ảnh-hưởng ngoại-thuộc không tự-nhiên, hoặc những ảnh-hưởng hữu-tri do con người gây ra (Chánh-Phủ, giặc-giũ, độc-quyền, đầu-cơ...).

Theo lập-luận cổ-điển, muốn tránh những thăng-giáng kinh-tế thì chỉ có việc diệt-trừ các ảnh-hưởng ngoại-thuộc ấy, mà ảnh-hưởng chánh là ảnh-hưởng Chánh-Phủ và hủy bỏ những cơ-sở kinh-tế quá cứng-rắn (giá cả, lương bổng, tiền lời...) nhất là những cơ-cấu lương bổng không mềm dẻo thích-ứng với sự biến-chuyển kinh-tế. Phụ vào là thực-hành một chánh-sách tiền-tệ hợp-thời (lin-dụng) để sửa-chữa những lực-lượng thừa đang kìm-hãm không cho khu-vực tư-nhân được hoàn-toàn tự-do (luật-lệ hành-chánh, thủ-tục giấy tờ...).

Theo lập-luận trên đây thì chánh-sách thuế-vụ phải theo hai nguyên-tắc này :

1.— Chánh-Phủ phải theo đuổi một chánh-sách « can-thiệp tối-thiểu » trong lãnh-vực kinh-tế. Phạm-sự của Chánh-Phủ là phải triệt-đề bênh-vực sự tự-do của khu-vực tư-nhân, không cho những sự cứng-rắn nội-thuộc được phát-triển, ngăn đón không cho những ảnh-hưởng ngoại-thuộc chen vào làm trở-ngại sự tự-do của khu-vực tư. Tất cả chánh-sách kinh-tế đều phải quan-niệm theo nghĩa tự-do triệt-đề của khu-vực tư để kinh-tế khỏi mất thăng bằng, để khỏi sanh thất-nghiệp.

2.— Khi cần phải can-thiệp, Chánh-Phủ phải trọng cái « luật chơi » là luật tự-do cạnh-tranh, để khỏi đem vào hệ-thống kinh-tế sự chênh-lệch. Nếu Chánh-Phủ xử-sự như một doanh-nghiệp tư thì mục-tiêu ấy sẽ đạt được dễ-dàng.

Theo nguyên-tắc thứ nhất thì chi-tiêu của Chánh-Phủ phải hết sức tối-thiểu và chỉ có những dịch-vụ nào hết cần-thiết Chánh-Phủ mới nên cung-cấp cho quốc-dân.

Nguyên-tắc thứ hai buộc ngân-sách quốc-gia bao giờ cũng phải quân-bình. Phải tùy theo chi-tiêu mà thâu lợi-từ thuế-vụ. Ngân-sách thiếu hụt hay dư thừa đều tai-hại cả. Chánh-Phủ phải chi-tiêu tối-thiểu và đánh thuế tối-thiểu.

Kết-luận của thuyết cổ-điển đưa đến một câu chuyện kỳ-hoặc : chánh-sách thuế-vụ trung-lập.

Ta có thể hiểu tính-cách trung-lập ấy nhiều cách như sau : Một Chánh-Phủ đúng đắn (1) phải làm sao để cho huê-lợi thuế-vụ và chi-tiêu của khu-vực công sánh với khu vực tư chỉ là tối-thiểu, để ảnh-hưởng của khu-vực công trên khu-vực tư cũng tối-thiểu không đáng kể. Một Chánh-Phủ đúng đắn (1) phải tổ-chức thế nào để gánh nặng hành-chánh được phân chia cho cá-nhân làm sao mà địa-vị tài-chánh của họ tương-đối với nhau không thay đổi. Tư-nhân san-sẻ gánh nặng thuế-vụ làm sao để trước và sau khi đóng thuế, tình-trạng lợi-lức của họ tương-đối với nhau không thay đổi. Ví dụ : trước khi đóng thuế, anh X giàu hơn anh Y mười lần, sau khi đóng thuế, anh Y vẫn nghèo hơn anh X mười lần. Nghĩa là thuế má phải đánh theo một phân-xuất duy-nhất cho tất cả mọi người, cho tất cả các tầng-lớp xã-hội.

Cải quan-niệm trung-lập như trên rất cần-thiết cho lý-thuyết kinh-tế chính-thống. Nó dựa vào giả-thuyết căn-bản này : nếu một hệ-thống kinh-tế được tự-do hoạt-động, tự-do dàn xếp theo luật cung-cầu ở thị-trường thì tự-nhiên nó sẽ đi đến một điểm thăng-bằng, hàm-xúc sự an-cư lạc-nghiệp hoàn-toàn cho đoàn-thể, cho xã-hội.

Ngân-sách quân bình, chi-tiêu của Chánh-Phủ phải tối-thiểu, chánh sách thuế-vụ trung-lập... là những yếu-tố chánh của chánh-sách thuế-vụ chính-thống xưa nay.

Những lập-luận trên chỉ coi Chánh-Phủ như một công-ty tư, đòi buộc Chánh-Phủ phải xử-sự như một công-ty tư, nghĩa là Chánh-Phủ chỉ nên có một chánh-sách dung-hòa và tùy-thuộc theo cơ-cấu tự-động tự dàn-xếp của khu-vực tư. Nó còn đòi hỏi những chi-tiêu của Chánh-Phủ phải biến-chuyển theo một chiều và một cỡ với những chi-tiêu của khu-vực tư, để ngân-sách quốc-gia bao giờ cũng được quân-bình.

Mục-tiêu thuế-vụ chỉ là cung-cấp lợi-lức cho Chánh-Phủ chi-tiêu trong năm. Vạt tuồng độc-nhất của thuế chỉ có thể thôi. Thuế-vụ phải tối-thiểu, chỉ vừa đủ để trả các khoản chi-tiêu, mà chi-tiêu cũng phải tối-thiểu, vì phải coi thuế-vụ như một gánh nặng chỉ giảm bớt mức sống của quốc-dân. Một mức thuế-vụ cao chỉ là một cái tệ hại không cần-thiết tránh được ngăn nào hay ngăn ấy. Chánh-phủ phải giảm bớt chi-tiêu và quân-bình ngân-sách, càng ít đã động đến lợi-lức tư-nhân càng hay, và tránh được chừng nào hay chừng ấy.

Những học-giả nghịch với lý-thuyết cổ-điển thường khinh rẻ những cái hay của nó và cho thuyết ấy chỉ dựa trên một ít quan-niệm hết sức đơn-giản và có thể thực-hiện dễ-dàng.

Gọi là dễ-dàng vì lý-thuyết cổ-điển đặt chánh-sách thuế-vụ vào một khuôn-khổ nhất-định rõ-ràng và tách hẳn chánh-sách thuế-vụ khỏi chánh-sách tiền-tệ. Theo lý-thuyết cổ-điển thì không nên bành-trướng tín-dụng hay vay nợ cho Chánh-Phủ chi-tiêu.

Cho nên vấn-đề quốc-trái cũng hóa ra đơn-giản, phải trả nợ công-trái, trả càng sớm càng hay và nếu tránh nợ được chừng nào thì hay chừng ấy.

Mục chi-tiêu của Chánh-Phủ và mục thuế-vụ là những vấn-đề dễ giải-quyết vì nó dựa vào những nguyên-tắc cứng-rắn : chi-tiêu phải tối-thiểu, thuế-vụ phải đủ để chi-tiêu, thế là được. Một Chánh-Phủ như thế chỉ có ảnh-hưởng trên khu-vực tư một cách trung-lập và nhỏ hẹp không đáng kể. Chỉ còn có một việc quan-trọng phải giải-quyết

là phải định-đoạt các cơ-cấu thuế-vụ thế nào để địa-vị tương-đối của tư-nhân trước và sau khi bị thuế vẫn không thay đổi.

Chánh-sách thuế-vụ cồ-diễn cũng dễ thực-hành, vì nó không gặp nhiều trở ngại nơi quần-chúng. Trái lại, nó phù-hợp với óc thường-thức, với luật-lệ và nguyên-tắc mà cá-nhân hay áp-dụng trong đời sống kinh-tế tư của họ.

Phần đông ta nhận xét rằng mình không thể tiêu xài hơn lợi-túc của mình được. Ta nghĩ rằng tiền vay nợ không phải là phương-tiên thông thường để trả các chi-tiêu của mình và cho rằng : cần kíp ta phải trả nợ, trả càng sớm càng hay, ít ra trong đời sống ta phải trả cho kỳ được.

Lẽ cố nhiên ta cho Chánh-Phủ vay nợ mà không trả công-trái là một việc bất-thường và trái phép.

Ta thường xem quốc-gia hay Chánh-Phủ như một tổ-chức nội-trợ hay một gia-đình... chỉ khác là khác về cái to lớn, quan-trọng. Cho nên ta thường muốn đem luật-lệ nguyên-tắc của đời sống tư áp-dụng vào tài-chánh quốc-gia. Bởi đó chánh-sách thuế-vụ chính-thống vẫn được có người « cồ-diễn » xem như một bộ luật mà một Chánh-Phủ đúng đắn (1) nên và phải áp-dụng,

Chánh-sách thuế-vụ mới lại chứng-minh rằng : cái gì đúng cho cá-nhân không nhất-thiết phải đúng cho đoàn-thể, cho quốc-gia. Chánh-sách thuế-vụ mới sẽ khác hẳn chánh-sách thuế-vụ cũ về mặt lý-thuyết, mục-tiêu lẫn nội-dung.

(Còn tiếp)

HUỲNH-VĂN-LANG



Danh-ngôn, danh-lý trong số này qui về ý-chính

« GIÁ-TRỊ CUỘC ĐỜI »

CUỘC đời là một công-cuộc rất quan-trọng mà nhiều khi ta không thấy rõ lợi-ích ; chỉ là những giọt nước, chúng ta tự hỏi đại-dương có cần gì tới chúng ta : song đại-dương có thể trả lời chúng ta chính các giọt nước hợp lại mới thành đại-dương.

LACORDAIRE

DỨC ÁI-NHÂN TRONG THIÊN-CHÚA-GIÁO

CHA RIQUET S. J.

HOÀNG-MINH-TUYNH dịch

TRƯỚC cái quang-cảnh hải-hùng quái-gờ của một thế-giới hoang-tàn, đảo lộn bởi thiên-tài phá-hoại của những phần-tử văn-minh nhất ; trước những đồ vỡ, những mộ-địa, những đàn nô-lệ đói khát, cực-khổ, đối-diện với bao nhiêu mưu-chước truy-lạc tinh-thần, hủy-hoại khí-tiết, suy-đào phong-tục ; trước những nỗi đau-thương, cùng những mối hàm-oan tràn-trề, đầy-dẫy trong khoảng các tầng-lớp nhân-loại như thế, hết mọi người công-giáo chúng ta đều cảm thấy có bòn-phận phải tự hỏi xem thái-độ của mình phải thế nào ? Chúng ta đều hết sức băn-khoăn cố tìm lấy một câu giải-đáp sao cho thích-hợp với thời-dại mới và cho xứng-dáng với vai trò người công-giáo chân-chính của mình.

Nếu chúng ta có tham-khảo Phúc-Âm hoặc những giáo-huấn của Giáo-hội từ xưa đến nay, ta có thể kết-luận ngay mai, cũng như hôm qua và hôm nay, rằng : chỉ một thái-độ độc-nhất có thể khiến cho mình giữ vững trong tâm-hồn mối khoái-lạc và sự tự-do của con cái Thiên-Chúa, nghĩa là tất cả lập-trường của mình, bất-luận trong một hoàn-cảnh nào, đó là thái-độ yêu

người. Yêu người luôn luôn, yêu người mãi-mãi, yêu người mặc dầu là người xấu-xa hay tốt-lành, yêu người chỉ vì người là con cái của Thiên-Chúa mà thôi.

Tuy-nhiên, tình yêu chúng ta nói đây không phải là một thứ tình yêu ngoài môi ngoài miệng, mà là một thứ tình yêu phổ-diễn ra bằng công việc làm và bằng sự chân-thật, như lời Thánh Gioan đã nói.

Vì chúng ta nhận thấy có nhiều người lấy làm bằng lòng, lấy làm thỏa-mãn khi có thể hòa cuộc sinh-hoạt thường ngày với một thứ tôn-giáo chỉ biết đóng khuôn vào bốn bức tường của Đền-Thánh, và tự đầy-ải trong nguyên-gã, trong không-tưởng, mơ-màng một phần thường bên kia thế-giới, hoàn-toàn lánh-đạm với ba phần tư, với chín phần mười cuộc sinh-hoạt thực-tế nói chung của nhân-loại, nghĩa là với mọi ngành hoạt-động về dân-sự, về xã-hội, về du-hí, về học-đường cũng như về giáo-dục. Khiến cho đến nỗi nhiều người cho rằng giáo-điều buộc phải yêu người do Công-giáo truyền-dạy chỉ thu-hẹp lại trong có một vài hành-vi bố-thí, một vài cuộc viếng thăm ở chung-quanh mình.

Đó đâu có phải là tinh-thần của Phúc-Âm : vì Phúc-Âm buộc người ta phải yêu đồng-bào ở mọi nơi, mọi lúc, trong hết mọi trường-hợp : ở đồng ruộng cũng như ở nhà máy, ở ngoài đường cũng như ở công-sở, tóm lại là trong hết mọi cuộc giao-tế giữa người với người vậy.

Và Phúc-âm cũng lên án tất cả các sự bóc-lột dưới bất cứ hình-thức nào, dù giấu-giếm dưới quy-điều pháp-lý hoặc dưới định-luật của kinh-tế nữa.

Phúc-âm lại còn lên án mọi sự bạo-hành, mọi sự độc-đoán, dù nó ẩn-nấp dưới một đảng-phái hay một quốc-gia chuyên-quyền. Đành rằng yêu người thì không hề làm hại người. Nhưng tình yêu ấy còn phải khiến cho người ta tìm-dối cho anh em điều lành, điều tốt ; phụng-sự anh em, cứu-vớt anh em thoát khỏi điều ác, điều hung, như trong Phúc-âm của thánh Mat thuê : « Mày muốn anh em làm cho mày điều gì thì mày hãy làm cho anh em điều ấy ! »...

Xem vậy đủ rõ, đối với người công-giáo, điều-kiện cốt-thiết để được cứu rỗi, trở nên thánh-thiện, cao-cả và hưởng các chân khoái-lạc, chính là phải biết yêu người. Phàm kẻ nào đã biết yêu người, trước khi nhận ra Thiên-Chúa, trước sau thế nào rồi cũng sẽ đạt tới Thiên-Chúa, nếu họ thủ-tín với tình yêu ấy đến mức có thể xuất-phát những cử-chỉ anh-hùng. Trái lại, tự-nhận mình là người thuộc về Thiên-Chúa mà trong lòng không có một chút tình yêu ấy, thật đã tự dối mình và tôn-giáo của họ suy-tôn chỉ là một tôn-giáo giả-mạo mà thôi.

Tới đây, chúng ta phải thành-thật nhận là mình vấp phải những nỗi khó-khăn khiến chúng ta phải bối-rối. Ngày nay, chủ hời trong đám giáo-dân chúng ta, liệu

có mấy người biết sống bằng lý-tưởng yêu người ở trong Chúa và yêu Chúa ở trong người ? Một bên, chúng ta nhận thấy bao nhiêu người có tôn-giáo, mà lại sinh-hoạt như người vô tôn-giáo. Họ từ bỏ đạo, coi đạo như một chướng-ngại-vật cho cuộc đời phóng-túng, vật-chất của mình. Lại có một số người khác, công-khai tỏ ra mình là người có đạo, nhưng cũng công-khai tỏ mình là người phản-đạo bằng những hành-động cướp-bóc, xâm-lấn, dã-man như thú-vật, cứng lòng như sắt đá. Thêm vào đó, lại còn một số người nữa, đông-đảo hơn, sinh-hoạt không hề biết tới Chúa Kitô, không hề kỳ-vọng vào một lý-tưởng nào, coi như không có Thiên-Chúa ở trong thế-gian vậy.

Chúng ta còn đau lòng hơn nữa, khi chúng ta nhận thấy chính những kẻ vô-thần lại tỏ ra tận-tâm, đại-lượng, bác-ái hơn những kẻ tự nhận là hữu-thần, hoặc tự nhận là những người binh-vực, bảo-vệ cho nền văn-minh Thiên-Chúa-giáo.

Do đấy, người công-giáo chúng ta sinh ra lo-ngại, thắc-mắc và hoài-nghĩ.

Đức bác-ái, đức ái-nhân đáng lẽ phải coi như là điều cốt-thiết trong tôn-giáo, nhiều giáo-dân lại cho là điều phụ-thuộc, có hay không không quan-trọng lắm. Trong khi các kẻ vô-thần, vô tôn-giáo phát-huy và động-viên tất cả các năng-lực và sáng-kiến để tận-tâm giúp vào công việc cải-thiện đời sống cho nhân-loại. Sức cố-gắng của những kẻ vô-thần, vô tôn-giáo, tỏ ra thật có hiệu-năng, sinh ra những hiệu-quả thật hiển-nhiên vĩ-dại, sức cố-gắng của các người công-giáo bên những sức cố-gắng này tỏ ra thật lu-mờ, nhu-nhược, hẹp-hòi và thiếu-thốn. Khiến cho ta phải tự hỏi : phải chăng hễ là người công-giáo thì hành-động nhất-định là bất-

lực, thua sút, kém hiệu-năng, kém thực-tế hơn kẻ khác. Nhiều nhà thần-học vì chú-ý chăm-lo đến việc bảo-tồn tính-chất trác-tuyệt của phần siêu-nhiên, đã hơi quá vội-vàng quyết với chúng ta rằng : « Người công-giáo, về mặt thể-gian thực-tế, phải đành lòng nhận lấy thất-bại. Nước của người công-giáo không phải ở trần-gian nên không cần thực-tế. Họ khuyên chúng ta nên giữ thái-độ bị-động cổ-truyền của một vài nước phương Đông mà họ cho là khôn-ngoa lắm. Trần-gian tội lỗi ; không nên kỳ-vọng ở trần-gian và cũng không nên tìm cách hoán-cải trần-gian làm gì. Phải cao chạy xa bay để thoát khỏi cái trần-gian xấu-xa nhơ-nhuốc ấy. »

Chủ-trương như vậy có phải là xác-đáng không ? Chủ-trương như vậy sẽ đưa ta đến tình-trạng nào, dồn ta tới ngõ bí nào ?

Vì nếu quả vậy, thì ra chúng ta không sao thoát khỏi cái tình-trạng tiến thoái lưỡng nan này : hoặc yêu người theo tinh-thần công-giáo, thì đành chịu bất-lực và vô hiệu-năng ở thế-gian ; hoặc yêu người trái hẳn với tinh-thần công-giáo, nghĩa là loại Thiên-Chúa ra khỏi tình yêu ấy, với hy-vọng thực-hiện một công-cuộc vĩ-dại là thành-lập một thiên-đàng trên trái đất.

Chúng ta đã từng biết có bao nhiêu tâm-hồn đầy thiện-chí phải băn-khoăn đau-đớn vì cảm thấy như đứng trước một ngõ-hẻm không lối ra, một mâu-thuẫn không tài nào vượt nổi — Nhưng tâm-hồn ấy không thể thừa nhận một cách dễ-dàng đề-nghị « lần sự đời » của một vài nhà thần-học, cũng

như không thể suy-tôn chủ-nghĩa nhân-bản vô-thần có hiệu-năng sinh ra những kết-quả chưa chắc đã hay, mà đã phải trả bằng những giá quá đắt, giá của bao nhiêu hy-sinh nặng-nề, hy-sinh tính-mệnh, hy-sinh tự-do, hy-sinh văn-hóa, hi-sinh tình-thần, tất là hi-sinh tất cả nhân-bản vậy.

Theo kinh-nghiệm, chủ-nghĩa nhân-bản vô-thần, trong mọi hình-thức, cá-nhân hay tập-thể, tự-do hay chuyên-chế, đều đã tỏ rõ một chủ-nghĩa thái-ác, vô nhân-đạo đến cực-diêm. Nhưng tình yêu người chân-chính không thể là một tình yêu vô hiệu-năng, thụ-động một cách ngu-ngốc, vụng-về vì hiểu lầm nghĩa kính tín. Nhưng tình yêu ấy muốn cho chân-chính và có hiệu-năng thì phải thế nào ? Đó là vấn-đề ta sẽ thảo-luận sau. Song ngay bây giờ, ta có thể quả quyết rằng tình yêu ấy muốn cho thật chân-chính và thật có hiệu-năng, điều cần-thiết là phải làm sao kết - hợp nó vào với Đấng đã lập nên phàm - giá con người một cách kỳ - tuyệt và đã tái-lập nên một cách còn kỳ-tuyệt hơn nữa ; đấng vừa là nguyên-lý vừa là cứu-cánh của mọi tình yêu giữa người với người ; đấng mà Dante đã gọi là : *Il primo amore*, nghĩa là Tình yêu nguyên-thủy, tình yêu đi trước mọi tình yêu khác, tình yêu sinh ra và nuôi-nấng mọi tình yêu khác, cũng nâng-dỡ cho đến cùng, như ngọn sóng triều nhấp-nhô ngoài khơi đại-dương, tỏa ra muôn ngàn màu-sắc khác nhau mà tụ-trung chỉ có một mặt trời chiếu rọi mà thôi.

HOÀNG-MINH-TUYNH dịch

NGƯỜI ta sống trong một ngày, có được nghe một câu phải, trong một điều phải, làm một việc phải, ngày ấy mới không hư-sinh.

TRẦN-MI-CÔNG

KINH-TẾ TỰ-TÚC

TRONG QUÂN-ĐỘI

PHẠM-NGỌC-THẢO

NẾU nhìn qua sự phân-phối chi-tiêu của ngân-sách một quốc-gia, ta nhận thấy khoản dành riêng cho quân-đội thường không phải là nhỏ. Tuy vậy, quân-đội cũng thường thường vẫn nhận-định rằng chương-trình hoạt-động và tổ-chức của mình vì lý-do thiếu tiền mà không hoàn-thành được đúng theo mức cần-thiết.

Vậy, nếu cố-gắng suy-nghĩ xem có cách nào thực-hiện được một phần sự tự-túc về mặt kinh-tế trong quân-đội cũng không phải là một việc không hợp-thời đối với hoàn-cảnh thiếu-thốn hiện nay của nước nhà.



Tôi xin trình sơ-lược một kinh-nghiệm của một đơn-vị Tiểu-đoàn trong thời kháng-chiến chống Pháp để làm cơ-sở bàn-luận.

Năm 1951 tại Nam-bộ là năm khó-khăn nhiều về vật-chất. Tình hình của Tiểu-đoàn X về phương-diện quân-trang chẳng hạn, như sau : mỗi quân-nhân trung-bình có một bộ đồ, một quần cụt, phân nửa cái chăn tằm (tức là một cái chăn tằm cho hai người). Mùng dành riêng cho binh-bình được hai mươi cái (cần biết Tiểu-đoàn X

có một quân-số hơn một ngàn người). Đối với chiến-binh mạnh-khỏe thì nửa ngũ nấp, nửa ngũ trần. Các phương-diện vật-chất khác lẽ-tức-nhiên cũng tương-tợ như vậy. Trước hoàn-cảnh đó, Tiểu-đoàn X thực-hiện một chương-trình kinh-tế tự-túc. Họ không dựa vào thương-mãi và chỉ lấy việc sản-xuất làm nền-tảng. Tiểu-đoàn chủ-trương phân-phối cho mỗi Đại-đội một sở ruộng từ ba trăm đến năm trăm công. Ngoài sở ruộng là cơ-sở kinh-tế chánh, mỗi Đại-đội thực-hiện thêm những kế-hoạch nhỏ như : cuốc vài chục công rẫy (khoai lang, khoai mì, thơm, bí, bầu), làm một ít mắm và khô, đào một vài địa nuôi cá v.v..

Sở ruộng của các Đại-đội thường ở những vùng mà thời-kỳ lúa chín chênh-lệch nhau. Hơn nữa, họ chia nhau kẻ làm lúa mùa, người làm lúa sớm. Do đó, lúc ruộng của Đại-đội này cần tay phát thì tại các sở ruộng khác nước còn cao, lúc ruộng này lúa chín vàng thì ruộng kia lúa mới ngâm sữa. Sở-dĩ cần sự chênh-lệch đó là cốt để lực-lượng chiến-đấu của Tiểu-đoàn không khi nào bị giảm sút 1/5 quân-số dù trong mùa lúa chín.

Vấn-đề làm mắm có nhiều sáng-kiến kể lại cũng vui. Mỗi Đại-đội đều có sấm lưới và chài. Vào lúc mùa cá ra sông thì Đại-đội trong giờ nghỉ, tập-trung anh em, kẻ kéo lưới, người chài cá. Cá bắt được, một phần ăn, hai phần làm mắm và khô. Cứ thế ngày qua ngày đến cuối mùa, Đại-đội nào làm giỏi cũng được hơn hai ngàn kí-lô mắm và khô, Đại-đội nào kém hoặc bận việc cũng được không dưới năm trăm kí.

Ngoài việc cá mắm, họ còn làm thêm một ít rẫy. Có đơn-vị trồng bí, có đơn-vị trồng thơm khóm v.v.,. Khi bí già, binh-sĩ tha hồ mà nấu : bí xào, bí luộc, canh bí v.v... Mùa thơm chín, binh-sĩ ăn thơm đến rất lười, rồi lại thi nhau bày đặt ra cách ép thơm cho mau, cho gọn, để lấy nước thơm uống.

Cuối năm, cách chia những mối lời do sự sản-xuất của Tiểu-đoàn thực-hiện như sau:

60% — để vào quỹ chung dùng trong việc chi-phí của đơn-vị Tiểu-đoàn.

10% — chia đều cho mỗi chiến-binh để xử-dụng riêng (cuối năm 1952, mỗi quân-nhân được bốn gia lúa ; nếu trong ba quân-nhân mà chỉ có một người gia-đình thật thiếu-thốn và nếu hai quân-nhân kia vui lòng giúp-đỡ bạn mình, thì mười hai gia lúa giúp một người vợ sống được bảy tám tháng),

10% — quỹ thương-binh do thương-binh tự quản-trị.

10% — quỹ riêng của từng Đại-đội để xử-dụng về việc tổ-chức vui cho đơn-vị.

10% — mua sắm dụng-cụ sản-xuất mới.

Cách chỉ-đạo vấn-đề sản-xuất chỉ dựa một phần trên hệ-thống tổ-chức quân-đội, nó được bổ-sung bằng những thành-phần thông-thạo về sản-xuất. Ban chỉ-đạo kinh-tế tự-tức Tiểu-đoàn chẳng hạn, gồm một trường-ban là một cán-bộ Tiểu-đoàn, hai

phó là những binh-sĩ hiểu biết, một về nghề nông, một về nghề rẫy. Nhờ vậy, kế-hoạch sản-xuất đặt ra được sát thực-tế.

Cuối một năm sản-xuất, Tiểu-đoàn tổng-kết thấy lúa gạo thu được đã giải quyết phân nửa nhu-cầu. Mắm còn dư lại bán ra mua được cho mỗi binh-sĩ một bộ quần-phục bằng vải tốt. Rau cải dổi-dào đã đem lại nhiều chất sinh-tổ trong thực-đơn hằng ngày khiến số bệnh-binh giảm xuống. Một kết-quả về phương-diện khác là chiến-binh đến đâu hay săn-sóc các cây cối đến đó. Thấy cây ọt lúc chiều lo tìm nước để tưới ; thấy giàn hành xiêu, lo tìm cây chống lại ; gặp các bờ các líp thì nhẹ bước để bảo-vệ mà không cần đợi lệnh cấp trên. Anh chỉ-huy có học-lực cao lại biết kính nể anh đội-viên cầm cày, cầm phăng giỏi. Anh nông-dân lại hiểu sự-ích-lợi của óc-tổ-chức, sắp-xếp, cai-quản khoa-học của người trí-thức. Về phương-diện tác-chiến số trận đánh của Tiểu-đoàn tuy có giảm một phần song kết quả không thua sút vì sự chuẩn-bị chiến-đấu kỹ càng hơn, tinh thần ra trận bảo-vệ mùa-màng lại có phần tăng lên đáng kể.



Đó là kinh-nghiệm xưa đối với đơn-vị tổ-chức theo lối cũ ; chắc-chắn không thể nào áp-dụng nguyên-vẹn được ngày nay. Nhưng thử nghĩ đến một vài việc xem quân-đội ngày nay có thể làm được gì ?

Tình nào hiện nay chắc cũng có ruộng hoang. Nếu ruộng đó cách đơn-vị mình trong vòng hai mươi cây số thì trong một buổi sáng, hành-quân bộ đến là việc rất dễ-dàng đối với quân-đội. Tại miền Nam, năm mươi tay phát hạng thường trong bốn ngày cũng làm được xong hai trăm công ruộng. Ba mươi quân-nhân khác chạy bận

lo cơm nước, làm chuyện lật-vật cũng là dư sức, mặc dù là những thanh-niên chưa từng ra ruộng. Lo cho đám mạ đủ cấy hai trăm công đất đòi hỏi không quá bốn người. Còn việc đắp bờ, nếu toàn đơn-vị nhúng tay vào thì có thể xong trong một hai ngày. Đến mùa lúa chín, một Đại-dội cho 1/4 quân-số ra gặt hai trăm công giữa tiếng hò, tiếng ca của đám người trẻ tuổi biết xếp thành hàng, hành-dộng có nhịp, thì lâu lắm là ba ngày đã thành việc. Hai trăm công ruộng đất thường và dù không trúng mùa cũng nuôi được tẻ lắm là một trăm người trong nửa năm.

Làm rầy lại càng cần ít hơn-công. Về kỹ-thuật không cần chỉ lắm kinh-nghiệm, biết hỏi bà con lối xóm thì hưởng được huê-lợi. Nếu không làm rầy với quy-mô to lớn, tranh-thủ đất của đồn-trại cũng có thể trồng dưa leo, khô qua, cà chua, rau muống v.v... Nếu không đủ cho toàn-thể binh-sĩ trong quân-đội dùng, ít nhất những binh-binh nằm dưỡng tại đồn-trại cũng được lư-ung.

Đơn-vị sản-xuất có thể lấy Đại-dội cũng tiện vì quân số vừa vặn.

Những đơn-vị đóng gần sông ngòi sẽ học-tập kéo lưới, cầm câu và như thế, thức ăn hằng ngày của binh-sĩ sẽ được đầy đủ hơn.

Những đơn-vị cần xây cất đồn-trại mới cũng có thể đóng góp phần công của mình. Đắp nền đào mương, là những việc mà mọi quân-nhân có thể làm được. Nếu trại xây cất bằng cây và lá chỉ cần một số nông-cốt chuyên-viên, nhân-công của binh-sĩ đủ sức hoàn-thành công việc.

Tức-nhiên, hiệu-quả của việc tham-gia tự-túc về mặt kinh-tế của quân-đội không thể đòi hỏi quá đáng nếu không muốn thiệt-hại đến sự học-tập quân-sự và sự thi-hành

nhệm-vụ quân-sự của đơn-vị, song hiệu-quả chắc-chắn không phải là nhỏ. Nếu không rút bớt tiền chi-phí dành cho đơn-vị, số tiền do kinh-tế tự-túc tạo ra có thể góp phần giải-quyết vấn-đề săn-sóc cho gia-đình binh-sĩ. Nếu nghĩ rằng cuộc một líp đất hay gặt một công lúa mà có lợi cho mình hay có thể góp phần giúp đỡ bạn mình hay gia-đình của bạn, chắc-chắn anh chiến-binh sẽ vui lòng.

Nếu sợ rằng đơn-vị không có thì-giờ, thì kinh-nghiệm cho thấy đó là sự lo-ngại nhứt đặng phải có nhưng không đúng, của những người chưa từng cầm cày, cầm cuốc. Đối với một Đại-dội, làm hai trăm công ruộng chỉ cần có ba binh-sĩ thường-trực tại ruộng. Còn anh em trong đơn-vị chỉ cần có mặt tại sở ruộng không quá mười lăm ngày trong một mùa. Tuy vậy, trong mười lăm ngày đó cũng có thể phối-hợp với việc giáo-dục chút ít về lý-thuyết và một phần về thực-hành như vấn-đề hành-quân chẳng hạn.

Nếu cho rằng quân-đội ta không nghèo khổ và thiếu-thốn nên không cần nghĩ đến việc tự-túc về mặt kinh-tế, thì có lẽ là mình chỉ nhìn thấy sự phồn-thịnh bề ngoài mà không chịu thấy những khó-khăn trong thực-tế. Nhưng dù có giàu thật, việc tham gia sản-xuất của quân-đội sẽ có tác-dụng giáo-dục một quan-niệm về lao-động và về tiết-kiệm đúng-dắn. Nếu đã đỡ mồ hôi và lột da tay để xây nền và đào mương của đồn-trại thì chắc-chắn sẽ không thể có những hành-dộng vô ý-thức làm hư nền hay sụp mương. Nếu đã cực nhọc cuộc líp và cấy cày thì chẳng những trong lúc hành-quân mà ngay khi lâm-trận, châu người quân-nhân tự-nhiên sẽ cố-tâm khéo léo tìm cách tránh hàng rau tươi và bụi lúa tơ. Do đó, không cần đến ống loa kêu

gọi, bác nông-dân và chú làm vườn cũng sẽ hết lòng với quân-đội. Do thực-hành sản-xuất, trí-thức người quân-nhân sẽ mở rộng thêm. Đã hiểu được sách vở và lý-thuyết cao xa, họ sẽ hiểu thêm ý-nghĩa của giọt mồ hôi tạo ra hột gạo trắng nuôi dưỡng con người.



Nêu vấn-đề tự-túc một phần nào về mặt kinh-tế trong quân-đội, chắc-chắn sẽ gặp nhiều phản-đối. Muốn thực-hiện việc đó, cần hết sức khéo léo : hướng-dẫn tranh luận cho cạn vấn-đề, chuẩn-bị kế-hoạch cho sát thực-tế, thực-hiện thí-nghiệm tại vài địa-phương, tập-trung những cán-bộ chỉ-huy chịu khó đề khởi đầu công việc, không đòi hỏi lúc ban-sơ những kết-quả quá đáng.

Trở ngại lớn nhứt sẽ là trở ngại tinh-thần chứ không phải vật-chất. Hành-quân độ hai mươi cây số từ đồn-trại đến sở ruộng không phải là việc không làm được. Khó khăn là ở chỗ không muốn quyết-tâm ra đi mà chỉ muốn, hoặc ở nhà nghỉ, hoặc ít nhứt là lên xe đi cho mau và đỡ mỏi chân. Những kinh-nghiệm cho biết, nếu không mỗi chân ngày thường thì sẽ mỗi chân lúc ra trận.

Người sĩ-quan từ nhỏ tới lớn chưa hề cầm cuốc cầm cày để sản-xuất phải chịu

khổ rất nhiều nhưng chắc chắn sẽ được anh em binh-sĩ thương-mến thêm cũng rất nhiều.

Người binh-sĩ đã gác cuốc, gác cày từ lâu năm để chỉ lo tập cầm súng và gươm, trở lại nghề cũ cũng phải có một sự cố-gắng không phải là nhỏ.

Nhưng phải nghĩ tại sao quân-đội gồm những thanh-niên khỏe-mạnh và tinh-tế của dân-tộc, có nhiều khả-năng rất to lớn, mà ta lại không khai-thác cho đầy đủ ?

Ta có sợ quân-đội tham-gia sản-xuất sẽ cạnh-tranh với nhân-dân không ? Không. Vì quân-đội sản-xuất mà không mất tánh-chất chuyên-nghiệp của mình là quân-sự, chỉ có thể góp phần nâng-cao mức sanh-sống của mình và của gia-đình binh-sĩ.

Không gì thiệt-hại cho nhân-dân mà sẽ giảm bớt gánh nặng đóng góp của dân để nuôi dưỡng quân-đội.

Về vấn-đề quân-đội tham-gia sản-xuất không phải là một sự mơ-mộng. Nó là một việc đã thực-hành và đã có thành-công.

Nó không giảm giá-trị quân-sự của quân-đội nhưng trái lại làm cho quân-nhân tha-thiết với mảnh vườn và ruộng nương của đất nước, càng quyết-tâm chiến-đấu để đẩy lui mọi lực-lượng xâm-lược và củng-cố nền độc-lập cho nước Việt.

PHẠM-NGỌC-THẢO

❖ CUỘC đời không phải là lạc-thú mà cũng không phải là tan-khò ; cuộc đời là một công cuộc hết sức quan-trọng chúng ta phải gánh lấy, và phải hoàn-thành vì danh-dự chúng ta.

ALEXIS DE TOCQUEVILLE.

TRƯỚC LÀN SÓNG DI-CƯ

NGUYỄN-ANH-LINH

HIỆP-định Gio-ne đã tạo cho nước Việt cảnh di-cư không tiền khoáng hậu. Nhưng nhìn qua thế-giới, cuộc Nam-tiến miễn-cưỡng của chúng ta vị-tất đã là bi-đát nhất, và xem như nhân-loại ngày nay đang trải qua những xáo-trộn vĩ-dại : Hít-le tập-trung dân Do-thái xứ Ba-lan vào các trại giáo-huấn ; Xí-ta-lin đưa dân Xí-la-vơ (Slave) thay thế dân Đông-Đức ; Israel đuổi gần triệu người Á-rập để chỗ cho kiều-bào mình đến ở ; dân bắc Cao-ly đã xuống miền Nam gần ba triệu... Đâu có chiến-tranh, thì hiện-tượng đó đang tiếp-diễn, như ở Hung-gia-Lợi, Ai-Cập.

Thảm-cảnh hiện-thời không khỏi làm cho ta nghĩ tới những trang sử đẫm máu, những làn sóng di-cư trước những cuộc xâm-lăng chinh-phục dưới thời La-mã, Atila, Koubilai...

Những biến-cố đó làm cho ta bỡ-ngỡ, vì chúng ta cho rằng giờ đã đến mà nước nào có ranh giới nước ấy, dân nào cũng

an-cư ở xứ-sở dân ấy : cuộc huynh-đệ tương-tàn ở đất Việt lại tăng phần đau-khổ, sau khi anh em đã cùng nhau diệt giặc Viễn-chinh.

Phải chăng những sự-kiện trên cho ta hay dưới trần-thế các dân-tộc đều có tính-cách tạm-thời, bất-định ? Phải chăng nhược-điểm của nhân-loại là không bao giờ được kết-hợp với nhau, là luôn luôn ly-tán ? Phải chăng con người là vô tồ-quốc, vô thừa-nhận, lang-thang đây đó ?



Những vấn-nạn nêu lên bởi di-cư không khỏi làm cho chúng ta thắc-mắc. Điều chắc chắn là tồ-quốc, gia-đình là những lãnh-vực thiên-nhiên để con người được nầy-nở vui-tươi.

Nếu tồ-quốc, gia-đình là nơi thuận-liện để con người tiến-triển, thì cũng một trật, gia-đình, tồ-quốc có thể là một trở-lực cho cuộc đoàn-kết giữa nhân-loại. Khi tách

ta khỏi những lãnh-vực trên, cuộc di-cư có thể mở rộng nhân-giới tư-tưởng và giúp ta cảm thấy đại-gia-đình thế-giới : chúng ta phải là công-dân mọi nước và coi tổ-quốc ta như đất khách quê người. Sống riêng tư trong gia-đình đầm-ấm, chỉ biết có tổ-quốc yêu-dấu của mình là sống một đời lẻ-loi, là đi trái-ngược với nguyện-vọng thiết-tha của nhân-loại : nguyện-vọng thế-giới đại-dồng, tứ hải giai huynh đệ.

Nhưng đặt nền-tảng của thế-giới đó trên tham-vọng, kiêu-hãnh, khoa-học vật-chất *sớm chầy sẽ đi đến thất-bại chua-cay* : lịch-sử đã bao lần minh-chứng điều đó. Thoát khỏi cơn Đại Hồng-Thủy, nhân-loại bấp-bênh mưu-toan xây-dựng tháp Baben, cao tận trời ; nhưng công-cuộc đang tiến-hành, thì mỗi người đi một ngã, vì ngôn-ngữ bất-dồng. Những cuộc đồng-minh, liên-hiệp, tam tứ ngũ cường, chặt-chẽ khi cần để đối-phó với địch chung, dần dần tan rã, khi phải chia-xẻ miếng mồi ngon. Bao lâu chưa diệt được tính vị-kỷ, bao lâu chưa đề-cao bác-ái, vị-tha thì cuộc đoàn-kết giữa nhân-loại khó bề thành-tựu.



Nói đến tản-cư, tức là nghĩ đến tiếp-cư và thừa-nhận xã-hội ngày nay một phần nào chưa sẵn-sàng đón-tiếp tha-nhân.

Về mặt ngữ-học La-Hy thì chữ *Khách* và *Cửu* (địch) đồng một ngữ-căn : trong tiếng Latinh, *Hospes*, khách, *Hostis*, địch, và trong tiếng Hy-lạp *Xénos*, khách hay địch (*Xénophobie* : bài ngoại ; *philoxénie* : hiếu khách). Căn-cứ vào đó, khi hai hạng người khách và cửu-địch không khác nhau : người lạ mặt tức là người không thuộc thị-tộc, chủng-tộc mình, thì có thể coi như là một thù-địch hay là một

người khách. Theo dân Hiba (sách Sáng thế, chương 4), sau khi giết Cain, Aben đau-dớn tự nhủ : « Tôi sẽ lang-thang tìm chỗ trốn dưới trần-gian và ai gặp tôi sẽ giết tôi ». Quả thế, quan-niệm xưa cho phép hủy-diệt người lạ mặt.

Một dân-tộc đã bước được một bước *tiến-bộ quyết-liệt*, khi người lạ mặt trước đây là thù-địch, trở nên khách nhà ; vì ngày đó tình nhân-loại, tình đoàn-kết, tình huynh-đệ xuất-hiện. Trước đây, giống người như giống vật trong rừng thẳm, xâu-xé lẫn nhau, nhưng khi người khác giống, khác họ được tiếp-dãi như một người bạn, ngày đó ý-nghĩa về con người được cải-thiện và cục-diện thế-giới đã đổi mới.

Đối với Hy-lạp, đón khách là triệu-chứng một nước văn-minh. Platon chủ-trương : « Chúng ta hãy xét đến nhiệm-vụ chúng ta đối với người khách. Phải cho rằng nhiệm-vụ đó là tối quan-hệ, là cực-thánh ; một công-dân mà sơ-xuất với họ, là phạm đến một vị thần sẵn-sàng oán-thù chúng ta. Người khách lạ, vì xa họ hàng, bạn-hữu, phải được mọi người ân-cần săn-sóc cũng như họ vẫn được các vị thần triu-mến. Vì thế đối với họ, ta phải cần-thận đề suốt đời ta đừng làm điều gì có lỗi ».

Quý khách là quý phẩm-giá con người, và ta có thể dựa vào Platon để định-nghĩa văn-hóa là một trật-tự mà con người được kính-trọng, mà con người, càng yếu-đuối, cô-đơn, khốn-khổ, lại càng được nâng-dỡ. Trái lại, một trật-tự mà người lạ mặt, chơ-vơ, bị khinh-rẻ, bỏ rơi hay diệt-trừ, chỉ là một trật-tự dã-man, dù trong đó trình-độ khoa-học, vật-chất đã được nâng-cao.

Công-giáo đã nhấn mạnh vào phẩm-giá con người và coi việc tiếp-khách như một

trong những nhân-đức chính. Thời Trung-cổ, cuộc đại khách đã được tổ-chức chu-đáo : toàn-thể giáo-dân, dưới quyền Giám-mục, phải lo thành-lập những « khách xá, những nhà khách của Chúa » (Hôtellerie, Hôtel-Dieu). Nếu ngày nay, những khách-xá biến thành khách-sạn, phải trả tiền mới có chỗ ăn ngủ, thì đó là do một chế-độ trục-lợi.

Một di-tích còn lại là những khách-xá các Dòng Châu-Sơn, Bê-nê-dictô... Chính Cha Bê Trên dòng kính-cần đón chào khách lạ mặt, đưa vào phòng, rửa tay cho khách, coi khách như vị đại-diện Thiên-Chúa.

Quả thế, trong đoạn nói về ngày phán xét chung, Chúa Giêsu phán cùng người lành rằng : « Ta là khách lạ các con đã tiếp rước ». Các người lành thưa lại : « Có khi nào Chúa là khách lạ tới cho

chúng con đón rước đâu ? ». Chúa phán : « Mỗi lần các con tiếp rước một trong những người bé mọn này, là chính các con tiếp rước ta ». ... Thiên Chúa đã đồng-hóa với khách lạ. Ngài là người tha-phương đến với chúng ta, gõ cửa chúng ta : « Đây Cha đến, Cha gõ cửa ; ai nghe lời Cha mà mở cửa, Cha sẽ vào dùng cơm với nó ». Gioan, khải-huyền, III, 20.

Ở đây, phải chăng chúng ta đứng trước một quang-cảnh đảo-ngược : chúng ta vẫn đinh-ninh rằng chúng ta làm ơn « cho khách đỡ nhờ » mà thật ra chính người tiếp khách là kẻ được đầy dẫy ơn ích trước nhất. Ngày nay chúng ta tiếp đón tha-nhân, hình-ảnh Thiên-Chúa như một vị khách lạ là đề sau này chính chúng ta là những khách lạ được Ngài đón tiếp ở một thế-giới khác-biệt.

NGUYỄN-ANH-LINH

■ Vệ-sinh, kinh-tế, giáo-dục.

Không-Tử đến nước Vệ, có Nhiễm-Hữu đánh xe hầu. Không-Tử khen nước Vệ :

— Dân nước Vệ đông thay !

Nhiễm-Hữu hỏi :

— Dân đã đông, kẻ cầm quyền còn phải làm gì nữa ?

Không-Tử đáp :

— Phải làm cho trở nên giàu có.

Nhiễm-Hữu lại hỏi :

— Họ đã giàu có rồi, kẻ cầm quyền còn phải làm gì nữa ?

Không-Tử đáp :

— Phải giáo-hóa họ.

Phải chăng đó là ba phương-pháp nhà chính-trị phải dùng để thực-hiện hạnh-phúc cho dân : trước hết phải lo giữ-gìn sức khỏe cho dân để dân trở nên đông-đức, rồi phải mở-mang nền kinh-tế cho dân để dân trở nên giàu có, và sau hết, phải nghĩ tới việc phát-triển giáo-dục và văn-hóa, cho dân có học-thức và biết lễ-ngĩa làm-sĩ.

NHIỆM-VỤ CÁN-BỘ NGHIỆP-ĐOÀN TRONG MỘT NƯỚC ĐỘC-LẬP

HUỲNH-ĐỨC-QUANG

SAU 80 năm nô-lệ, dân Việt-Nam ngày nay đã dành được chủ-quyền lại cho xứ-sở. Nhưng độc-lập về chính-trị chưa đủ, chúng ta còn phải độc-lập về phương-diện kinh-tế. Một quốc-gia mà nền kinh-tế quá thấp kém, còn bị lệ-thuộc hẳn vào một ngoại-bang, quốc-gia ấy chưa có thể coi mình đã được độc-lập hoàn-toàn. Thử nhìn vào lịch-sử một nước cạnh chúng ta, Trung-quốc trước kỳ đại-chiến vừa qua là nước độc-lập hoàn-toàn về chính-trị, nhưng về kinh-tế còn tùy-thuộc nước ngoài, nên bị chi-phối về mọi phương-diện. Nhằm vào mục-dịch xây đắp nền móng cho một cơ-sở quốc-gia độc-lập thật hoàn-toàn, trong thông-diệp đầu xuân Đinh Dậu, Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm đã đặc-biệt chú-trọng đến vấn-đề chấn-hưng nền kinh-tế nước nhà.

Trong công-cuộc kiến-thiết chung này, tuy mọi công-dân phải cố-gắng, nhưng nhiệm-vụ người lao-động rất nặng-nề vì họ phải gánh vác một phần rất lớn. Nếu công-nhân Việt-Nam có tài-đức, kỹ-nghệ Việt-Nam sẽ có cơ phát-triển, cạnh-tranh nổi với kỹ-nghệ ngoại-quốc. Trái lại nếu công-

nhân Việt-Nam vô tài-đức, nền kỹ-nghệ sẽ chậm tiến, phá sản, kinh-tế quốc-gia sa-sút, tiền-tệ mất giá trên thị-trường và lâm vào tình-trạng khủng-hoảng.

Muốn chu-toàn nhiệm-vụ mình, người lao-động Việt-Nam chẳng những phải tỏ ra thông-thạo về vấn-đề chuyên-môn trong nghề, lại phải học hỏi thêm về tất cả những gì có liên-hệ đến quyền-lợi và nhiệm-vụ của công-nhân. Nhưng các kiến-thức kia công-nhân học hỏi ở đâu ? Chắc là không thể cậy vào học-đường, họ có thể trông-cậy ở sách-vở, và nhất là nhờ các cán-bộ nghiệp-đoàn hướng-dẫn. Đề hướng-dẫn người khác, cán-bộ nghiệp-đoàn phải huấn-luyện mình, phải học-tập luôn, mới mong chu-toàn nhiệm-vụ của mình được.

Ái nấy đều nhận-thức rằng : ngày nay xã-hội tiến-triển rất mau lẹ. Nhờ các phát-minh khoa-học tâm-lý và cách sinh-hoạt con người đổi mới luôn. Tâm-lý một người 10 năm về trước và tâm-lý một người sống năm 1957 đã khác nhau xa lắm. Họ không cùng rung-cảm, cùng nghĩ như nhau. Lại nữa, tò-chức ngày nay thêm phức-tạp, nếu không học hỏi, chúng ta sẽ không

hiều gì hết. Ở Việt - Nam, tình - trạng xã - hội không tiến nhanh như các nước khác, nhưng ai dám bảo nó không thay đổi. Tỉ như dòng nước cứ chảy, mà ta không cố chèo, ta sẽ không tiến, mà dòng nước còn đưa ta lùi xuống. Thời-cuộc tiến mà ta không cố-gắng huấn-luyện thì thời-cuộc sẽ bỏ ta lại sau lưng. Đã nhận sứ-mạng cán-bộ nghiệp-đoàn, chúng ta phải cố-gắng chu-toàn để giúp những bạn đồng-nghiep đã ủy-thác cho ta.

Vậy các cán-bộ nghiệp-đoàn cần phải được huấn-luyện và học-tập luôn, vì nhiệm-vụ của cán-bộ là hướng-dẫn nghiệp-đoàn, hướng-dẫn trong ba phạm-vi :

- a) Đòi hỏi quyền-lợi cho nghiệp-đoàn
- b) Đại-diện cho công-nhân nghiệp-đoàn
- c) Huấn-luyện anh em nghiệp-đoàn

A) ĐÒI HỎI QUYỀN-LỢI

Nhiệm-vụ thứ nhất của cán-bộ nghiệp-đoàn là hướng-dẫn nghiệp-đoàn trong công-cuộc tranh-đấu quyền-lợi, nghĩa là đòi hỏi cho giới lao-động một đời sống sung-sướng hơn, cả vật-chất lẫn tinh-thần. Gia-nhập nghiệp-đoàn, tất cả ai cũng thấy nghiệp-đoàn luôn luôn bận-tâm về công-việc đòi hỏi và đại-diện. Sở-dĩ có nghiệp-đoàn là vì công-nhân thấy cần phải đoàn-kết để đòi cho được cơm ăn áo mặc, nhà ở và đời sống xứng-hợp với phẩm-giá con người. Nghiệp-đoàn theo bộ-luật lao-công định-nghĩa là một tổ-chức có mục-dịch độc-nhất là « nghiên-cứu và bảo-vệ quyền-lợi kinh-tế, kỹ-nghệ, thương-mại và nông-nghiep của đoàn-viên ».

Công-nhân xưa kia bị bóc-lột một phần nào, vì họ chưa biết đoàn-tụ lại với nhau thành một khối duy-nhất, để bảo-vệ lẫn nhau. Họ chưa hiểu câu :

« Một cây làm chẳng nên non,

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao ».

Ngày nay công-nhân đã được đếm xỉa đến, đời sống đã cải-thiện, nhưng không phải thế mà công-nhân ngừng tranh-đấu. Còn nhiều vấn-đề phải làm, không bao giờ ta tới đích toàn-thiện.

Muốn tranh-đấu và đòi hỏi, công-nhân và nhất là các cán-bộ cần phải đủ khả-năng, không những biết rõ công-lý, biết cái gì mình có quyền làm, quyền hưởng, chẳng hạn hiểu biết áp-dụng luật lao-động, những quy-chế ấn-định trong khế-ước, mà còn phải khôn-khéo đòi hỏi cho hợp-thời, cân-nhắc tình-trạng kinh-tế của xí-nghiep, đang được phồn-thịnh hay gặp phải khủng-hoảng, tình-trạng của chủ-nhân, tình-trạng của công-nhân cao hay thấp, thái-độ của dư-luận và con đường chính-trị của tổ-quốc. Tóm lại tranh-đấu phải có trật-tự, sáng-suốt, kỷ-luật và tài-năng.

Tất cả những vấn-đề ấy cần phải hiểu rõ. Đòi hỏi để có tiếng là đòi hỏi thật ra không khó lắm. Nhưng đòi hỏi để thành-công không phải là dễ-dàng như nhiều người tưởng.

B) NHIỆM-VỤ HƯỚNG-DẪN NGHIỆP-ĐOÀN

Nhiệm-vụ thứ hai của người cán-bộ là hướng-dẫn nghiệp-đoàn trong việc chọn đại-diện. Muốn cho phong-trào tiến mạnh, muốn cho công-cuộc tranh-đấu có kết-quả, nghiệp-đoàn phải có những người đại-diện xứng đáng. Muốn đại-diện phong-trào nghiệp-đoàn cho xứng đáng và mong được thành-công, người chiến-sĩ lao-công không những phải có nhiệt-tâm muốn phụng-sự cho nghiệp-đoàn, mà còn phải phải có kiến-thức đứng-dẫn về vấn-đề giải-quyết. Thí-dụ muốn giải-quyết vấn-đề lương-bổng công-nhân, bạn cần biết rõ quy-

luật lao-dộng ấn-định về tiền lương tối thiểu. Muốn giàn-hòa một vụ tranh-chấp giữa công-nhân và thợ-thuyền, bạn cần phải cân-nhắc yếu-sách và tình-trạng đôi bên, phải biết rút kinh-nghiệm của người xưa. Về điểm này Cộng-sản hơn chúng ta nhiều lắm. Họ biết học hỏi những thành-công của người xưa và lợi-dụng những kiến-thức để lại. Ngay cả những thất-bại của người trước, họ cũng biết lợi-dụng để tránh khỏi phải rơi vào những lầm-lỗi quá-khứ ấy. Việc chọn đại-biểu quan-trọng lắm, vì chúng ta phải tranh-đấu với những người khôn-khéo, lắm mưu-mô, dư tiền mua chuộc.

Nếu đòi hỏi không đi tới kết-quả nào, nếu đại-diện không xứng-đáng, chúng ta thử hỏi lúc bấy giờ nghiệp-đoàn sẽ ra sao? Đạo-luật xã-hội có còn được tôn giữ? Số-phận anh em lao-dộng thế nào? Chắc các bạn đoán được đời sống khổ-sở đang chờ đón anh em lao-dộng.

C) NHIỆM-VỤ HUẤN-LUYỆN

Nhiệm-vụ thứ ba của cán-bộ nghiệp-đoàn còn là huấn-luyện đoàn-viên trong nghiệp-đoàn. Cán-bộ phải biết giải-thích cho công-nhân biết nghiệp-đoàn là một tổ-chức xã-hội, không có tính-cách chính-trị, nghĩa là không tranh-đấu để nắm chính-quyền. Nghiệp-đoàn chỉ có mục-đích bảo-vệ giới cần-lao. Nghiệp-đoàn cũng không phải là một đoàn-thể tôn-giáo, nghĩa là không chủ-ý lôi nghiệp-đoàn về tôn-giáo nào, hay buộc nhân-viên nghiệp-đoàn phải theo một tôn-giáo nào. Người công-nhân được tự-do theo tín-ngưỡng của mình. Nghiệp-đoàn còn bảo-vệ cho tôn-giáo của mình, giúp cho phương-tiện thực-hiện tôn-giáo ấy. Nghiệp-đoàn Thiên-Chúa-giáo mà chúng ta thấy đang hoạt-động ở Việt-Nam, không bắt

buộc chúng ta phải theo đạo Thiên-Chúa, chúng ta có thể vào nghiệp-đoàn mà không cần phải bỏ Phật-giáo, Lão-giáo.

Cán-bộ cũng phải giải-thích cho công-nhân biết nghiệp-đoàn chỉ thu-tập những người thành-thật muốn cải-thiện đời sống lao-công, chứ không phải là nhóm người ô-hợp. Cán-bộ lại còn phải giải-thích cho công-nhân biết hệ-thống tổ-chức của nghiệp-đoàn. Thế nào là Liên-hiệp địa-phương, Liên-hiệp khu-vực và Tổng Liên-đoàn. Thế nào là hệ-thống giốc, hệ-thống ngang. Hệ-thống tổ-chức nghiệp-đoàn không những chỉ trong phạm-vi một nước, mà còn bao gồm các nước khác trên thế-giới. Tổ-chức Tổng liên-đoàn phải hoàn-toàn tự-trị và Việt-Nam trăm phần trăm. Nó không được lệ-thuộc vào một chính-thề nào. Tự-trị không có nghĩa là cô-lập. Chúng ta tự-do gia-nhập tổ-chức quốc-tế lao-dộng.

Phong-trào nghiệp-đoàn càng tiến mạnh thì sự huấn-luyện đoàn-viên cho biết nghiệp-đoàn lại càng cần-thiết. Đã rõ có những trường-hợp đặc-biệt, chúng ta thường tùy cơ định-liệu do sáng-kiến chúng ta, nhưng trường-hợp đó rất ít, trái lại luôn luôn chúng ta cần những người kinh-nghiệm và am-hiếu. Ngày nay pháp-luật xã-hội cũng đã biến-chuyển. Thay vì khế-ước cá-nhân do thợ định-đoạt với chủ, người ta đã thay thế bằng cộng-đồng khế-ước, nghĩa là một nhóm người ký khế-ước với chủ. Thay vì ngày xưa chỉ có thợ với chủ, ngày nay ta thấy có người đại-diện thay mặt cho thợ đối với chủ. Tuy vậy sự quan-trọng và trách-nhiệm nghiệp-đoàn vẫn còn. Công-nhân không thể hoạt-động đăc-lực chỉ nhờ vào đường lối đại-cương và nhiều thiện-chí, mà còn cần phải thông-thạo.

Mục-đích các lớp huấn-luyện là cho các cán-bộ và các công-nhân biết những quy-luật chính của luân-lý và hướng-dẫn họ trong đời sống tư cũng như đời sống công.

Luân-lý nghiệp-đoàn là có ý chế-định và tổ-chức mọi sự liên-lạc giữa người với người, giữa công-nhân và chủ-nhân. Người công-nhân có bổn-phận gì đối với chủ, với công-việc người khác giao-phó cho mình? Đã ký giấy làm việc cho người khác, công-nhân có bổn-phận phải chu-toàn. Nếu tại lỗi mình công-việc không thành, thì công-nhân đã phạm tới đức công-bình. Trái lại công-nhân cũng phải biết mình là một người có quyền đòi hỏi chủ phải đền xia tới mình, tới gia-đình của mình. Chủ phải săn-sóc tới sức khỏe, tới điều-kiện làm việc của mình. Tất cả những vấn-đề then-chốt ấy, ta chỉ có thể giải-quyết một cách ôn-thỏa bằng tôn-chỉ luân-lý. Không có tôn-chỉ luân-lý, người ta sẽ dễ đi quá đà thiên về bên này hoặc thiên về bên kia. Vì thế mà thành ra sai-lầm. Luân-lý của ta không phải chỉ là một mớ lý-thuyết suông. Ta phải đem ra hành-động, phải thực-hiện vào đời sống của ta, của anh em công-nhân cùng làm việc với nhau. Như vậy hoạt-động nghiệp-đoàn nhất định cần phải có tôn-chỉ luân-lý, và chiến-sĩ nghiệp-đoàn cần phải biết luân-lý xã-hội. Đó là quan-điểm chính mà Tổng-Liên-Đoàn L.C.V.N. đã nhắc nhở đến trong câu « T.L.Đ.L.C.V.N. đặt phương-châm hành-động trên một lý-thuyết. Cái lý-thuyết đó nằm trên quan-niệm con người. Dựa vào nguyên-tắc luân-lý, xã-hội, tôn-giáo, T.L.Đ.L.C.V.N. hoạt-động để thực-hiện một xã-hội trên nền-tảng công-bằng và tự-do trong đó nhân-phẩm được kính-trọng ».

T.L.Đ.L.C.V.N. chủ-trương bảo-vệ một nền văn-minh xây-dựng trên sự kính-trọng

con người và gia-đình. T.L.Đ.L.C.V.N. hẳn nghĩ rằng so với vật-chất, con người có tư-cách, có tài-năng và vì lẽ đó, vật-chất phải tùy thuộc con người dưới mọi hình-thức : tổ-chức sản-xuất xây-dựng kinh-tế, xử-dụng tiền bạc. Khẩu-hiệu của Tổng liên-đoàn là sản-xuất để phụng-sự con người. Cho nên gia-nhập một nghiệp-đoàn thuộc T.L.Đ.L.C.V.N., người lao-động cần phải cam-kết hoạt-động nghiệp-đoàn theo quan-điểm căn-bản, tức là các nguyên-tắc một nền luân-lý xã hội, mà đoàn-viên chiến-sĩ, hay cán-bộ lãnh-đạo phải hiểu biết cho mình, và để giải-thích cho công-nhân.

NHỮNG MÔN HỌC KHÁC

Trên kia chúng ta nói, luân-lý cần-thiết để chế-định mọi giây liên-lạc giữa người và người. Nhưng ở thời hiện-đại, sự liên-lạc đó ngày càng phức-tạp cho nên muốn nghiên-cứu, chiến-sĩ nghiệp-đoàn còn phải học hỏi : luận-thợ-thuyền, kinh-tế-học, lịch-sử xã-hội, lịch-sử phong-trào thợ-thuyền. Mỗi liên-lạc giữa công-nhân và chủ-nhân, công-nhân và chính-quyền đều do luật-pháp chế-định : công-nhân cần phải có một khái-niệm tổng-quát về vấn-đề liên-quan tới các đạo-dụ, sắc-lệnh, nghị-định, quy-chế quyền-lợi và nhiệm-vụ công-nhân. Ngoài ra, chiến-sĩ nghiệp-đoàn trong khi tiếp-xúc với ban giám-đốc xí-nghiệp, với đại-diện chính-quyền phải thảo-luận về ảnh-hưởng của kinh-tế do yêu-sách của nghiệp-đoàn gây ra. Nghiệp-đoàn phải chú-trọng đến tình-trạng của một ngành kinh-tế hay có khi của cả nền kinh-tế quốc-gia, để dung-hòa quyền-lợi cá-nhân và quyền-lợi thiêng-liêng của tổ-quốc. Sau cùng muốn là một chiến-sĩ công-nhân hoàn-toàn xứng-đáng một nước độc-lập, người chiến-sĩ nghiệp-đoàn còn biết nhìn vào quá-trình

tranh-đấu của giai-cấp thợ-thuyền, và lịch-trình tiến-hóa của xã-hội kinh-tế. Về điểm này những người cộng-sản hơn chúng ta nhiều. Họ cố-gắng xuyên-tạc lịch-sử theo học-thuyết của họ. Chúng ta cần-thiết bồi-bổ kinh-nghiệm lý-thuyết bằng những hành-động do các bậc đàn anh lão-luyện chỉ dẫn. Bên cạnh luân-lý và khoa-học, phải dành chỗ cho thực-hành nghiệp-đoàn. Phải thực-hành mới có thể ứng-dụng kinh-nghiệm

học-tập về vấn-đề chức-nghiệp vào sự sinh-hoạt của chiến-sĩ.

Tóm lại người cán-bộ nghiệp-đoàn trong một nước độc-lập phải cố-gắng trau-dồi mới mong hướng-dẫn công-nhân đến chỗ kết-quả. Chúng ta phải mở rộng tầm kiến-thức để đón nhận mọi luồng tư-tưởng mới mẻ và lành-mạnh từ bốn-phương trời đưa tới.

HUỖNH-ĐỨC-QUANG

■ Hậu-quả một lời nói độc.

Philippe, vua xứ Macédoine, thân-sinh ra Hoàng-đế Alexandre, đang khi công-hãm thành Methone, có nhà thiện-xạ Aster tới xin giúp vua một tay. Aster khoe mình có tài bắn giỏi, y quả-quyết chim bay trên trời, dù mau đến đâu, y bắn cũng trúng.

Có lẽ bực mình vì thấy y khoe tài mình một cách quá đáng, vua Philippe đáp lại :

— Được lắm, để khi nào có chiến-tranh với loài chim sẻ, ta sẽ dùng ngươi.

Câu nói giỡn đó đâm thẳng vào trái tim Aster như một mũi tên. Và tự đó, y khắc vào xương-tủy mỗi thù với vua Philippe. Y cố tìm cách lên vào thành bị công-hãm, và cố-lâm chờ dịp để ăn miếng trả miếng cho thỏa lòng giận. Một hôm, từ trên bờ thành, Aster thấy vua Philippe đang đi tuần-tiêu, liền rút chiếc tên đã viết sẵn dòng chữ : « Gửi cho con mắt bên phải của vua Philippe ». Chiếc tên quả nhiên trúng đích. Vua Phillippe sai người đem trả lại chiếc tên, với dòng chữ sau này :

« Nếu Philippe mà lấy được thành, quyết sẽ treo cò Aster ». Nhà vua nói lời và đã giữ được lời.

Vua Philippe thật đã mua câu nói thú-vị bằng một giá quá đắt, mà chàng Aster đã giải hiềm bằng một giá đắt hơn. Chuyện đời thường là như vậy. Mỗi hiềm thường làm-lạc ta và đưa ta tới chỗ nguy-hiềm. Song những câu châm-chích nhiều khi sinh ra những hậu-quả không kém tai hại. Người ta thường tha thứ một lỗi-lầm dễ-dàng hơn là tha-thứ một lời nói độc.

KIỆN-TOÀN NỀN KINH-TẾ ĐỘC-LẬP

MINH-PHONG

CUỘC triển-lãm nội-hóa tổ-chức lần đầu tiên ở Việt-Nam đã đạt nhiều thắng-lợi vẻ-vang. Đoàn-thể, báo-chí, đài phát-thanh nhiệt-liệt hoan-nginh. Đa-số đồng-bào sôi-nổi ủng-hộ. Ròng-rã suốt tuần, kẻ ra người vô không ngớt. Người ta đã trầm-trồ trước những bức thêu tỉ-mỉ, linh-dộng, chân-dung đức Giáo-Hoàng và các vị lãnh-tụ chánh-trị. Người ta đã ngạc-nhiên khi bước vào « Khu sản-phẩm bào-chế y-học », trước những hộp thuốc uống hay chích trông đẹp mắt. Nhất là « Khu hàng lụa » với màu sắc rực-rỡ, đã quyến-rũ nhiều khán-giả, đặc-biệt các bà các cô. Họ thi nhau bận hàng nội-hóa đi xem « Triển-lãm nội-hóa », phô-trương được phần nào tinh-thần « Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn ». Người ngoại-quốc lại thêm một phen thấy rõ lòng bông-bột yêu nước, yêu sản-phẩm nước nhà của dân-tộc Việt-Nam.

Nhưng tiếc thay ! Lòng bông-bột chỉ rầm-rộ như pháo giao-thừa vồn-vện trong bảy ngày bảy đêm và dư-âm chỉ kéo dài được chừng hơn một tuần-lễ nữa thôi. Rồi dẫu lại vào đấy. Người ta nguôi dần lòng bô-thiết đồ nội-hóa trước cảnh hàng ngoại-

hóa ngập tràn khắp mọi nơi. Đồ nội-hóa đành chịu số-phận những cô gái quê đẹp thùy-mị, không phần son bị người ta xao-lãng hay ít chú-ý khi chung-quanh nô-nức những cô gái thành trang-diễm lộng-lẫy đầy quyến-rũ.



Trước tình-trạng đó, ta cần nhận-dịnh rõ rằng « Tuần-lễ nội-hóa » chỉ có tánh-cách tượng-trưng cho sự mới góc đầu dây của một nền kinh-tế bấy lâu bị bệnh trầm-kha. Còn muốn kiện-toàn nền độc-lập nước nhà trong lãnh-vực kinh-tế, yếu-tố căn-bản là sự đóng góp của toàn-dân, nhưng là một sự đóng góp thường-xuyên, lâu dài, bền-bĩ và không kém phần gian-khò. Nói một cách khác, muốn tiến tới một nền kinh-tế độc-lập, chúng ta phải dùng đồ nội-hóa, song không phải chỉ sôi-nổi hô-hào dùng trong thời-gian triển-lãm thôi đâu, mà sau đó ta vẫn tiếp-tục cố-động cho đồ nội-hóa, gây phong-trào dùng đồ nội-hóa thường-xuyên, làm cho tư-tưởng dùng đồ nội-hóa thấm-nhuần từ trên xuống dưới, từ giàu đến nghèo.

Ta sẽ gặp những khó-khăn không nhỏ, vì thường-thường, dân-chúng hể thích cái

gì mua cái này và ưa mua đồ tốt và rẻ tiền. Nhưng khốn nỗi ! Trong một nước còn lạc-hậu như nước ta, phần nhiều đồ nội-hóa đâu có rẻ và tốt bằng đồ ngoại-hóa ! Bền chải làm tại Việt-Nam sao tốt bằng bền chải ngoại-quốc. Áo dài may hàng nội-hóa tất-nhiên không đẹp và bền màu bằng nylon hay hàng gì khác nữa. Nếu có đôi món đẹp không thua gì đồ nước ngoài thì lại rất đắt. Mà không đắt sao được ! Nguyên-liệu mua đắt, chịu thuế khá nặng, máy-móc mới dùng chưa thu lại vốn, kinh-nghiệm đã ít mà còn thiếu vốn phải đi vay nặng lãi, tất-nhiên phải bán đắt mới mong có chút đỉnh lời.

Bởi thế, người tiêu-thụ không phải chỉ đứng trên quan-diểm kinh-tế mà còn phải đứng trên quan-diểm chung, đặc-biệt quan-diểm chánh-trị. Trong hai, ba chục năm nữa, chưa chắc đồ nhom Việt-Nam đã tốt và rẻ bằng đồ nhom ngoại-quốc. Việc chế-tạo trong xứ ta những máy dệt tối-tân hay những đồng-hồ tinh-xảo như ở Âu-Mỹ đòi hỏi một thời-gian có lẽ bằng nửa thế-kỷ. Nhưng, nếu giờ ta không chịu khó dùng đồ xấu và đắt thì làm sao trong tương-lai có hàng Việt-Nam tốt và rẻ để xài, vì sản-xuất không người tiêu-thụ, ngành kỹ-nghệ sẽ bị bóp nghẹt và phá-sản ngay từ trong trứng mề, còn đâu cho các kỹ-nghệ-gia cải-tiến kỹ-thuật, các nhà chuyên-môn tìm tòi phát-minh những cái đẹp, cái lạ hơn. Vậy, tiêu-thụ hàng nội-hóa, ta phải nhận thấv vinh-dự góp công vun-đắp nền kỹ-nghệ nước nhà.

Hơn nữa, dùng miếng xà-bong nội-hóa ít bọt, nằm trên chiếc chiếu dệt ngay trong xứ không mấy êm, ta phải cảm-thấy niềm vui-sướng đã góp sức một phần nào trong vấn-đề giải-quyết nạn thất-nghiệp. Hàng bán chạy, nền công kỹ-nghệ sẽ phát-triển,

còn dầu nạn đầu-cơ tích-trữ mỗi khi đồ nhập-cảng hiếm-khan. Bấy giờ chị em xóm « bình-khang » cũng sẽ có công ăn việc làm trong các xưởng và nạn mại dâm được trừ ngay tận gốc.

Có người bảo dùng đồ nội-hóa là không văn-minh hay có óc bài-ngoại, đó không phải là một lý-luận có căn-cứ. Ai cũng dư hiểu, nền văn-minh một nước được đánh giá bằng những thành-tích sâu-sắc về phương-diện kinh-tế, chánh-trị, xã-hội và văn-hóa v.v... chớ nào phải căn-cứ vào bộ quần áo hay cái bóp, đôi giày. Một bà uốn tóc quần theo kiểu đào hát bóng, lái xe Huê-kỳ nhưng đầu óc đầy phong-kiến có văn-minh bằng chị nông-dân xấp-xệ hiểu việc nước và lo công-việc xã-hội không ? Đến như óc bài-ngoại thiết-tưởng góp sức chấn-hưng nền kinh-tế nước nhà đâu có nghĩa là ta sẽ tuyệt-giao với các nước khác về phương-diện kinh-tế, chánh-trị hay văn-hóa. Trái lại, ta còn phải nhập-cảng nhiều dụng-cụ, máy-móc và sản-phẩm của nước ngoài cũng như ta cần phải bán ra ngoài những gì ta sản-xuất dư. Nhưng mua và bán trên một lập-trường bình-dẳng, nhất-định không đóng mãi vai tuồng thuộc-địa đối với mẫu-quốc.



Trong việc xây-dựng nền kinh-tế độc-lập, nhân-dân là yếu-tố căn-bản, nhưng các công-kỹ-nghệ-gia cũng giữ một vai trò khá quan-trọng.

Song nếu người tiêu-thụ đứng trên quan-diểm chánh-trị và xã-hội, trái lại, người sản-xuất phải đứng trên quan-diểm kinh-tế.

Đồ xấu không hấp-dẫn khách hàng, đồ không bền tốt ít ai ưa. Vậy các công-kỹ-nghệ-gia phải luôn luôn tìm tòi, suy-nghĩ cải-tiến kỹ-thuật cho món đồ làm ra ngày

càng thêm mỹ-thuật, tinh-xảo, bền chắc, hầu theo kịp hàng các nước tiên-tiến văn-minh. Không gì đánh đổ một cách mạnh-mẽ tư-tưởng cho đồ nội-hóa là « lô-can », là xấu bằng cách chế ra những món hàng khéo-léo, đẹp bền. Nếu kỹ-thuật ngày càng tiến, máy móc ngày càng tinh-vi, tồ-chức ngày thêm khoa-học, năng-xuất do đó cũng sẽ tăng bội-phần, hợp với nhu-cầu dân-chúng và chắc-chắn trong tương-lai, những món hàng Việt-Nam sản-xuất sẽ được chen vai và quý-trọng trên thị-trường Việt-Nam và ít nhứt là Đông-Nam Á. Tăng lượng và phẩm à hai điều cần-thiết và phải đi đôi. Kinh-nghiệm cho biết, người Việt-Nam rất giàu sáng-kiến, dân Việt-Nam cũng có khá nhân-tài, chỉ cần họ đầy đủ thiện-chí, tha-thiết với việc phục-hưng nền kỹ-nghệ nước nhà thì thế nào cũng đạt được mục-dịch.

Một điều cần nêu nữa là các nhà sản-xuất phải đánh-đồ quan-niệm bất-chánh về kinh-tế thời chiến-tranh để xây-dựng quan-niệm đúng-dẫn về kinh-tế thời bình. Thừa lúc chiến-tranh, những nhà buôn hay kỹ-nghệ-gia có thể có những mối lời thật khổng-lô nếu không nói là bất-chánh. Nay hòa-bình trở lại, nhứt-dịnh thời trảo-trở lúc xưa không thể còn. Lời lãi đâu đó vừa phải, nên nghĩ tới cái lợi lâu dài bền-vững nhiều hơn. Tìm cách duy-trì chế-độ cũ là phá-hoại việc xây-dựng một nền kinh-tế tài-chánh lành mạnh.

Nếu, vì ích lợi quốc-gia, nhân-dân đến mua hàng nội-hóa không phải với tâm-lý thông-thường là mua đồ rẻ và tốt, nhưng đến mua hàng nội-hóa với tấm lòng yêu nước, tha-thiết xây-dựng nền kinh-tế và giúp đồng-bào thất-nghiệp có cơm ăn, việc làm, thì, cũng vì ích-lợi quốc-gia, nhà công-kỹ-nghệ nhứt-dịnh phải nhìn xa hơn những mối lợi ích-kỹ và cá-

nhân. Họ đừng bị chiếc xe Huê-kỳ và nhà lầu hai tầng ám-ảnh đến nỗi phải bóp óc tìm thủ-đoạn gạt thân-chủ. Trái lại, họ cần nghĩ họ là những người tiên-phong, đành phải chịu trăm ngàn nỗi khó-khăn.



Nói đến vấn-đề độc-lập, ai ai cũng ham muốn. Nhưng, độc-lập đâu phải là một món quà mà ta có thể xin được dễ-dàng hay kẻ ngoài có thể ban cho ta dễ-dàng. Nói đến độc-lập về mặt kinh-tế (là căn-bản của nền độc-lập về chánh-trị), có những người trẻ tuổi hăng-hái và tự-phụ cho rằng với sáng-kiến vừa mới học ở ngoại-quốc về, họ có thể một mình làm được cả. Cũng có những người khác tưởng rằng với lính và lính họ có thể thành-công. Nhưng sự thật không phải vậy. Đối với vấn-đề hàng nội-hóa là một điểm của vấn-đề kinh-tế, muốn thu được kết-quả, cần phải có một sự học-tập, hiểu biết và hưởng-ứng của toàn dân, cần có một sự thay đổi căn-bản tư-tưởng các nhà công-kỹ-nghệ và cũng cần có một sự quyết-tâm của Chánh-phủ. Giữa đồng-bào, các công-kỹ-nghệ-gia và Chánh-phủ, phải có một sự phối-hợp nhịp-nhàng; hễ sai nhịp là tai-hại. Sản-xuất trong khi người dân chưa hiểu và chưa chịu tiêu-thụ là nguy-hiêm. Khuyến-kích sản-xuất rồi thiếu biện-pháp bảo-vệ cũng tai-hại. Cờ-động tiêu-thụ hàng nội-hóa mà thiếu hàng nội-hóa để cung cho thị-trường cũng tai-hại. Bảo-vệ hàng nội-hóa quá mức để cho công-kỹ-nghệ gia nước nhà tung-hoành làm thiệt hại đến mức sinh-hoạt nhân-dân cũng nguy-hiêm.

Tóm lại, vấn-đề sản-xuất và tiêu-thụ hàng nội-hóa cần phải đặt trên một lập trường tư-tưởng mới mẻ mới giải-quyết được thành-công.

SƠ-LƯỢC CÁCH CHUẨN-BỊ

CHO NGƯỜI SẢN-PHỤ THEO PHƯƠNG-PHÁP

« ĐẸ KHÔNG ĐAU »

NỮ BÁC-SĨ DƯƠNG-QUỲNH-HOA

Trong bài phỏng-vấn ở Bách-Khoa số 2 của bạn Minh-Phong, hai nữ bác-sĩ Dương-Quỳnh-Hoa và Nguyễn-thị-Lợi có đề-cập đến việc huấn-luyện cho các sản-phụ theo phương-pháp « Đẻ không đau ». Nữ bác-sĩ Dương-Quỳnh-Hoa có nhã-ý tóm tắt chín bài huấn-luyện kia để quý bạn đọc có một quan-niệm rõ hơn về vấn-đề này.

L.T.S.

CHÚNG tôi xin sơ-lược cách chuẩn-bị cho người sản-phụ theo phương-pháp « Đẻ không đau », như đã thực-hiện ở bệnh-viện Rouquès tại Paris vào đầu năm 1955.

Lẽ tức-nhiên, muốn thực-hiện « Đẻ không đau » ở Việt-Nam, việc huấn-luyện sẽ có phần khác hơn đề hợp với điều-kiện xã-hội nước ta.

Cách chuẩn-bị đó bắt đầu ngay từ khi người sản-phụ đi thăm nhà bảo-sanh lần thứ nhất. Nhà sanh theo phương-pháp « đẻ không đau » phải có vẻ mới-mẻ khác những nhà sanh thường và tạo cho sản-phụ ba điều-kiện cần-thiết là yên-tĩnh, an-ninh và tin-tưởng hoàn-toàn (tin nơi mình, tin nhân-viên và tin chỗ mình sanh). Vì

việc sanh đẻ từ trước tới giờ bị xem như là một sự đau-dớn dĩ-nhiên, thì nay phải trở nên một niềm vui đối với người sản-phụ và những kẻ chung-quanh.

Người sản-phụ có thai độ năm tháng (1) có thể khởi sự học bài mở đầu đề tới tháng thứ bảy bắt đầu vào bài chính-thức. Tất cả có chín bài.

I Bài mở đầu

Bài này bắt đầu vào lúc thai được bốn tháng rưỡi. Có hai giai-đoạn.

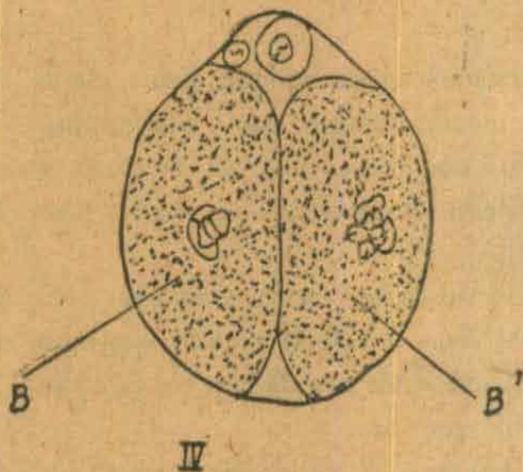
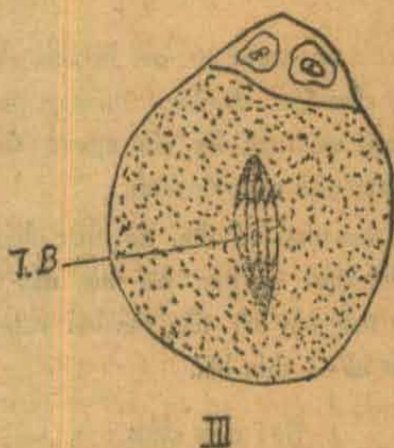
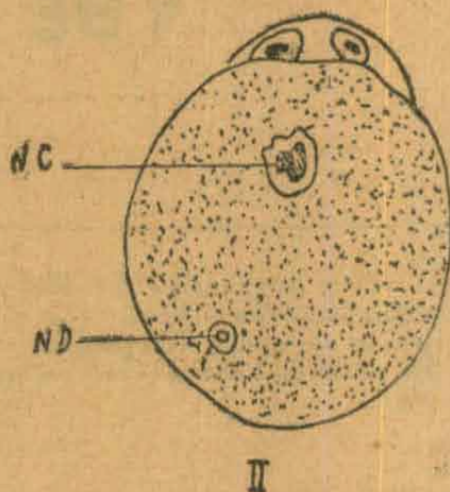
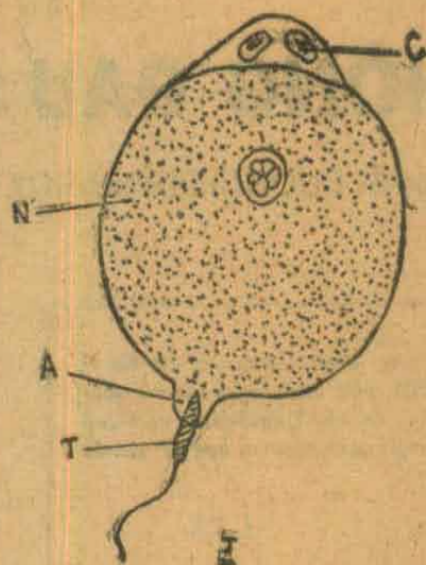
Trong giai-đoạn đầu, huấn-luyện cho người sản-phụ biết đề-phòng những loạn-

(1) Bài phỏng-vấn kỳ trước có nói việc huấn-luyện bắt từ tháng thứ ba. Đó là theo hồi 1954. Đến 1955 có đổi khác chút ít.

điều sai-lầm và tai-hại từ trước tới giờ về vấn-đề sanh đẻ. Làm cho họ không nhiễm những tư-tưởng cổ-truyền có hại đến sự biến-chuyển lúc có thai và khi sanh đẻ.

Trong giai-đoạn thứ nhì, dạy cho người sản-phụ những lý-thuyết cần-thiết giúp họ theo dõi các bài học kế tiếp.

A.— Dạy những khái-niệm đơn-sơ và rõ-ràng về cơ-thể người sản-phụ (đặc-biệt bộ-phận sanh-dục : âm-hộ, tử-cung, vòi tử-cung, buồng trứng), về cách thụ-thai (tinh-trùng đực gặp tiêu-noãn tạo ra trứng, trứng trở thành mầm-mống, rồi hóa ra thai-nhì sau này) (xem hình).



HÌNH I.— Hai cực-lỗ-cầu C (globules polaires) bị loại ra khi tiêu-noãn N (ovule) đã muối. Tinh-trùng T đột-nhập tiêu-noãn ở đầu chóp A.

HÌNH II.— Đầu của tinh-trùng trở thành noãn-cơ đực ND (pronucleus male) và cái nhân của tiêu-noãn thành tiêu-noãn cái N. C. (pronucleus femelle).

HÌNH III.— Tế-bào đầu tiên TB phân ra lần thứ nhất.

HÌNH IV.— Hai tế-bào đầu tiên B và B' của mầm-mống (embryon) được tạo thành.

B.— Cho biết sự tiến-triển của thai-nhi ở trong tử-cung vào thời kỳ thai nghén : Thai máy vào khoảng bốn tháng, bốn tháng rưỡi ; đồng-thời ta nghe được tiếng tim thai. Vào lối bảy tháng, thai quay đầu xuống phía dưới tử-cung. Cho biết cách sống của thai-nhi trong lúc có thai như là cách lấy dưỡng-khí, cách lấy chất bồi, cách này-nở.

C.— Tử-cung gần ngày sanh như thế nào : Thể-cách, đặc-tánh (co dãn được), đồ chứa trong tử-cung (Thai-nhi và nhau).

Bài này giúp cho sản-phụ theo dõi được thai mình, phân-biệt thể nào là thai này-nở theo thường-lệ, thể nào là thai bất-thường (như tử-cung lớn lẹ quá), thể nào là thai bệnh-hoạn (như có chứa trứng hay có thai ngoài tử-cung).

Như thế, ta tạo cho người sản-phụ một ý-thức tìm hiểu : sanh đẻ đối với họ không còn là một bí-mật đáng sợ như họ tưởng từ trước đến giờ.

II Bài thứ nhất

— Giải-thích cho người sản-phụ hiểu thể nào là một cử-động phản-xạ tuyệt-đối (réflexe absolu) và thể nào là một cử-động phản-xạ theo điều-kiện (réflexe conditionné).

— Cho biết những chi-tiết về vai trò của bộ thần-kinh và bộ óc trong cách cấu-tạo ra những cử-động phản-xạ có điều-kiện căn-cứ theo thuyết Pavlov. Như thế, người sản-phụ hiểu được sự liên-hệ giữa những biến-chuyển và những cảm-giác đau-đớn khi nghe thai gò lúc gần sanh.

Vậy, đối với người sản-phụ, sanh đẻ là một hành-dộng có thể phân-tích, kiểm-soát

và hướng-dẫn được, miễn là họ phải biết sanh là gì và phải học sanh. Họ phải biết hòa-hợp với sự tiến-triển của việc sanh-đẻ chứ không phải chịu đựng nó như họ đã làm từ trước đến giờ.

III Bài thứ hai

Liên-quan giữa sự hô-hấp với thai-nghén và sanh-đẻ.

— Vạch rõ vai trò của dưỡng-khí đối với sự sống.

— Giải-thích cách-thức hoạt-động của bộ máy hô-hấp.

A.— Thở vô : vai trò của bắp thịt chánh là hoành-cách-mạc (diaphragme) : vị-trí, liên-quan về thể-chất. Đối với người sản-phụ, tử-cung là chỗ tựa chánh dùng để động-viên lồng ngực.

B.— Thở ra : vai trò của những bắp thịt ở bụng dưới : diềm tiếp-hợp (chỗ bắp thịt dính vào xương), cách hoạt-động và tác-dụng.

Dạy cho người sản-phụ biết cách thực-hành những cử-động hô-hấp để về nhà họ tự tập một mình.

IV Bài thứ ba

Bài này huấn-luyện cho sản-phụ về thần-kinh và bắp thịt.

Phải làm cho họ hiểu, trong lúc sanh, những bắp thịt nào có ích cần phải làm việc một cách hợp-lý và những bắp thịt nào phải nghỉ hoàn-toàn, nếu không sẽ có hại. Người đàn bà đau đẻ phải tới trình-độ biết vận-dụng các bắp thịt theo nhu-cầu của mỗi giai-đoạn trong lúc sanh.

(Còn tiếp)

MỖI một cuộc đời là một trách-nhiệm, chúng ta đắc tội không những bởi tại chúng ta đã làm điều ác mà còn bởi tại chúng ta đã không làm điều thiện.

ĐỨC CHA GAY

NGƯỜI NỔI CHÍ THÁNH CAM-ĐỊA

NGUYỄN-ĐỨC-AN dịch

Vinoba Bhawe, người nổi chí của Cam-Địa, hay cả đến Cam-Địa, trong những tài-liệu dưới đây có đặt tới một phần nào kết-quả trong công-cuộc cải-tổ đời sống tại Ấn-độ hay không? Thí-nghiệm táo-bạo và khản-thiết của cả hai con người vĩ-đại ấy có thể áp-dụng cho nước Việt-Nam hay cho tất cả các nước khác chăng? Khóat đừng bài này, chúng tôi chỉ muốn đặt một câu hỏi: Tấm gương của cả hai kẻ thành-tâm phụng-sự một chủ-nghĩa mà họ tin là đúng và tấm gương của phong-trào cải-tổ đời sống nhất là công-cuộc hiến-điền, ở Ấn-độ liệu có mang lại cho những dân-tộc đang tìm lẽ sống một niềm tin yêu say mê vào thiên-lương của loài người chăng?

Một phong trào cải-tạo đời sống

TRONG cuộc du-lịch từ Johannesburg đến Durban, Cam-địa được một người bạn tặng một cuốn UNTO THIS LAST của tác-giả Ruskin. Ngài thấy ở tác-phẩm đó một sự giác-ngộ rõ-ràng về giá-trị và ý-nghĩa của cuộc đời. Lập tức ngài muốn canh-tân và tập-khuôn hoạt-động của mình theo những điều đã đọc. Nòng-cốt của các học-hỏi mới ấy có thể tóm tắt trong 3 nguyên-lý sau đây :

1') Tài-sản của cá-nhân nằm trong tài-sản của tập-đoàn.

2') Sức lao-động chân tay cũng quý như lao-động trí-thức vì người nào cũng có quyền sống bằng công việc của mình.

3') Cuộc đời của người lao-động, nông-dân cũng như tiền-công, là một cuộc đời đáng sống.

Sau này Cam-địa viết : « Trước đây tôi đã lĩnh-hội được nguyên-lý đầu và đã mơ-hồ nhận chân thấy nguyên-lý thứ nhì, song vẫn chưa có ý-niệm gì về nguyên-lý thứ ba. Nhưng khi đọc cuốn UNTO THIS LAST thì rõ-ràng tôi thấy cả nguyên-tắc nhì và ba đều chứa-đựng trong nguyên-lý nhất. Tăng sáng hôm sau, tôi giấp thiết sớm để bắt đầu thể-hiện ngay cả ba nguyên-lý ».

Ta hẳn đã rõ Cam-Địa là linh-hồn của một phong-trào độc-lập rộng lớn của Ấn-Độ. Nhưng ta thường quên rằng ngoài chiến-thuật chính-trị bất-bạo-động, ngài còn là một tay lãnh-đạo luân-lý và đạo-giáo, đã

lập ra một phong-trào cải-tò đời sống. Theo ý ngài, mai kia, sau khi xư-sở độc-lập, phong-trào này sẽ biến-đổi triệt-đề toàn-quốc.

Thực sự, trước đây, ngài hun-dúc quần-chúng Ấn trong hàng nửa thế-kỷ bởi tiếng Độc-lập (SWARAJ). Từ 1947, ngài lại muốn làm say-mê họ bằng một tiếng khác là SARVODAYA nó bao gọn cả triết-lý của ngài, nghĩa là hạnh - phúc, ấm - no (SARV : tất cả — ODAYA : đầy mạnh). Danh-từ này biểu-thị được hết tinh-tủy lý-tưởng của ngài và chẳng khác gì là sự nâng-cao dân-chúng, sự biến-đổi hoàn-toàn xã-hội.

Nhằm mục-dịch ấy, sau độc-lập, Cam-Địa theo đuổi việc giải-tán phe Quốc-hội để hướng tất cả sức mạnh chính-trị trong nước vào đường cải-tạo xã-hội và tinh-thần. Ngài không được hưởng-ứng. Phe Quốc-hội sau khi nắm được quyền-hành đã trở nên tham-những, hủ-hóa, đa số chỉ lo vơ-vét, bóc-lột để bù lại những khờ-cực, thiệt-thòi họ đã phải chịu đựng trong thời-kỳ tranh-dấu. Tuy nhiên, ngoài các chính-khách, còn những chiến-sĩ nguyện dâng đời sống cho « lý-tưởng Cam-Địa ». Những chiến-sĩ ấy chủ-trương phải tồ-hợp lại để thảo-luận các công-việc cụ-thể đã ghi trong cuốn Điều-lệ toàn-quốc.

Đó là cục-diện Ấn-Độ năm 1948. Kể đây, sau khi đã chấp-thuận chủ-trương của các chiến-sĩ trong Quốc-hội, thánh Cam-Địa bị ám-sát mà qua đời.

Những công-bộc của dân

Cái chết bi-dát của Cam-Địa làm người ta thấy phải cấp-tốc tiến-tới một hội-ng nghị nhằm tháng 3 năm đó để quyết-định thành-lập một đoàn-thề, hay nói đúng hơn là một nhóm thân-hữu không tồ-chức cứng rắn. Người ta không ưa cách tồ-chức quá cấp-

bác và tập-quyền vì nó sẽ biến-thành biệt-phái. Sự tin-tưởng ở chính-sách bất-bạo-động, ở chân-lý, ở « kiêu » sống Cam-Địa là những giây liên-lạc đầy-dủ đã kết-chặt những phần-tử sevaks (công-bộc của dân). Mỗi năm, một đại-hội của sevaks lại nhóm một lần để trao đổi kinh-nghiệm và dự-định. Một Ủy-ban 6 người không quyền-hành đối với sevaks chỉ có nhiệm-vụ ghi danh-sách và triệu-tập các hội-ng nghị thường-niên hoặc bất-thường, khoáng-trương hoặc thu hẹp. Những sevaks tự chọn-lựa lấy địa-phương, chương-trình, phương-tiện hoạt-động và sống nhờ các làng, xã họ ở.

Theo Thánh Cam-Địa, một sevaks phải : rất tin ở trời-phật, ở sự tốt của loài người — duy trì sự phát-triển lương-

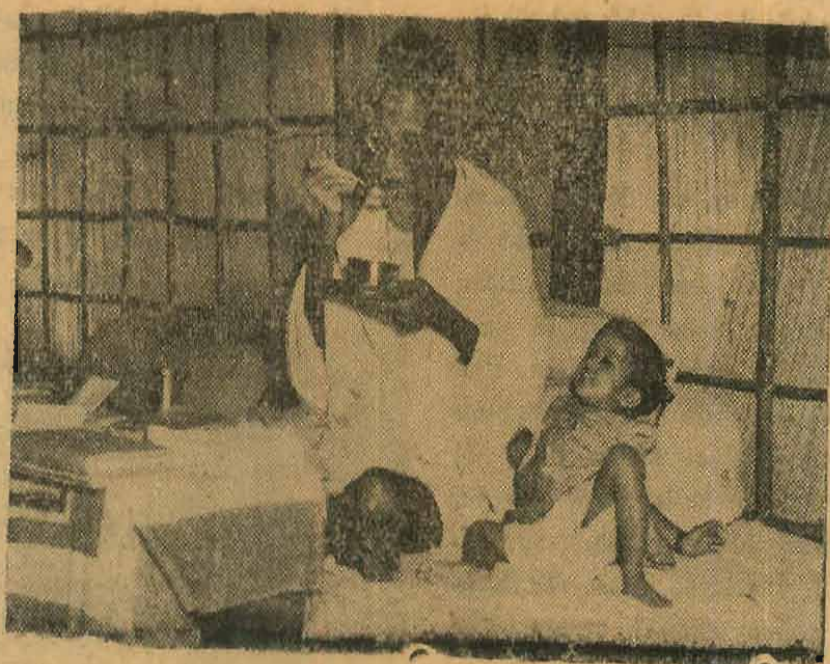


Thánh Cam-địa

năng ấy trong loài người bằng lòng thành-thiệt và chánh-sách bất-bạo-động — sống một đời đạo-đức — sẵn-sàng hy-sinh mọi sự và đời sống cho phong-trào — chỉ mặc quần áo tự mình dệt tay — nhịn rượu và các chất hưng-phấn — vui lòng nhận các huấn-thị cấp trên.

Thêm vào đó, Vinoba Bhave, môn-đệ xuất-sắc kế-thừa thánh Cam-Đa, lại xác-định rằng: những người sevaks phải tiêu-thụ những sản-phẩm của các làng, xã vì

Tổ-chức Sarvodaya samaj đứng độc-lập, không liên-kết với một đảng-phái chính-trị nào khác kể cả phe Quốc-Hội. Phong-trào đảm-nhận việc huấn-luyện Công-dân Giáo-dục cho quần-chúng. Trừ trường-hợp đặc-biệt, các sevaks không bao giờ được ứng-cử. Tháng 3 năm rồi, một khoáng-dại hội-ngự ở Puri đã có một quyết-định rất quan-trọng đối với lịch-sử của phong-trào. Đó là sự huy-động toàn lực-lượng vào cuộc hiến-điền Bhoudan Yagna. Nó



Vinoba Bhave, người kế-nghịếp thánh Cam-đà

chỉ nền kỹ-nghệ nông-thôn mới có thể giải-quyết vấn-đề công ăn việc làm cho dân-quê thôi. Họ được quyền dùng sữa bò và phải Bự tay dọn cầu-tiêu mỗi tháng một lần. Việc hèn-hạ này bị người chính-nhân khinh-bí và để cho giai-cấp tiện-dân, nhưng thực-hiện nó tức là tập-luyện nhờ bỏ các thành-kiến. Người sevaks phải nghiên-cứu Ấn-ngữ và ngôn-ngữ khác ngoài tiếng Á-lợi (Aryen) ngõ hầu sự phức-tạp của ngôn-ngữ khỏi cản-trở công-cuộc thống-nhất quốc-gia.

khởi-sự là một cách-mạng diễn-thò cách hòa-bình để nhằm tới sự biến-đổi xã-hội Ấn-Độ.

Cuộc tình-nguyện phân-cấp điền-địa

Cách đây 10 năm, Cộng-sản làm chủ địa-hạt Telanganna trong nước Hyderabad. Họ thực-hành chính-sách điền-địa và gây nhiều thiệt-hại, giết chóc. Sau nhiều năm đổ máu, quân-đội đã thắng quân cách-mạng. Nhưng các vấn-đề đã từng gây lộn

xộn vẫn không thể giải-quyết và oán-thù vẫn còn đầy dẫy.

Năm 1951, Vinoba Bhavé đau lòng vì sự ấy nên đi từng làng để kêu gọi hòa-bình. Trong vùng Pochampally, 40 gia-đình tiện-dân đã nói với ông : “ Chúng tôi muốn có ruộng đất. ”

Buổi chiều, trong cuộc họp thường-nhật để cầu-nguyện, Vinoba đã nói với chủ điền : « Hiện giờ bạn có năm con rồi mà còn sinh thêm một đứa nữa thì bạn sẽ phải cho nó một phần tài-sản chứ. Đứa con thứ sáu ấy là tôi. Tôi xin bạn 1/6 tài-sản để phân-phát cho dân nghèo ». Sau một lúc yên-lặng, người giàu nhất nơi đó là Ramachandra Rao đứng lên và xin hiến ngay tại chỗ cho ông 50 hecta đất. Vinoba tưởng mình nghe lầm nên xin được nghe lại đề-nghị đó. Rồi ông bế-mạc cuộc họp để đích-thân xét xem người hiến-điền ấy thực-tình hay bị ép buộc. Sau ông lại hỏi ý 40 gia-đình tiện-dân. Họ tuyên-bố mỗi gia-đình chỉ cần một hecta và cảm ơn mà trả lại 10 mẫu dư. Tấm lòng hào-hiệp của cả đôi bên người cho, kẻ nhận là khởi-thủy cho cuộc cấp-điền.

Không đầy 40 tuổi, Vinoba dù khô-hạnh và yếu-nhược hơn tôn-sư Cam-Địa, đã đi bộ 20 ngàn cây số và xin được 2 triệu mẫu tây của 300 ngàn địa-chủ lớn, nhỏ để chia cho người nghèo.

Vinoba là ai mà siêu-phàm đến mức ấy ? Ông thường được gọi là Vinobajy, sinh ngày 11-9-1894 trong một gia-đình rất sùng đạo của giai-cấp Bà-la-ma.

Năm lên 6 tuổi ông đã nguyện khô-hạnh, chay-giới và thanh-tịnh. Ở Barodar, ông chuyên học toán, sau dời sang thi-ca, rồi bắt đầu khảo-cứu các đạo-giáo trên hoàn-cầu. Ông nói thông 13 thứ tiếng, kể cả Pháp-văn. Năm 1916, thánh Cam-Địa gặp

ông và yêu-cầu ông dựng một tu-xã (ashram) để làm tông-hành-dinh của ngài. Ông ở đó đến 1916 để học-hành kinh-kệ và làm nhiều việc thấp-hèn của những tiện-dân khốn-cùng nhất.

Năm 1940, thánh Cam-Địa muốn có một người đại-diện chống Chính-quyền. Ngài chọn ông là người vẫn ở trong bóng tối chưa bao giờ hoạt-động chính-trị. Vì thế, ông bị tù năm năm. Con người nổi tiếng và đáng kính nhất ngày nay của Ấn-độ ấy là thủy-tổ phong-trào điền-địa.

Ông thường nói : « Cuộc cải-cách ruộng đất ấy là một thể-hiện của chính-sách bất-bạo-động, một thí-nghiệm canh-tân đời sống. Tôi chỉ là tay sai của đảng tối cao muôn thuở. Tôi cũng chỉ như những người cho đất hoặc xin đất. Vậy thí-nghiệm này, do trời xui khiến. Nếu không, làm sao những kẻ thường đánh nhau vì một thửa đất nhỏ lại có thể hiến không hàng chục mẫu đất ».

Sự tiến-triển của phong-trào hiến-điền

Lạc-quyền và thu-nhận đất-đại vẫn chưa đủ. Phân-cấp cho lệ-làng và vô-tư lại thêm một sự khó. Theo nguyên-tắc thì mỗi người chỉ cần nửa mẫu, mỗi gia-đình trung-bình 5 người chỉ cần có 2 mẫu ruộng đất khô, và nửa mẫu đất đã dẫn thủy. Dù pháp-luật và chính-trị phiến-toái không ngăn cản vấn-đề quân-phân, người ta vẫn còn gặp nhiều trở-lực khác nữa.

Làm thế nào mà các chủ đất mới có thể canh-tác được khi họ không có trâu, bò, cày, bừa, hạt giống và phân-bón ? Bhavé lại đưa ý-kiến : ngoài ruộng đất ta còn có thể giúp nhau về tài-lực ; những kẻ không cho đất, có thể cho tiền và cho công.

Về tiền bạc thì không phải cho một lần

rồi thôi. Những người hăng-tâm, hăng-sân có thể nhận hy-sinh một số phần trăm lợi-tức trong năm năm hay trọn đời. Thường-niên, họ đề ra một số tiền rồi dùng nó kinh-doanh lấy lời để cúng vào cuộc quyền với điều-kiện là họ sẽ đúng thời-hạn đưa sổ-sách trình người đại-diện của Vinoba và họ sẽ dùng số tiền đề ra theo lời chỉ-dẫn của phong-trào. Mục-dịch của Vinoba là làm cho mỗi gia-đình bác-ái đó thành một nhà ngân-hàng của phong-trào SAM-PATTIDAN YAGNA.

Lòng hào-hiệp còn có thể thực-hiện bằng sức cần-lao theo lối hiền công. Và

Những công việc này hợp với sức bất cứ ai. Nhiều người đáng lẽ hạn-chế sự tham-gia của mình tới mức-độ nào đã hy-sinh toàn-diện. Họ là những người jivandanis, những người đã dâng cả đời sống cho phong-trào. Số người này đã lên tới 2.000.

Ý-nghĩa của phong-trào

Mục-dịch chính của Vinoba Bhava không phải là sự thiết-lập một nền kinh-tế mới hay tổ-chức một sự tình-nguyện cứu-tế đại-quy-mô cho dân nghèo. Ông muốn tiến tới một cuộc cách-mạng linh-hồn, thức-tỉnh tinh-thần trách-nhiệm và đoàn-kết để gây một ý-thức về lực-lượng



Vinoba Bhave (tay mặt là Tổng-thống Ấn, Rajendra Prasard) đang nói chuyện về phong-trào hiền-diện

như thế, một người thợ tiêu-công-nghệ cũng có thể tham-gia phong-trào tế-trợ: thợ dệt có thể tặng một tấm vải, thợ mộc có thể cho một cái cày, thợ bừa có thể cống-hiến vài giờ làm.

Họ cũng không kém gì một phú-gia cho tiền. Lòng hào-hiệp như vậy không bị giới-hạn ở phương-diện nào cả. Nhiều môn-đệ đã từ bỏ hết của-cái để sống nghèo cực ngỗ hầu đồng-bào đều được đầy đủ. Họ dạy học không lấy tiền, chữa bệnh không lấy tiền, khuyên-báo không lấy tiền, họ hiền tìm óc để góp phần cải-tạo xã-hội.

cho dân-chúng. Ông nói: « Tôi có ý-định vừa kiếm cơm cho kẻ đói, vừa nhắc nhở cho mọi người trước bữa ăn rằng họ phải nhớ bớt miệng cho người khác ». Con người phải được giải-thoát khỏi sự tha-thiết quá đối với tiền-bạc và của-cái vật-chất. Đất-dại phải không bị nắm giữ hoàn-toàn hoặc bởi quyền sở-hữu cá-nhân hoặc bởi quyền sở-hữu quốc-gia: « không-khí, nước, ánh-sáng, và đất là những tặng-phẩm của thượng-đế trực-tiếp cho ta. Những thứ đó thuộc về toàn-thể nhân-loại không ai hơn kém ».

Ta nên giải-thích thêm bằng câu này :
 « Tôi chỉ được toại-nguyện khi tôi đã trọn vẹn công-việc, khi tất cả đất-dai trong các làng xã sẽ trở thành tài-sản chung của toàn-thể cả làng ». Vì thế sự kêu gọi lòng nhân-từ bác-ái chỉ là một giai-đoạn trong công-cuộc sát-nhập toàn-thể đất-dai vào công-sản địa-phương. Quả vậy, làng xã là một đơn-vị chính-trị, kinh-tế, xã-hội của Ấn-độ. Chủ-ý của Cam-địa là một đời sống giản - dị mà việc canh - nông và tiểu-công-nghệ có thể thỏa-mãn nhu-cầu của mọi người, nghĩa là một nền kinh-tế tự-trị triệt-đề của từng địa-phương.

Thực-hiện được lý-tưởng đó, ta sẽ thực-hiện được sự giải-tòa và phân-quyền không-lỗi cho bộ máy nhà nước. Vinoba cùng môn-đệ hết sức đi tới một xã-hội mà nhà nước nếu không hoàn-toàn vô-dụng, cũng chỉ là một sự đại-diện tượng-trưng. Thực-quyền sẽ vào tay những hội-đồng do làng xã bầu-cử. Đảng-phiệt và giai-cấp sẽ biến đi. Chức-vụ khác nhau không gây ra bất bình-đẳng. Người lao-động chân tay sẽ được đối-đãi như kẻ có nghề chuyên-môn. Vinoba tuyên-bố : « Nước Ấn-độ đã mắc nhiều lỗi-lầm với sự tồn-tại của đảng-phiệt, của uy-thể hảo-huyền, của nạn ăn không ngồi rồi. Nhiều người đã trốn-tránh và khinh-bị sự cần-lao lương-thiện. Những người ở đẳng-cấp bà-la-ma, những nhân-sĩ, những tăng-lữ, những thiện-nam tín-nữ đều ghét làm lụng. Mọi người trốn-tránh công việc tay chân.

Người ta coi những người lao-động là ngu-dốt, đáng khinh, hạ-cấp, những kẻ tiện-dân ».

Phong-trào bị nhiều ảnh-hưởng tôn-giáo. Vinoba luôn nhắc lời của Trời-Phật : « Thế-giới hiện tại đầy bất-hòa và tranh-chấp nên thượng-đế dùng tôi để vầy những

giọt nước bác-ái, tôi sẵn-sàng vâng theo... Tôi tin là cuộc chầy-hội dâng-hương của tôi đã do lòng trời xui khiến. Tôi đi hành-khất và sẽ làm cho mọi người sẵn-sàng bố-thí hỷ-xả ».

Những diễn-văn và khuyến-thiện của Vinoba đều có vẻ cầu-nguyện kêu gọi Trời và tin ở Phật : « Xin Người hãy hủy-hoại tôi, cá-nhân tôi, tên tuổi tôi để riêng danh họ của Người sáng chói muôn thuở ».

Nếu bạn hỏi ai sẽ kế-tiếp ông, ông trả lời : « Trời Phật sẽ kế-tiếp tôi. Nếu cần phải có người tiếp-tục công-cuộc tôi, Thượng-đế sẽ cung-cấp ngay ».

Phong-trào và chánh-trị

Sự nổi tiếng của phong-trào làm chính-phủ và các đảng-phái đề ý mà chống đối lại những điểm cơ-bản nói trên. Nhà cầm đầu quốc-gia chủ-trương tăng-cường quyền-lực trung-ương và bộ máy hành-chính, theo đuổi một cuộc kỹ-nghệ-hóa đồ-sộ. Trong khi ấy, Vinoba đề-xướng phân-quyền hoàn-toàn và tiểu-công-nghệ làng xã.

Nhà nước đã đặt một phái-đoàn khuếch-trương nghề dệt tại nhà và công-nghệ thôn-quê. Nhưng Vinoba lại quan-niệm rằng tiểu-công-nghệ sẽ được coi trọng hơn nữa vì nó là nguyên-tổ chủ-yếu của xã-hội. Chính-phủ trái lại chỉ thấy ở nó một yếu-tố phụ-thuộc hòa-hoãn tạm-thời để đối-phó với nạn khủng-hoảng vì thất-nghiệp trầm-trọng ở cả trong thành-phố lẫn thôn-quê. Vì thế, Vinoba cộng-tác với chánh-phủ ở nhiều điểm đặc-biệt, song ông vẫn không ủng-hộ triệt-đề.

Rõ-rệt hơn, Vinoba bỏ rơi hẳn các đảng-phái chính-trị. Những lãnh-tụ xã-hội chủ-nghĩa như JAYA PRAKASH NARAIN đã từ bỏ chính-trị để theo ông và Ủy-ban chấp-hành của quốc-gia đại-hội đã

theo ông. Nhưng Vinoba lại muốn tiếp-xúc-trực-tiếp với đại-chúng và dùng tư-tưởng để làm lợi-khí cải-cách. Ông muốn biến-đổi nhân-tâm để tránh những xung-đột bằng sức mạnh. Ông nhấn mạnh rằng phong-trào nhằm vào mục-đích bài-trừ tính ích-kỹ và vun trồng công-bằng, bác-ái trong mọi tâm-hồn.

Những khó-khăn của phong-trào

Lòng tin-tưởng lạc-quan của Vinoba khiến cho các môn-đệ hết sức nhiệt-tín. Họ tin rằng ông có thể giải-quyết vấn-đề điền-địa trong nước ngoài mọi bó buộc của pháp-luật. Thực-tế lại khác hẳn dù những đại-diễn-chủ bằng lòng hy-sinh 1/6 ruộng đất của họ cho những người thiếu-thốn. Số ruộng quyền được còn kém xa số 25 hecta dự-định đạt tới vào thời-hạn tháng 12 năm 1957. Nhịp-điệu hiến-điền hiện tại dù có được tăng-cường đều-đặn cũng khó có thể thực-hiện được tổng-số đó dưới 10 năm. Các môn-đệ ông nhất là những người thuộc phe xã-hội lấy làm nóng ruột về những tiến-bộ chậm-chạp đó. Họ hăm-dọa các nghiệp-chủ ngoan-cổ bất phục-thiện. Do đây, cuộc tranh-đấu giai-cấp mà người ta e-sợ trở nên sôi-nổi.

Thiếu tổ-chức về hình-luật, người ta không thể phân-chia các khu Zamindars mênh-mông rộng lớn. Những xung-đột tinh-thần và chiếm-cứ cưỡng-bách dẫn tới cách-mạng và loạn-lạc. Những diễn-văn suông về công-bằng không thay đổi được cục-diện. Hy-vọng ở những hy-sinh lớn-lao và cầu xin năn-nỉ là quá tin ở lòng tốt của con người. Chính-quyền bằng tình phải áp-dụng những biện-pháp đầy hiệu-lực để thực-hiện một cuộc cưỡng-bách phân-cấp lại ruộng đất với những đền bù tương-đương cho các chủ-điền. Nhưng nhà nước cũng là một đại-

ngiệp-chủ vì có hằng triệu mẫu đất phải mang ra chia đồng-thời khi các tư-sản hiến-điền.

Ngoài ra trên phương-diện kinh-tế, cuộc cải-tạo của Vinoba đã làm trầm-trọng những khó-khăn của nông-nghiệp sản có do cắt vụn thái quá những điền-sản trong những vùng rộng lớn chẳng? Ông đã hành-động ngược lại với sự cố-gắng tổ-hợp và tập-trung để việc nông được dễ-dàng và có nhiều năng-xuất chẳng? Chắc hẳn chính-sách khai-thác tập-thể địa-phương sẽ chống lại chế-độ trắc-diễn vi-phân của ông. Hơn nữa, những hợp-tác-xã ông đang thực-hiện đã thiếu nhiều đức-tính xã-hội và huấn-luyện chuyên-môn.

Vinoba so-sánh đất rộng với không-khí, ánh-sáng và nước mà người nào cũng có quyền hưởng-thụ. Dĩ-nhiên là đất hoang có thể ví được thế, nhưng đất đã có người chiếm-canh thì khác hẳn. Nếu ông đi quá một chút thì ta có thể trách ông định phủ-nhận quyền tư-hữu. May thay, chính ông đã nhằm mục-đích cấp-điền cho vô-sản và như vậy chứng tỏ rằng ông đã chủ-trương gia-tăng số người tư-sản. Nhưng khi ông gắng tuyên-truyền chính-sách tư-hữu tập-thể của làng xã làm lý-tưởng cho chế độ điền-thổ thì ông lại ngã nghiêng theo những quan-niệm của nông-trường công-cộng kholkozes và kibboutz.

Trong bất cứ trường-hợp nào ông cũng coi chế-độ tư-sản cá-nhân hay tư-sản gia-đình như một chướng-tiếp không tránh được để đi tới lý-tưởng của ông. Ông phân-phát lại ruộng đất đã xin được theo những tiêu-chuẩn nào? Một vấn-đề thật rắc-rối, Các môn-đệ đầu cổ trong-sạch và vô-tư bằng ông. Những chính-kiến, những yêu-sách của đảng-phiệt, những xu-hướng tinh-thần đã hợp nhau lại để làm mất sự ngay-thẳng, vô-tư.

Những hình-thức rắc-rối của hình-luật và văn-đề tài-chính đã cản trở cuộc cấp-diễn khẩn-trương nói trên. Trong số hai triệu mẫu đất đã quyền được, chỉ có 1/20 là tới tay được cho người nghèo. Hơn nữa, những đất mới cấp-phát đó lại phải được pháp-luật bảo-vệ thì mới khỏi bị cầm-cổ, đầu giá, hay bỏ hoang vì chán-nản. Cuối cùng, sau khi tồn-tại hàng bao thế-kỷ nhờ chế-độ đẳng-phiệt cũng như nhờ tổ-chức chính-phủ, nước Ấn-độ liệu có thể hủy bỏ tập-quyền chăng? Ấn-độ có thể khỏi cần bộ máy nhà nước khoẻ-mạnh đã từng giữ vững nền độc-lập đối-ngoại và sự hùng-vượng đối-nội chăng? Ai tin được rằng những nhóm làng tự-trị trên một lãnh-thổ có thể bảo-đảm đời sống và sự thịnh-vượng. Nếu Ấn-độ là hành-tinh không thể tới gần để giao-dịch trao-đổi tư-tưởng và văn-minh thì có lẽ cơ-cấu chính-trị, mộing-tưởng duy-tâm trên kia, có thể đứng vững. Nhưng thực-tế có thể đâu!

Tính-cách cao-rộng của phong-trào

Tuy khó-khăn và thiếu-thốn, công-việc của Vinoba Bhave cũng có một kết-quả đáng kể. Riêng việc cảm-hóa được 300.000 nghiệp-chủ để họ hy-sinh trung-bình mỗi người ba mẫu đất cũng là một kỷ-lục siêu-phàm. Ta hãy tưởng-tượng một phong-trào như thế sẽ có những kết-quả ít ỏi thế nào ở nước ta, dù với cả những tín-đồ Công-giáo trung thành nhất.

Sự kích-động tâm-lý do phong-trào gây nên không kém quan-trọng. Trong

đám dân Ấn đã chán-chê về những thất-vọng liên-tiếp của năm năm nội-thuộc, đã ê-chề vì bị xâm-xé gặt-gắt, phong-trào đã đánh thức hy-vọng và làm sống lại tinh-thần cho cả quần-chúng lẫn thượng-lưu. Phong - trào đã đem lại cho họ một tin-tưởng mới vào giá-trị và vận-mệnh quốc-gia. Vịn có chăm lo sản-xuất để gây ra cả một cuộc tập-quyền và kỹ-nghệ-hóa xứ-sở, chính-phủ được dịp bóp chặt dân-chúng và làm họ mất cá-tính. Khi ấy, nếu Vinoba phản-đối ảnh-hưởng kỹ-nghệ quá vĩ-dại và chăm-lo hướng-nội để cải-cách tinh-thần thì cũng là ông đã dùng một cách trị độc, ngộ hầu bài-trừ những tệ-doan đang hăm-dọa Ấn-độ.

Giáo-hội công-giáo yêu-cầu các tín-đồ ủng-hộ và tham-dự triệt-đề phong-trào của Vinoba. Mặc dù có thể có nguy-hiểm và có nhiều trở-lực, Giáo-hội công-giáo hy-vọng rằng sự có mặt của mình trong phong-trào sẽ là một cách giữ cho cán cân thăng-bằng để chống lại những khuynh-hướng tập-thề do ảnh-hưởng của xã-hội chủ-nghĩa gieo-rắc. Giáo-hội cho rằng cuộc tập-sản xa-xôi không hẳn là một hiểm-họa cho Ấn-độ. Chính những sự quá đáng của chế-độ điền-thổ và quyền tư-hữu ở Ấn-độ mới nguy-nan hơn nhiều. Ta mong sao những người công-giáo Ấn-độ đừng ngăn-ngại hy-sinh để đem lại men sống cho đất nước họ.

(Dịch theo bài « L'héritier de Gandhi » của J. Quéguinet trong tạp chí « Etudes » tháng 11 năm 1955.)

Chúng tôi thành-thực cảm-ơn Sứ-quán Ấn-Độ ở Sài-gòn đã có nhĩ-y cho mượn những bức ảnh đăng trong bài này.

BÁCH-KHOA

QUỸ TIẾT-KIỆM

NGUYỄN-HUY-THANH

TRƯỚC khi xét vấn-đề này, thiết-tưởng cần nên định-nghĩa thế nào là quỹ tiết-kiệm.

Theo ông FILIPPO RAVIZZA, Giám-Đốc « Quốc-Tế Tiết-Kiệm-Viện », « quỹ tiết-kiệm là một cơ-quan hoạt-động không có mục-dịch kiếm lời, có cơ-năng chính thu-nhận những tiền ký-thác (bằng tiền mặt) để đem dùng hay đưa cho các cơ-quan khác dùng vào những công-cuộc có lợi, và có bổn-phận trả cho những người ký-thác, khi họ đòi hỏi, số tiền họ đã gửi cộng thêm tiền lời. Quỹ tiết-kiệm tập cho dân-chúng, nhất là những tầng-lớp ít dư-dật, quen với đức-tính cần-kiệm và giúp vào sự tiến-bộ về mặt kinh-tế và dân-sự.

Những cơ-quan mà hoạt-động không đúng với định-nghĩa trên không thể coi là quỹ tiết-kiệm được, mặc dầu mang danh quỹ tiết-kiệm, mà luật-lệ của nước ấy không cấm đoán ».

Khởi-thủy, sự phân-biệt giữa quỹ tiết-kiệm và một loại tồn-tích do các tiệm cầm đồ chủ-trương không được rõ ràng. Trong

tập « Les six livres de la République » của BODIN (1578) có đoạn như sau : « Có những tiệm cầm đồ ở Florence, Lucques, Sienne và nhiều tỉnh khác (các tỉnh này đều thuộc Ý-Đại-Lợi) nhận tiền đóng 100 écus của cha mẹ có con gái mới sinh ; khi đứa trẻ tới 18 tuổi, cha mẹ sẽ lấy được ra 1.000 écus để làm tiền cưới đưa con gái ấy. Nếu đứa con chết trước khi tới 18 tuổi, và nếu cha mẹ không có con gái nào khác để gả chồng, thì số tiền 100 écus thuộc quyền sở-hữu của tiệm cầm đồ. Nếu đóng vào 200 écus thì người con gái sẽ có 2.000 écus, tức là vào khoảng tiền lời 5% mà Chính-Phủ (lúc bấy giờ) trả ».

Theo các nhà chuyên-môn nghiên-cứu vấn-đề tiết-kiệm thì những quỹ tiết-kiệm đầu tiên xuất-hiện ở nước Đức, tại tỉnh Bonndorf (1760), Hambourg (1778), rồi các tỉnh khác đều bắt chước theo. Những quỹ tiết-kiệm này thành-lập do sáng - kiến của các tư - nhân, và sau những trận chiến-tranh với Nã-Phá-Luân, các cơ-quan công (quốc-gia, quận, xã), cũng đứng ra tổ-chức.

Sau đó, đến Thụy-Sĩ, với sự thành-lập « quỹ của công-nhân nội-dịch », để họ gửi tiền để dành (1787).

Anh-Quốc được biết quỹ tiết-kiệm cũng là do lòng tru-ái đối với người nghèo của một người đàn bà. Năm 1798, bà WAKE-FIELD thành-lập tại Tottenham, một làng nhỏ gần Luân-Đôn, một cơ-quan nhận số tiền góp nhỏ hàng tháng của những người làm công : sau một thời-gian, những người này lĩnh được một số vốn con. Bà hy-vọng, với phương-pháp này, chặn đứng tình-cảnh nghèo-nàn, khổ-sở của những người chung-quanh bà. Vào khoảng năm 1804, « tiêu Ngân-Hàng Tottenham » được luật-lệ quy-dịnh, và bắt đầu từ đó trở đi, những quỹ tiết-kiệm xuất-hiện ở Anh-quốc.

Hòa-Lan có quỹ tiết-kiệm đầu tiên vào năm 1815.

Tại Mỹ-Quốc, những tỉnh Philadelphie và Boston có quỹ tiết-kiệm năm 1816 với sự thành-lập « Ngân-Hàng Tiết - Kiem Tương-Trợ », (Mutual Saving Banks). Những ngân-hàng kiểu này được thành-lập một ngày một nhiều. Năm 1910, Mỹ-Quốc lập quỹ tiết-kiệm buu-chính.

Tại Pháp, Dụ ngày 29-7-1818 cho phép thành-lập quỹ tiết-kiệm đầu tiên do sáng-kiến của ông DELESSERT. Đến năm 1883, quỹ Quốc-Gia Tiết-kiệm ra đời.

Như một vết dầu loang, phong-trào lập quỹ tiết-kiệm càng ngày càng lan rộng. Năm 1924, một cuộc Hội-nghị Quốc-Tế được triệu-tập và đưa đến sự thành-lập Viện Quốc-Tế Tiết-kiệm.

Tùy theo luật-lệ về tiết-kiệm của mỗi Quốc-gia, quỹ tiết-kiệm có thể do các tư-nhân đứng tổ-chức, như các « Mutual Saving Banks » ở Mỹ ; trái lại, ở Pháp chỉ các đơn-vị hành-chính (quận, xã),

mới được phép tổ-chức quỹ tiết - kiệm mà thôi. Mặt khác, quốc-gia thường cũng tổ-chức quỹ tiết-kiệm dưới hình-thức « quỹ Quốc-gia Tiết-kiệm Buu-chính » hoạt-động trên toàn-thể lãnh-thổ quốc-gia và các Ty Buu-chính là những chi-nhánh của quỹ.

Theo như định-nghĩa trên, quỹ tiết-kiệm nhằm mục-đích để giúp dân-chúng, nhất là những người mà lợi-tức ít như thợ-thuyền, công-nhân, để dành tiền để sau này, với tiền để dành ấy, có thể cải-thiện một phần nào đời sống của họ.

Chính-Phủ có bổn-phận bảo-vệ những người ký-thác tiền vào quỹ tiết-kiệm, nhất là họ thuộc giới cần-lao, nên luật-lệ đặt những điều-kiện chặt-chẽ về sự tổ-chức và điều-hành của quỹ.

Căn cứ vào 2 nguyên-tắc căn-bản này, quỹ tiết-kiệm, dù do các tư-nhân hay các đơn-vị hành-chính đứng tổ-chức, thường phải tuân mảy nguyên-tắc chính sau đây :

1.— Phải có giấy phép của các cơ-quan hành-chính có thẩm-quyền.

2.— Bất cứ là nam hay nữ, ai cũng có thể xin mở một mục ở quỹ tiết-kiệm và cấp một quyền sỏ để ghi những số tiền đóng vào hay lấy ra.

Các hội buôn không có quyền gửi tiền vào quỹ tiết-kiệm, ngoại-trừ các hội tương-tế và các cơ-quan được phép gửi tiền vào quỹ tiết-kiệm.

Vị-thành-niên cũng có thể xin cấp sỏ tiết - kiệm không cần phải có sự thỏa-thuận của người thay mặt theo phép định ; tuy-nhiên, vị thành-niên chỉ có thể lấy tiền ra khi tới 16 tuổi và nếu không có sự phân-đối của người thay mặt theo pháp định.

Đàn bà, dù dưới chế-độ hôn-thú nào, cũng có thể xin cấp sỏ tiết-kiệm và tự-do

lấy tiền ra, trừ trường-hợp có sự phản-đối của người chôn.

3.— Người ký-thác tiền được hưởng một khoản tiền lời tính từ 1 hay 16 kể tiếp ngày gửi tiền. Tiền lời này sẽ thôi không tính kể từ ngày mùng 1 hay 16 trước ngày lấy tiền ra.

Ngoài ra, trong một vài điều-kiện, người ký-thác được hưởng thêm khoản hoa-hồng hay tiền lời phụ.

4.— Số tiền tối-đa gửi vào quỹ được ấn-định, nghĩa là mỗi người chỉ có thể gửi tiền vào quỹ tiết-kiệm đến giới-hạn tối-đa mà thôi. Thí-dụ như ở Pháp, giới-hạn này là 500.000 quan đối với các tư-nhân, và 2.500.000 quan đối với các hội-tương-tế; ở bên Mỹ, giới-hạn ấy là 10.000 US\$.

Như vậy, mỗi người chỉ có thể xin cấp một quyền sở tiết-kiệm ở quỹ mà thôi. Nếu có nhiều sở tiết-kiệm ở nhiều nơi và nếu số tiền gửi tổng cộng quá số tối-đa ấn-định trên thì không được hưởng tiền lời về phần số tiền quá mức tối-đa.

5.— Đối với những tiền ký-thác, quỹ giao cho một cơ-quan khác để sinh lời, như ở bên Pháp, cơ-quan này là quỹ cung-thác. Tất cả các quỹ tiết-kiệm loại thường hay quỹ quốc-gia đều bắt buộc phải giao tiền nhận được cho quỹ cung-thác để sinh lời với sự bảo-đảm của quốc-gia. Quỹ cung-thác sẽ giữ lại một phần tiền phòng hờ để trả cho các người ký-thác khi họ cần tiền, còn thì đem sinh lời bằng cách mua các chứng-khoán của quốc-gia, của công-kho, cho các đơn-vị hành-chính hay phòng thương-mại v.v., v.v...

Tùy theo số lời thu-hoạch được, quỹ cung-thác sẽ trả cho quỹ tiết-kiệm một lợi-suất ấn-định hàng năm.

Trái lại, ở bên Mỹ, các quỹ tiết-kiệm (Mutual Saving Banks) không thể dùng tiền ký-thác cho các xí-nghiệp kỹ-nghệ hay thương-mại vay đoan và trường-hạn, nhưng có thể cho vay theo thẻ-thức dễ-áp với điều-kiện là dễ-áp bức nhất và bất-động-sản không ở xa quỹ quá một giới-hạn do luật-lệ định; quỹ tiết-kiệm cũng có thể dùng tiền ký-thác để mua các chứng-khoán; những loại chứng-khoán được mua cũng do luật-lệ định.

6.— Thường quỹ tiết-kiệm có một tài-sản riêng để gánh những khoản thiếu hụt, nếu xảy ra.

Việc xử-dụng quỹ riêng này cũng được quy-định chặt-chẽ, như chỉ được phép mua những loại giá khoán do luật-lệ ấn-định, hay xây-cất trụ-sở cho quỹ tiết-kiệm mà thôi.



Ở Việt-Nam, quỹ tiết-kiệm duy-nhất được thành-lập tại Saigon do sắc-lệnh ngày 23-7-1887 cho phép Đô-Thành Saigon đứng tổ-chức. Đặt tại một căn nhà thuộc tòa Đô-sảnh, quỹ tiết-kiệm đã hoạt-động tính đến nay được 70 năm. Trong thời-gian khá lâu này, sự điều-hành của quỹ được thanh-thỏa không có sự gì đáng phàn-nàn. Việc quản-trị quỹ giao cho một hội-đồng mà ông Đô-Trưởng là chủ-tịch. Số tiền của tư-nhân ký-thác đều giao cho quỹ cung-thác (thuộc Nha Ngân-Kho Quốc-Gia) để sinh lời. Tiền lời trả hàng năm cho những người ký-thác ấn-định, tùy theo lợi-suất mà quỹ cung-thác trả cho quỹ tiết-kiệm.

Năm 1955, lợi-suất này là 3,75%, năm 1956 là 2,75%.

Quỹ tiết-kiệm trả cho các người ký-thác lợi-suất 1,5%, còn quỹ giữ lại 1,25% để lấy tiền trả những khoản chi-phí về điều-

hành của quỹ : trả lương-bổng nhân-viên, mua sắm dụng-cụ v.v...

Số tiền tối-đa tư-nhân được gửi vào quỹ là 20.000 00.

Năm 1954, tổng-số tiền ký-thác là 69.000.000\$, năm 1955, tổng số tiền ký-thác là 101.000.000\$, gần gấp đôi năm trước.

Số người đã ký-thác tiền ở quỹ tiết-kiệm Saigon là 27.184 người, qua năm 1955, số này tăng lên 27.938.

Sắc-lệnh có cho phép quỹ tiết-kiệm được đặt chi-nhánh tại các tỉnh, nhưng cho đến nay, chưa có chi-nhánh nào được đặt thêm.

Một sắc-lệnh ban-hành năm 1944 dự-liệu việc tổ-chức quỹ tiết-kiệm ở Hà-nội và chi-nhánh của quỹ ấy ở Huế. Nhưng vì thời-cuộc, việc tổ-chức chưa được thực-hiện.

Mặc dầu quỹ tiết-kiệm Sài-gòn đã có từ 70 năm nay, nhưng phong-trào tiết-kiệm hình như chưa được dân-chúng hưởng-ứng nhiệt-liệt nên ngoài quỹ Sài-gòn ra, không có một quỹ tiết-kiệm thứ hai nào nữa. Có lẽ vì tập-quán của người mình có tiền thì ưa cất trong hủ bao để tậu ruộng, đất, tậu nhà, đem mua vàng hay cho vay với một lợi-suất quá đắt, chưa quen với công chuyện ngân-hàng, e-dè trước sự đem gửi tiền vào tay kẻ khác ? Có lẽ vì thiếu một sự tuyên-truyền sâu rộng trong dân-chúng về những ích-lợi của quỹ tiết-kiệm ?

Trong tình-trạng này, có nên gây một phong-trào tiết-kiệm không ? Cần-nhân có câu " tích cốc phòng cơ, tích y phòng hàn ", không ngoài ngụ-ý khuyên người ta phải tiết-kiệm, ăn bữa hôm, lo bữa mai. Những "phường hiếu, hỷ, những họ" tổ-chức theo

lối cò-truyền cũng là một cách để dành tiền nhằm một mục-đích nhất-định. Tôi nhớ có đọc ở đâu một câu như sau : " Sự làm việc không giúp ích gì, nếu không biết tiết-kiệm ".

Người Việt-Nam vẫn được ca-tụng là có đức-tính cần-kiệm, nhưng sự cần-kiệm chưa được tổ-chức một cách hẳn-hoi như ở các nước, cho nên nhiều khi tiền để trong hủ bao không biết dùng vào công việc gì cho có lợi, vì thiếu sự chắc chắn. Nhiều khi lại đem dùng một cách phí-phạm vì " đồng tiền như miếng thịt chín ", có tiền trong tay là nghĩ đến tiêu liễn, nhất là đối với giới cần-lao, « tiền vào nhà khó như gió vào nhà trống » ; khi hữu sự lại cuống-cuồng đi vay với lợi-suất « năm, sáu, mười, mười hai ».

Một bất lợi khác là những tiền tiết-kiệm cất trong hủ bao không giúp ích gì cho việc phát-triển nền kinh-tế quốc-gia, vì sự tàn-mác của nó. Nếu được tập-trung, thì nó sẽ là một nguồn tài-nguyên đáng kể, giúp vốn cho sự tổ-chức hay điều-hành các xí-nghiệp. Ở các nước, quỹ tiết-kiệm được liệt trong hệ-thống tín-dụng, vì nó dự một phần vào công-cuộc tài-trợ các ngành hoạt-động trong nước.

Cho nên tưởng cũng cần tổ-chức một quỹ quốc-gia tiết-kiệm, hoạt-động trên toàn cõi Việt-Nam, dùng các Ty Bru-Chính hay Ty Ngân-Khố làm chi-nhánh. Lúc sơ-khởi, kết-quả tất không được khả-quan, nhưng dần dà với thời-gian, với sự tuyên-truyền, với sự hiểu biết của dân-chúng về ích-lợi của quỹ tiết-kiệm, ta có hy-vọng đạt được mục-đích mong muốn.

NGUYỄN-HUY-THANH

TIẾNG VIỆT NGÀY NAY

NGUYỄN-HIỆN-LE

VĂN xuôi Việt phát-triển rất trẻ mà lại rất nhanh. Đó là một hiện-tượng lạ-lùng của Việt-ngữ.

Từ cuối thế-kỷ 19 trở về trước, nhà nho nào làm một bài chiếu, bài biểu, hoặc thảo một tờ trát, một bức thư cũng dùng toàn chữ Hán. Tôi còn nhớ cách đây 30 năm, hồi quốc-ngữ đã thịnh-hành rồi, mà một ông bác tôi muốn nhận một học-trò cũ kiếm cho một khúc gỗ hoàng-tâm, ông không dùng quốc-ngữ hoặc chữ nôm ; và mới 19 năm về trước, khi mua một sào ruộng có ngôi mộ của cha tôi, tôi cũng đọc và ký vào một văn-tự viết bằng chữ Hán.

Trong khoảng hai ngàn năm ta chịu ảnh-hưởng trực-tiếp của Trung-Hoa, chỉ có hai nhà cách-mạng là Hồ-Quý-Ly và Nguyễn-Huệ là có sáng-kiến và hùng-tâm bắt quốc-dân dùng chữ Nôm thay chữ Hán trong mọi giấy tờ, nhưng hai nhà đó cầm quyền không được lâu nên công-việc cải-cách chưa có cơ-sở vững-vàng, và những bài văn nôm thời Quang-Trung chỉ mới là nửa Nôm, nửa Hán, như bài dưới đây mà Hoàng-Xuân-Hân đã dẫn trong cuốn **La-Sơn phu tử** :

Thư của Nguyễn-Huệ tự tay viết cho La Sơn phu-tử (Nguyễn-Thiếp)

Chiếu truyền La-sơn phu-tử Nguyễn-Thiếp (Huệ viết làm ra Nguyễn-Thiếp) khâm-tri. Ngày trước ủy cho phu-tử về Nghệ-An tướng địa làm đồ cho kịp kỳ này hồi ngự. Sao về tới đó, chưa thấy dâng việc gì ? Nên hãy hồi-giá Phú-Xuân kính lưu-lức sĩ-tốt.

Vậy chiếu ban hạ phu-tử tảo nghị dư trấn-thủ Thận cộng sự, kính chi dinh chi, tướng-địa tác đồ tại Phù-Thạch. Hành-cung sảo hậu cận sơn. Kỳ chính địa, phỏng tại dân-cư ư gian, hay là đâu các địa khả đồ, duy phu-tử đạo nhãn giám-định.

Tảo tốc bốc thành ! Ủy cho trấn-thủ Thận tảo lập cung-điện. Kỳ tam nguyệt nội hoàn-thần h, đắc liện giá-ngự. Duy phu-tử vật dĩ nhàn hốt thị.

KHÂM TAI ! ĐẶC CHIẾU

Thái-Đức thập nhất niên, lục nguyệt, sơ nhất nhật

Bạn nào biết chữ Hán, chắc thấy nực cười vì những chỗ Hán pha Nôm, như : hay là đâu các địa khả đồ, duy phu-tử đạo nhãn giám định, chẳng khác chi giọng

phương tường ; còn bạn không biết chữ Hán thì đọc không sao hiểu hết nghĩa vì những câu hoàn-toàn Hán : **Hành-cung sào hậu cận sơn. — Tào tào bốc thành. — Duy phu-tử vật dĩ nhân hốt thị.** nên Hoàng-Xuân-Hân đã phải viết lại theo giọng ngày nay :

Chiếu truyền cho La-sơn phu-tử Nguyễn-Thiệp được biết. Ngày trước ủy cho phu-tử về Nghệ-An xem đất đóng đô cho dịp kỳ này ngự-giá ở Bắc về trú. Sao ta về tới đó, thấy chưa được việc gì ? Nên hãy hỏi giá về Phú-Xuân kính cho sĩ tốt nghỉ ngơi. Vậy chiếu ban xuống cho phu-tử nên sớm cùng ông trấn-thủ Thận tính-toán mà làm việc, xem đất đóng đô tại Phù-Thạch. Hành-cung thì để phía sau khá gần núi. Chọn đất hoặc chỗ ở có dân-cư, hoặc chỗ nào đất tốt có thể đóng đô được là tùy phu-tử lấy con mắt tinh mà xét định. Sớm sớm chọn lấy, giao cho trấn-thủ Thận chống dựng cung-điện. Hẹn trong ba tháng thì xong để tiện việc giá ngự. Vậy phu-tử chớ để chậm-chạp không chịu xem.

Kính thay ! Đặc chiếu.

Thái Đức năm thứ 11 tháng 6 ngày mùng 1. (1)



Từ khi người Pháp lập xong nền bảo-hộ ở nước ta, chữ quốc-ngữ lần lần thông-dụng và văn xuôi Việt mới phát-triển mạnh trong bảy, tám chục năm đã trải qua ba giai-đoạn và hiện đương sang giai-đoạn thứ tư.

Trong giai-đoạn thứ nhất, dài khoảng năm chục năm, từ 1866 (2) đến đầu đại-chiến thứ nhất, văn xuôi Việt mới thành hình nhờ công-lao của các học-giả miền

Nam như Huỳnh-Tĩnh-Cửa, nhất là Trương-Vĩnh-Ký. Điều đó cũng dễ hiểu : Nam-Việt mất trước Bắc, Trung, nên chịu ảnh-hưởng của Pháp trước hết và dân-gian học quốc-ngữ sớm hơn hết. Xét văn xuôi thời đó, ta thấy các tác-giả cứ nói sao chép vậy, không hành-văn theo Trung-Hoa mà cũng chưa thâm-thái được quy-tắc viết của Pháp — trừ cách chấm câu — nên lời lẽ lồi thối, lủng-củng, thiếu sự tổ-chức chặt-chẽ, sự xây-dựng vững-vàng. Những tật đó hiện rõ trong những câu dài như :

Thấy quân-gia rần-rộ tới nhà trong bụng đã có lo sợ, không biết lành dữ đường nào, chẳng ngờ nghe vua nói đôi đến bói mà kiếm con rùa vàng của vua mất đi, trong lòng đã bán-biu, sợ o bói chẳng nhằm mà có khi bay đầu đi mà phải vâng đi, đánh liều mặc may-mặc rủi.

Trương-vĩnh-Ký (Bụng làm dạ chịu).

Cả những câu rất ngắn, mà viết cũng chur agon, vì nhiều chữ thì chữ mà quá :

Ông Nghiêu đòi tôi, biểu tôi thì làm vua. Huỳnh-Tĩnh-Cửa (Chuyện giải buồn)

Anh thầy nghe nói mới hờ hời được, đem bụng mừng thì mới nói : «...»

Trương-Vĩnh-Ký (Bụng làm dạ chịu)

Mà vốn thiệt là việc may đầu mà nên mà thôi, chẳng phải là tại va có tài nghề chi đâu.

Trương-vĩnh-Ký (Bụng làm dạ chịu).

Cách chấm câu nhiều khi cũng chưa lộn :

Thuở xưa vua Lý-Thái-Tổng năm chiêm bao thấy Phật Quán-Âm ngồi tòa sen dắc (dắt) vua lên đài. Tỉnh dậy học lại với quần thần, sợ điểm có xấu có hại

(1) Dương lịch là năm 1788

(2) Năm mà Trương-Vĩnh-Ký xuất-bản cuốn *Chuyện đời xưa lựa lấy những chuyện hay mà có ích.*

chỉ chẳng. Thì thầy chùa thầy sãi tâu xin lập ra cái chùa thế ấy, dựng cho các thầy tụng kinh mà cầu diên thọ cho vua, thì vua cho và dạy lập ra.

Trương-vĩnh-Ký
(Chuyến đi Bắc-kỳ năm Ất-hợi)

Dấu chấm ở sau có xấu có hệ chỉ chẳng và trước thì thầy chùa thầy sãi tâu không hợp-lý chút nào cả, làm cho ta hơi bỡ ngỡ.

Rồi câu cuối (in đậm) trong đoạn dưới đây cũng của Trương-vĩnh-Ký, đáng lẽ phải đặt trong những dấu ngoặc kép và sau dấu hai chấm :

Chẳng ngờ may đâu hai thằng khiêng vồng một đứa tên là Bụng, một đứa tên là Dạ là hai đứa đồng-linh ăn cắp con rùa vàng của vua nghe thấy nói làm vậy thì ngờ là thầy thông-thiên đặt địa đã biết mình rồi ; sợ thầy tởm nói tên mình ra, vua chém đi, cho nên đề vồng xuống lại lạy thầy, xin thương xót đến mình, vì đã đại sinh lòng tham, mới ăn cắp con rùa ấy mà giấu lên máng rồi. Xin thầy làm phúc đừng có nói tên ra mà chúng tôi phải chết tội-nghiệp.

— Qua giai-đoạn thứ nhì, từ đầu đại-chiến 1914-1918 đến khoảng 1930, là có trên văn-dân chuyển qua tay các học-già Bắc-Việt trong nhóm Đông-Dương tạp-chí, Hữu-Thanh nhất là Nam-Phong. Phần đông các vị đó là những nhà tức-nho như : Nguyễn-hữu-Tiến, Nguyễn-đôn-Phục, Phan-kế-Bính, Tản-Đà, nên văn chịu ảnh-hưởng sâu xa của Trung-Quốc, dùng nhiều chữ Hán, chú-trọng đến bằng trắc, giọng tuy nghiêm-trang, song không khỏi nặng-nề và quá cách-biệt với lời nói thông-thường của quần-chúng.

Hai nhà có tài nhất về văn xuôi trong thời đó là Phan-kế-Bính và Phạm-Quỳnh.

Đây là một đoạn tả cảm-tưởng của họ Phan :

Đi đến chỗ mộ-địa, trông thấy mồ-mả san-sát, ai là không động lòng cảm thương ; mà nghĩ đến mồ-mả vô chủ, thì lại đau đớn thay cho người nằm dưới suối vàng lắm.

Nhất là đi qua những nơi trận-trường thuở xưa, nghĩ đến các đấng anh - hùng hào-kiệt, khi sinh-tiền dững-mảnh can-dảm biết là bao nhiêu, mà nay chỉ thấy gò cao lồn-nhòn, cỏ rậm-rì thì lại xui cho người ta buồn rầu nữa.

Kìa những lúc bóng chiều nhạt vẻ, gió bắc lạnh-lùng, đêm tối mưa sa, bốn bề vắng ngắt, qua chỗ đó mà ngắm cái cảnh đìu-hiu, lại nghĩ đến nông-nỗi người xưa năm đó, biết bao nhiêu tình-cảnh sầu người.

Nói đến đó thì am kia đàn nọ, bách linh dẫu thiêng dẫu chẳng thiêng, dẫu biết dẫu chẳng biết, dẫu có dẫu chẳng có, chẳng hề làm gì, nhưng cũng chưa xót mà xin gởi tặng vài ba giọt lệ.

Than ôi ! từ xưa đến giờ, biết bao nhiêu người khôn-ngoa, biết bao nhiêu người vụng-dại, biết bao nhiêu người hưng công lập nghiệp, biết bao nhiêu người vong thân táng gia, nào hiền, nào ngu, nào phạm, nào thánh bây giờ ở đâu cả, chẳng qua cũng mù-mịt trong một đám cỏ xanh mà thôi !

Và đây là một đoạn nghị-luận của họ Phạm :

Thờ gia-đình, mến tổ-quốc, phụng thờ tiên, tôn cô-diền, những tình-cảm đó nhờ giáo-dục vun trồng, thói quen bồi đắp văn-chương cùng phong-tục cổ lệ tán-dương, dần dần tạo thành cho người nước Nam một cái thần-trí vững-vàng ngay thẳng, một cái tâm-địa chắc-chắn điều-hòa, một

cái hồn-tinh thiết-thực và kiện-toàn, có lẽ không được bay bổng cao xa lắm, nhưng gặp khi quan-hệ đến vận-mệnh gia-đình tổ-quốc thì cũng có thể tận tụy hy-sinh được.

Lòng hiếu-thảo trong đạo cha con, lòng tiết-ngĩa trong đạo vợ chồng, lòng trung-thành với nhà vua là trạng-thái đặc-biệt của lòng ái-quốc người Việt-Nam, cò-lai vẫn gây nên những bức anh-hùng liệt-nữ hoặc hiền-hách, hoặc vô-danh, hoặc tên đề chối lợi trong sử-sách, hoặc việc chép 'tru-truyền trong gia-phả hay chỉ còn đề lại cái bát-vị trong một gian miếu nhỏ nép dưới bóng tre xanh.

So với giai-đoạn trước, văn xuôi trong giai-đoạn này đã tiến một bước lớn : không còn cái giọng vụng-về như một học-sinh tám tuổi nữa, mà đã đạo-mạo, nghiêm-chỉnh mặc dầu hơi lồi thối, lụng-thụng.

— Tới giai-đoạn thứ ba, từ 1930 đến cuối đại-chiến thứ nhì, văn xuôi lại chuyển hướng và tiến một bước nữa : nó lần lần thoát được ảnh-hưởng của Hán-văn gần với lời nói thông-thường hơn, nó trẻ lại, gọn lại và mới ra, sáng ra, bóng bảy mà tự-nhiên nhờ công-phu của cả một lớp văn-nhân biết áp-dụng phép hành-văn của Pháp vào Việt-ngữ. Người có sáng-kiến và hùng-tâm mở đường là Hoàng-Tích-Chu. Ông nói :

«... Tôi vốn đã bị cái bả viết văn kéo dài, hàng mười lăm giòng mới hạ được cái chấm dứt câu, hàng hai ba cột báo mà vẫn chỉ trọn một ý. (1) Phải có một lối viết khác. Cái lối viết phải làm sao cho gọn, không thừa nhiều lời. Đến khi tìm được nó rồi, tôi liền bắt đầu thực-hành bằng những bài « bàn về thời sự ».

Khi uốn nắn một cổ-tập thì bao giờ người ta cũng tiến quá mức, nên cái lối

văn Hoàng-Tích-Chu sa vào cái thái-cực ngược lại là câu ngắn quá, có khi cộc-lốc, như :

Sốt sáng, Văn Tỏi lên tiếng cãi trong số 74, quyết xin cho Châu trắng án. Nhưng Châu có tội, Tòa Thượng-thẩm đãi 3 năm tù, đáng lẽ phải 5.

Văn Tỏi. (Đồng Tây ngày 29-7-31)

Sau, nhờ nhóm Tự-Lực và vài nhóm khác biết dung-hòa mà thành lối văn ngày nay. So-sánh đoạn dưới đây của Vũ-Ngọc-Phan viết năm 1941 với văn của Trương-Vĩnh-Ký ta thấy văn xuôi Việt đã thay đổi biết bao :

Cách đây dăm năm, khi sang du-lịch nước Tàu, Maurice Dekobra có ghé qua Sài-gòn, một nhà viết báo Việt-Nam có đến phỏng-vấn ông. Trong số những lời tuyên-bố của nhà văn-sĩ có tiếng là ngông-nghênh và khôác-lác ấy, có câu này đã làm cho một tạp-chí hồi đó dùng làm đầu đề để chế-giễu : « Tôi không bao giờ đọc các nhà văn đồng thời ».

Dekobra tưởng tuyên-bố như thế thì giá-trị của mình sẽ được cao, nhưng có biết đâu người ta lại xét đoán ông cách khác : người làm nghề viết mà không đọc các nhà văn đồng thời thì cũng chẳng khác người chèo thuyền chỉ biết cúi đầu nhìn vào khoang thuyền của mình, không biết đến giòng nước chảy quanh.

Trong giai-đoạn thứ ba đó, Việt-ngữ chịu nhiều ảnh-hưởng của Pháp-ngữ.

Ta tạo những tiếng mới : cà-phê, xà-bông, xe lửa, xe điện... hoặc mượn những tiếng mà Trung-Quốc đã dịch trước ta, như khả năng, tượng-trung, tư-bản, lao-động... ; ta dùng chữ của để dịch chữ de (la voix de

(1) Tức lối văn của nhóm Nam-Phong Đông Dương tạp-chí.

l'expérience : tiếng nói của kinh-nghiệm) ; chữ xuyên qua để dịch chữ à travers (tìm hiểu thời-cuộc xuyên qua các báo) ; ta cho chữ nếu một nghĩa mới, cái nghĩa so-sánh, y như chữ si trong câu :

Si l'un dit oui, l'autre dit non.

ta bắt chước Trung-Hoa dùng những chữ hóa độ, tính, phẩm, gia, giả để tạo những động-từ và danh-từ : tiêu-thuyết-hóa, cường-độ, thần-bí-tính, tác - phẩm, ngôn-ngữ, học-gia, tác-giả... ; ta thường dùng chữ bị và bởi để chỉ thể thụ-động : cái vườn đó bị tàn-phá bởi một cơn dông...

Cách hành-văn của ta cũng thay đổi.

Hồi xưa, chịu ảnh-hưởng của Trung-Hoa, ta ít dùng chủ-ngữ. Chẳng hạn, trong một câu dài bốn hàng này của Nguyễn-khắc-Hiểu, chủ-ngữ đều tỉnh-lược hết :

Trong đời người, sáu bảy mươi năm, bao nhiêu cảnh thuận, bao nhiêu cảnh nghịch, bao nhiêu cái sướng, bao nhiêu cái buồn, bao nhiêu cái cười, bao nhiêu cái khóc ; nhưng ngồi mà nghĩ, chỉ như canh bạc chơi một đêm.

Theo cái giọng ngày nay, ta sẽ viết :

Trong đời người, sáu bảy mươi năm, ta thấy bao nhiêu cảnh thuận, bao nhiêu..., bao nhiêu cái khóc, nhưng nếu ta nghĩ kỹ thì cuộc đời khác chỉ như canh bạc chơi một đêm.

Thêm chủ ngữ như vậy là theo văn-phạm Pháp.

Ta cũng bắt chước Pháp khi dùng vô-định quán-từ (article indéfini) trong câu :

Tôi đã viết một bức thư về nhà.

Năm 1881, Trương-vĩnh-Ký viết :

Còn chùa một cột, thì cũng ở hạt huyện Vĩnh-Thuận, làng Thanh Bửu, ở giữa cái hồ vuông, có một trụ đá cao trót trượng...

Ngày nay ta viết :

Còn chùa một cột... ở giữa một cái hồ vuông, có một trụ đá cao trót trượng (1).

Ngày xưa các cụ nói :

Đó là điều bất-hạnh lớn :

Bây giờ ta quen nói :

Đó là một điều bất-hạnh lớn (2).

— Có nhà văn lại dịch mệnh-dề dit-il và cho xen vào giữa câu như Pháp :

Nó làm biếng quá, ông ấy nói, nên bị phạt hoải, hoặc đặt ở cuối câu :

Trời mưa hoải, buồn quá ! Xuân nói.

— Sau cùng, giai-đoạn thứ tư bắt đầu từ năm 1945. Trải mười năm tranh-dấu, chúng ta đã giành lại cho Việt-ngữ cái quyền của nó, mở rộng phạm-vi cho nó, từ khu-vực văn-chương qua khu-vực triết-học, khoa-học. Nó đương bước vào tuổi trưởng-thành. Trước ta chỉ dùng nó để viết ít bài khảo-cứu, nghị-luận, soạn tiểu-thuyết hoặc kịch ; ngày nay ta bắt nó phải có đủ khả-năng để diễn mọi tư-tưởng, truyền-bá mọi kiến-thức của loài người. Do đó, địa-vị của văn xuôi Việt hóa ra quan-trọng vô-cùng ; mà trách-nhiệm nặng-nhọc nhất và cũng cao-cả nhất của hết thầy những người cầm viết thời này — thời mở đầu cho một chương lớn trong văn-học-sử Việt-Nam — là tìm-tòi, sáng-tạo, thí-nghiệm những tiếng mới, những cách phô-diễn mới cho Việt-ngữ đủ phong-phú, tế-nhị, đủ sáng-sủa, khúc-chiết để theo kịp trào lưu tiến-hóa của tư-tưởng và thực hiện nỗi sứ-mạng mà quốc-dân đang chờ ở nó.

- (1) Ta nhận thấy Trung-hoa cũng chịu ảnh-hưởng đó, không viết : cô-nương hựu thị nữ-sĩ ; mà viết : cô-nương hựu thị nhất vị nữ-sĩ).
- (2) Trung-Hoa cũng vậy, không viết : Giá thị ngã môn đích tối đại bất hạnh, mà viết : Giá thị ngã môn đích tối đại bất hạnh chi nhất).

Những người có công mở đường là Trần-Trọng-Kim, Bùi-Kỷ, Phạm-Duy-Khiêm, soạn-giả cuốn **Việt-Nam Văn-phạm** và Hoàng-xuân-Hân, soạn-giả cuốn **Danh-từ Khoa-học**. Cuốn sau đã được mọi người dùng ; cuốn trước, mặc dầu đã được dạy trong các trường còn phải sửa đổi nhiều.

Một nhóm người muốn Âu-hóa hẳn Việt-ngữ, viết liền những từ-ngữ hai ba tiếng như : ông chủnhà, cây bảglăng, xe máydầu, trườgtrị đẹpđẽ, maumẩn, vì họ cho tiếng Việt đa âm, chứ không đơn âm,

Một nhóm khác, ngược lại, muốn giữ những đặc-tính của tiếng Việt, chỉ mượn của nước ngoài cái gì cần-thiết và hợp với Việt-ngữ thôi.

Hiện nay, hai nhóm cứ yên lặng phụng-sự tiếng Việt theo chủ-trương riêng của mình, và trong nước không có cơ-quan nào đủ uy-tín để giải-quyết vấn-đề đó.

Riêng tôi, tôi nghĩ, mặc dầu có những dân-tộc mà ngôn-ngữ và văn-ngữ (langage écrit) khác nhau xa, như dân-tộc Đức hiện nay và dân-tộc Trung-Hoa thời trước, song cứ xét khuynh-hướng chung trên thế-giới thì văn xuôi mọi nước mỗi ngày một gần với tiếng nói hơn và muốn khỏi ngược trào-lưu đó trong việc cải-cách Việt-ngữ, ta nên

nhớ rằng có tới 99 phần 100 quốc-dân không quen với văn-phạm Pháp hoặc Anh, tất không thấu-nạp được những cải-cách ngược với tính-cách Việt-ngữ, nó chỉ làm cho văn-ngữ và ngôn-ngữ thêm cách-biệt nhau thôi.

Tuy-nhiên, Việt-ngữ ngày nay không phải chỉ dùng trong những việc thông thường hằng ngày, mà như tôi đã nói, còn cần phô-diễn nổi những tế-nhị của mọi môn học, cho nên trong việc cải-cách đó, ta cũng không nên quá rụt-rè. Phải rất sáng-suốt, có nhiều lương-tri, nhưng cũng phải mạnh dạn thí-nghiệm, rồi theo luật đào-thải tự-nhiên, một số cải-cách sẽ được giữ lại mà Việt-ngữ sẽ nhờ vậy thêm phong-phú, tinh-xác, gọn-gàng, sáng sủa.

(CÒN TIẾP)

ĐÍNH-CHÁNH

Trong truyện đời xưa « Hoàng-tử Sung-sưông », số 4, cuối cột 2, trang 43, thiếu một đoạn ngắn :

« Ẽn bay trên phố-phườg tấp-nập. Ẽn thấy hạng người giàu sang an-nhàn trong đài các nguy-nga và kẻ ăn mày lao-xao ngoài ngõ nhớt. Ẽn bay qua những xóm lồi-tàn và thấy gương mặt mét xanh của bọn trẻ, áo quần rách rưới, lang-thang, trong ngõ hẻm hang cùng.»

NGƯỜI thì cho sống là sướng, chết là khổ, như thế là phái mền đời. Người lại cho chết là sướng, sống là khổ, như thế là phái chán đời.

Cứ theo ý ta, thì ta tưởng ai tuy còn sống, thân-thể khỏe mạnh, mà chí-khí suy-đôi, thì sống cũng như chết ; ai thân-thể tuy chết, mà chí-khí vẫn còn ở tâm-não, tại mất người ta, thì chết cũng như sống. Cho nên bậc quân-tử đối với sự sống chết, không bằng ở phần xác có hay không, bằng ở phần hồn còn hay mất. Kẻ tiểu-nhân thì không thế : đương lúc sống mê-muội về tài-lợi, nhọc-nhảm về bôn-tàu ; đến lúc người ta thóa-mạ, thì lại nói rằng : « Đã sinh ra làm người, chẳng để được tiếng hay trăm đời, thì cũng để lại tiếng dở muôn năm ». Than ôi ! Kẻ nói như thế thì biết làm sao được cái lẽ sống chết.

KHUYẾT-DANH

ÉN BIÊN

AI có qua chơi xứ Quảng-Nam,
Trông ra biển biếc lẫn trời lam,
Một hòn đảo nhỏ in màu sẫm :
Dấu vết ngàn xưa của giếng Chàm.

HÓC đá cheo-leo, sóng mịt-mù,
Én kia làm bạn với hoang-vu.
Xa đời, càng thấy yêu đời lắm,
Ủ kín tình thâm ai thấu cho.

GIÓ lốc tung reo, sóng thét gào,
Gởi cùng sóng gió nổi lao-đao :
Lấy chí làm tô nuôi con nhĩ ?
Bờ vắng, trắng tà, mây vùn cao.

RÁT cò phun ra từng giọt ngọc ;
Mỗi giây nước miếng một tơ lòng,
Kết thành chiếc tò đầy âu-yếm.
Khi lại rơm-rơm đầm máu hồng.

ĐỘC-ác ! người đời lấy yễn-sào.
Đem về nấu đãi khách phong-lưu.
Tiếng ca danh-kỹ vang trong tiệc,
Như át ngoài khơi tiếng én kêu.

CÙNG chung kiếp én có thi-nhân.
Đem hết tinh-hoa tặng khách trần,
Trong tiệc những ai cười hì-hả,
Riêng ai đau khổ biết bao lần !

HỒNG-HY

ĐƯA CON NUÔI

Đề tặng những cặp vợ chồng trẻ muốn con.

MẶC-THU

TRÊN chuyến xe dò Đalat — Saigon, Khê thực vất-vả với thằng bé mà chàng vừa xin được. Thằng bé đến nghịch, tuy chưa được đầy tuổi tôi. Nó nhẩy cẳng trên tay Khê và cứ nhè nằm lấy cái cà-vạt màu của anh mà dụi.

Thuở nay, chưa từng bế trẻ, Khê phải vận-dụng tất cả khéo-léo của mình mới khỏi đề nó ngã. Anh luôn miệng nói nựng nó một cách rất vụng-về, khiến mấy bà hành-khách ngồi bên phải quay mặt đi mà cười.

Mồ hôi vã ra ướt đầm cả lẫn áo trong của Khê. Đầu tóc anh rối bù, vì nhiều lúc anh phải cuối đầu đưa cả mớ tóc ra cho nó nằm lấy nghịch.

Tuy vậy Khê không thấy vất-vả, trái lại anh thấy vui-sướng vô-hạn vì đã mãn-nguyện : xin được đưa con nuôi có bộ mặt ngộ-nghĩnh như anh thường ao-ước.

Xe chạy được một quãng khá xa, Khê mới nhận thấy lúc anh dụi thằng bé trên tay người vợ, rồi nhét vội cho người chồng một món tiền là một cử-chỉ thật tàn-

nhẫn mà trong lúc bình-thường anh không thể nào làm nổi. Anh cũng hối-tiếc đã không biết nói lấy một lời ôn-tồn rằng : tiền này là để giúp thêm bà nhà uống thuốc... Làm vậy có khác gì anh mua đứa trẻ với một giá quá hời. Anh lại xấu-hổ cả với giáng đi hấp-tấp của anh lúc bế đứa trẻ đi.

Sau cùng, Khê trút tất cả cho cái tội : chỉ vì anh quá ưng-ý đứa trẻ và anh chỉ sợ nếu đề chậm trễ, rất có thể người vợ hay người chồng đòi ý.

Gia-đình họ có những bảy đứa trẻ, toàn là trai, lớn bé đều sần sần bằng nhau cả. Nhưng nếu không vì người mẹ mang bệnh nằm liệt trên cái cáng thì Khê cũng khó có hy-vọng xin được thằng nhỏ này. Xem như họ còn đi xa để kiếm chỗ làm ăn. Khê cho mình may lắm mới gặp được họ giữa đoạn đường họ ghé vào Đalat.

Một bà hành-khách ngồi ghế trên đưa tay xin bế hộ thằng bé. Khê ngạc-nhiên không hiểu bà ta làm cách nào mà chỉ lát sau, thằng bé đã ngủ ngon lành.

Bây giờ Khê mới có thì giờ xốc lại quần áo, nắn lại cà-vạt, vừa vui vui nghĩ đến Trâm, vợ anh.

Cuộc đời buồn tẻ của vợ chồng anh hẳn từ nay sẽ chấm dứt. Chắc hẳn Trâm sẽ phải thích đứa trẻ cũng như anh.

Vợ chồng Khê lấy nhau đã bảy năm mà Trâm chưa lần nào có một dấu-hiệu gì của sự sinh đẻ.

Vợ chồng Khê lại sống một cách khá dư dả nên càng thấy thiếu-thốn. Một nỗi thiếu-thốn mà cả hai không tiện nói ra.

Họ yêu nhau từ trên ghế nhà trường và khi rời nhà trường là họ cưới nhau. Con đường tình-ái của họ không có gai góc mà chỉ đầy hoa bướm. Khê được nhà cấp vốn cho đi buôn và cho ở riêng. Con đường kinh-doanh của anh lại cũng trơn-tru rất ít trở-ngại. Chẳng mấy lúc mà Khê giàu lớn.

Bỗng có một ngày mà Khê thấy chán công việc mà không tìm thấy sung-sướng trong những thành-công nữa. Và từ bấy giờ, Khê mới để ý nhận thấy rằng Trâm đã hờ-hững với những thành-công của anh trước anh khá lâu.

Khê đã nghĩ : giá vợ chồng mình nghèo cứ nai lưng ra mà làm, được bữa sáng lo bữa tối thì cái chuyện con cái tất đã thành một vấn-đề.

Khê đã băn-khoăn nhiều lần về câu chuyện sinh-lý. Anh đọc các sách y-học để tìm hiểu nguyên-nhân của cái sự thiếu-thốn ấy là tại anh hay tại Trâm. Nhưng rồi chẳng sách nào làm cho anh thỏa-mãn. *Có việc giảm-dị nhất là đến một bác-sĩ* thì Khê không dám làm. Chẳng phải vì sợ Trâm tủi mà chính anh, anh cũng rất sợ phải nhận lấy một tnyệt-vọng. Mỗi tnyệt-vọng có khoa-học chứng-minh thành

một sự thực nghe thấy và trông thấy được.

— Đề vậy thì còn có hy-vọng !... Khê tự an-ủi hành-dộng rất không hợp-lý của anh vậy.

Trong khi đó, Trâm vẫn giữ đầy-dủ bồn-phận của người vợ ngoan ngoãn. Cả ngày nàng chỉ lúi-húi với công việc nhà. Rất ít khi nàng chịu đi đến đâu, ngay cả việc đi thăm bề bạn thân-thiết hoặc họ-hàng.

Mỗi ngày Trâm lại siêng-năng làm việc nhà nhiều hơn. Hầu như Trâm rất sợ những thì giờ nhàn rỗi không có việc gì làm.

Khê chỉ cho rằng Trâm tần-tiện và tính ưả làm việc là tính giống bà mẹ vợ anh.

Trước mặt chồng, Trâm vẫn vui-vẻ như không có điều gì nghĩ-ngợi. Nhưng sau, nhiều lần Trâm cũng để lộ cho Khê thấy được cả những lúc nàng ngồi thừ mặt, buồn-bã nhìn ra vườn một cách vu-vơ...

Bây giờ Khê mới hiểu rằng : vợ chồng anh cần có một đứa con, dù là đứa con nuôi.

Nhiều lần Khê muốn nói với Trâm điều táo-bạo đó mà chưa bao giờ anh tìm thấy dịp thuận-tiện để nói. Anh biết nếu nói ra chắc hẳn Trâm sẽ buồn tủi và biết đâu nỗi đau khổ của Trâm sẽ lại chẳng trầm-trọng hơn.

Cuộc sống tẻ-lạnh ấy cứ âm-thầm kéo theo những chuỗi ngày dài dằng-dặc trong đó có hai người sống rất gần nhau mà lại như rất xa nhau, vì chẳng ai muốn cho ai biết ý-nghĩ riêng của mình.

Họ tập sống giả-dối và tưởng như thế là chỉ riêng mình chịu đựng, mà không biết rằng : mỗi đêm khi lên giường ngủ, trước lúc nhắm mắt, nếu Trâm tưởng đến ‘ một đứa con ’ thì nửa giường bên kia,

tiếng nói cuối cùng trong ý-nghĩ của Khê cũng là « một đứa con ».



Hôm đầu Khê mang đứa bé về, Trâm reo tưởng đến vợ nhà. Nàng vớt cả món ăn dư thừa làm dở xuống bếp, chạy ra vỗ lấy đứa trẻ.

Khê sung-sướng vì thấy Trâm sung-sướng.

Gò má xanh nhạt của Trâm tươi ửng thêm một màu hồng. Rõ - ràng như nàng vừa sống lại.

Trâm ấp đứa bé vào ngực, hôn hít nó như chính nó là con nàng thực. Nàng quên cả nghe Khê đương kiêu-hãnh kể chuyện vì sao mà xin được thẳng bé.

Một lúc sau, Trâm bỗng kêu khê lên một tiếng :

— Này anh ! Lại đây xem, trông mắt nó giống anh không ?

Khê hớn-hở quay lại đáp :

— Thế à ?

Tuy chưa thấy đôi mắt thẳng bé giống mắt mình ở chỗ nào, Khê cũng làm ra giáng vui vui :

— Ừ, giống nhĩ !

Trâm vẫn chú-ý nhìn vào mặt đứa trẻ :

— Anh ạ, miệng nó cũng giống anh nữa ! Lại cả sống mũi cũng giống nữa này ! Chẳng sống mũi giọc dừa là gì đây !...

Khê cười sung sướng :

— Ừ, giống thực !

Tự nhiên Khê cũng thấy đứa trẻ hao hao giống anh vài nét. Lòng yêu đứa trẻ của anh lại tăng thêm.

Nhưng từ sau ngày ấy, đứa con nuôi lại là cả một khó chịu cho vợ chồng Khê. Trâm không còn vỗ-vập, tươi - cười với đứa trẻ như buổi đầu nữa. Đôi lúc, Khê

bắt gặp Trâm ngồi lặng chăm-chú nhìn đứa trẻ, nét mặt có chiều suy-nghĩ...

Đầu tiên, Khê hơi ngạc - nhiên về sự thay-đổi mau chóng của vợ. Cho đến một đêm, Trâm trần-trọc rất khuya chưa ngủ, làm Khê cũng mất ngủ theo.

Đêm ấy, Trâm đã căn-vận Khê rất nhiều về đứa trẻ. Nàng nghi nó là con riêng của Khê.

Khê đã hết sức biện-bạch và kê-lê rõ - ràng từ chi-tiết nhỏ nhặt cho Trâm nghe. về sự tình lúc xin được đứa trẻ. Nhưng nói thế nào Trâm cũng không tin. Trâm lại có những câu hỏi thực bất ngờ, thông-minh như một cái bẫy dè Khê phải lúng-túng nhiều lần, mặc dầu anh rất oan-uổng. Có lẽ đấy là đặc-khiếu tự-nhiên của đàn bà. Đặc-khiếu ấy, Khê chưa từng thấy ở Trâm lần nào.

Khốn nỗi, anh không viện ra nổi một nhân-chứng : một người bạn chứng-kiến lúc anh xin đứa trẻ chẳng hạn, hay ít nữa thì cũng phải biết rõ chỗ trú-ngụ của cha mẹ đứa trẻ...

Khê hối-tiếc đã quên không hỏi xem họ đi về phương nào và làm nghề gì ? Giá biết được vậy thì cũng có hy-vọng tìm ra.

Trâm âm-thầm khóc nhiều đêm và có lần đã dùng đến thuốc ngủ để được xa chồng vĩnh-viễn. May mà Khê biết được mà cứu kịp.

Mỗi lần gặp mặt là Khê và Trâm lại có dịp cãi-cọ nhau luôn, bất cứ vì một cơ nào.

Vì vậy họ đã tìm cách lánh mặt nhau, mặc dầu họ ở cùng trong một căn nhà nhỏ, xinh-xắn như một tổ chim.

Trâm dọn cơm sẵn trên bàn để Khê ăn trước còn nàng ăn ở trong buồng.

Trước mặt Khê, Trâm làm ra rất hồ-hững với đứa trẻ, khiến cho Khê hết sức

khờ-tâm khi thấy thằng bé nằm trông-trơ trong một cái nôi. Tuy vậy, anh cũng giữ không để lộ vẻ khó chịu ấy ra ngoài cho Trâm thấy. Nhưng khi Khê đã ra ngoài, Trâm vẫn săn-sóc đứa trẻ đầy-dù bồn-phận của bà mẹ nuôi muốn tặc-trách.

Trâm khóc nhiều những lúc vắng Khê nên sút đi trông thấy. Trông đôi mắt quầng thâm của Trâm, nhiều lúc Khê thấy thương Trâm vô hạn. Nhưng anh lại không muốn cho Trâm biết anh có ý-nghĩ ấy. Anh thấy bực mình đến độ đau-khò vì tính « ghen hão » của Trâm. Khốn nỗi, cái ghen hão đó lại trở thành « ghen thật » khi chính anh cũng không biết làm sao cho Trâm tin anh được.

Rồi Khê cũng không buồn tìm cách phân-trần cho Trâm hiểu nữa.

Anh nghĩ : tại sao mình cứ khờ-tâm về một tội lỗi mà mình không phạm.

Trâm đã bắt đầu bề công việc nhà, đi chơi luôn. Việc săn-sóc thằng bé, nàng đã giao-phó trọn vẹn cho một vú già mới mượn.

Khê thấy khó chịu về sự vắng mặt luôn của vợ. Nhưng trước mặt Trâm, anh lại làm ra vẻ thản-nhiên như không lưu-ý đến điều đó. Anh muốn cho Trâm hiểu vậy.

Nhưng ngay lúc Trâm đi khỏi, anh trở lại bực dọc, gắt gỏng và thềm muốn đập phá.

Hồi này Khê đã bắt đầu tập-tọng uống rượu, mà uống lu bù. Anh hay la-cà ở các quán rượu đêm. Mỗi khi thấy mình có đủ vẻ của một người rượu chè, trác-táng lọc lõi, anh lại thấy tự bằng lòng.

Cứ thế, mỗi khi khuya về miệng Khê lại sặc sụa hơi rượu.

Lấy có đó, Trâm đã dọn chỗ ngủ riêng.

Căn nhà tịch-mịch, kín-đáo nép trong những khóm lá của một khu xóm cũng tịch-mịch, càng làm tăng thêm khờ-hình của đôi



vợ chồng trẻ, mỗi ngày thêm một xa nhau, cách-biệt gần như không thể nào hàn gắn nổi.



Một sớm mai đẹp trời, nắng hửng lên trong vườn từ lâu mà Khê vẫn còn vùi đầu trong chiếc mền đơn ngủ kỹ. Đêm qua, anh say sưa với bạn tới gần sáng. Một đêm hành-lạc đầy đủ nhất của một kẻ chán đời...

Bên kia buồng, Trâm đã thức từ lâu, song vẫn nằm yên nhìn lên trần nhà nghĩ-ngợi vãn-vơ.

Có tiếng u-già khẽ găt ở ngoài thềm ;

— Hồi gì thì đợi đấy đã ! Cậu mợ tôi còn ngủ !

Khê chợt giờ mình lắng nghe, như đã chờ đợi từ lâu.

Tiếng một người đàn ông lạ, rụt rè :

— Vâng, lúc nào ông dậy, u nói giúp là có tôi, bố thằng cháu cho ông dạo nọ ở Đalat...

Khê tung mền, vùng đứng dậy, rồi vụt chạy ra ngoài, hấp-tấp như chưa từng bao giờ anh hấp-tấp như thế.

Trâm cũng đã bật đứng dậy. Đã toan chạy theo ra, nghĩ thế nào Trâm quay lại giương, gục mặt vào gối khóc thút thít.

Câu chuyện ngoài thêm vẫn lọt vào tai Trâm rành rọt từng tiếng một...

Dĩ-nhiên chiều hôm ấy, trên một đại-lộ ở Sài-gòn, có đôi vợ chồng trẻ liú-ríu như chim đất nhau đi sắm áo quần đồ chơi cho trẻ nhỏ.

Bỗng người vợ dụt tay chồng nói khẽ :

— Chúng mình phải đặt tên cho con chứ !...

Người chồng mỉm cười, gật đầu âu-yếm nhìn vào mắt vợ, khiến người vợ thẹn-thùng quay đi...

Hạnh-phúc của họ lại đẹp như không có một bài thơ nào ca-tụng nổi...

Xuân Đình-Dậu, Saigon

MẶC-THU

❖ Nước lớn tới nước nhỏ và nước nhỏ tới nước lớn

VUA TRỊNH sang Sở, có Tử-Sản theo lo việc lễ-nghi. Tử-Sản chỉ cho làm nhà cỏ tại nước Sở, chứ nhất-định không cho lập đàn. Có người nói :

— Ngày trước, các quan đi theo vua sang nước khác, đều cho lập đàn, nếu ông chỉ cho làm nhà cỏ, sợ không hợp lễ.

Tử-Sản nói :

— Vua nước lớn đến nước nhỏ thì lập đàn, vua nước nhỏ đến nước lớn thì làm nhà cỏ ấy được rồi, lập đàn làm chi ? Tôi nghe nước lớn đến nước nhỏ, có năm điều hay cho nước nhỏ : có tội thì khoan-dùng ; có lỗi thì tha-thứ ; có tai-ương thì cứu-giúp ; có chính-sách hay thì tán-thưởng ; có điều chi thất-thố thì dậy bảo cho. Nước nhỏ được an-nhiên mà yêu nước lớn, cho nên mới lập đàn để biếu-dương công-trạng của nước lớn.

Còn nước nhỏ đến nước lớn có năm điều xấu cho nước nhỏ : có tội phải đi phân-trần ; có điều kém cỏi phải đi van nài ; có giáo-lệnh phải gắng tuân theo ; có việc chức-công phải đi cung-phụng ; có việc triều-hội phải đi theo đòi. Nếu chẳng phải năm việc ấy, thì lại là việc đem tiền của để đi lay mừng hay viếng nước lớn. Tất cả việc đó đều là tai-họa cho nước nhỏ. Lập đàn chỉ là bêu những tai-họa và làm nhục cho con cháu mà thôi.

TẢ TRUYỆN

NHẤT GIA

TỪ - VU

Bản - dịch của VI - HUYỀN - ĐẮC

TÓM TẮT KỶ TRƯỚC : Đại gia-đình họ Lâm ở Hàng-Châu gồm mười hai người chung sống với nhau, nhưng tư-tưởng khác nhau. Trung-Nhật chiến-tranh, Hàng-Châu lâm vào tình-trạng nguy-ngập. Sau những bất đồng ý-kiến, quyết-định cuối cùng là cả gia-đình đi lánh nạn ở Thượng-Hải. Nhưng đi thế nào ? Lâm tiên-sinh, người trải rường-cột trong gia-đình muốn một mình đi Thượng-Hải trước, dọn tình-thế, còn cả nhà đợi ông ở Ô-tiền. Bà Hai, vợ Lâm tiên-sinh, muốn cùng đi với ông để tránh khỏi đại gia-đình mà bà không mấy thích, sau khi đã gặp thất bại trong việc thành lập tiểu-gia-đình.

BỐN năm qua.

Bà hai đã sồn sồn đề đốc thôi, thêm hai cô tiểu-thư nữa. Tuy một nách ba đứa con mọn, nhưng bà vẫn được thung-dung, nhàn-rỗi. Xem như thế thì ở trong cái khung cảnh « cồ hủ » của đại gia-đình, bà không thể cho là bất-mãn, là không được vừa lòng, đẹp dạ được !

Nhưng dầu sao, bà Hai vẫn luyến-tiếc cái cảnh tiểu-gia-đình: tự-do, tự-tại, một mình một giang-sơn, muốn sao được vậy. Tuy bà đã nếm qua sự thất-bại trước, nhưng bà cho đó là do cái nguyên-nhân « kinh-tế » mà ra. Giả như có đủ tiền, có nhà rộng-rãi, có đủ kẻ hầu, người hạ, và bày biện cho thiệt ngăn-nấp, đẹp-dẽ,

thì cái tiểu-gia-đình vẫn đáng yêu, đáng quý hơn. Cứ ngay như bây giờ chẳng hạn, ông chồng bà đã cầm quyền kinh-tế của cả đại-gia-đình còn được, thì nếu ông bằng lòng lập tiểu-gia-đình, nhất-định sẽ không bị thất-bại vì tiền nữa.

Trước đây, bà Hai có một người bạn đồng-học, viết thư cho bà nói về vấn-đề lập gia-đình. Thôi thì, trong bức thư trả lời, không có một việc gì mà bà không nói tới : đối với lời-lẽ trong thư, bà không quên dùng cả mớ những sáo-ngữ, lời ở các tiểu-thuyết mới ra, nào « quyền tự-do cá-nhân », nào « tự-do ý-chí », nào sự « đau-khò về tinh-thần », nào sự « sinh-hoạt của nội-tâm », thôi thì đủ cả, không sót

một diêm nào ; người đọc thơ phải đến toát mồ-hôi cái, mồ-hôi con ra, vì sợ cái con « ngoáo-óp » đại-gia-đình, mà hồi-thư hết lời an-uy bà và khuyên bà phải thức đặng trước-phu mau mau tìm công ăn việc làm ở Thượng-Hải, đề « thoát-ly » và sống một cuộc sống theo « tân-thức ». Bởi vậy bà vẫn, lòng bảo lòng, quyết-chí thử một lần thứ hai nữa xem sao.

Một người anh-hùng có thể bị thất-bại, nhưng cái hùng-tâm không khi nào chết ; chống hay chầy, cái ngọn « lửa-thiên » lại bùng cháy ! Thì cái đám tro tàn của tấm hùng-tâm của bà Hai, nay đã lại bốc lên ngùn-ngụt.

Bò Hàng-châu, di-cư, Lâm tiên-sinh cố-nhiên sẽ bị thất-nghiệp. Bà không lo, mà lại mừng, vì bà cho đây là một cơ-hội tốt để bà toan-tính một cuộc thí-nghiệm thứ hai của bà. Bà giục đặng lang-quân viết thư đi nhờ các bạn ở các nơi, « thiết-pháp » kiếm việc làm. Và lại hiện nay, toàn-quốc động-viên, bao nhiêu thanh-niên trai-trắng phải đi tòng quân cả, thì nhất-định không thiếu gì việc làm. Đi lánh nạn, ấy thế mà hay. Cái « hay » chẳng vẫn ở trong cái « dở » mà ra là gì ! Vậy thì thất-nghiệp, lánh-nạn, di-cư cũng là một cơ-hội tốt đối với sự « rấp-tâm » của bà.

Giá bây giờ, chỉ có hai vợ chồng bà cùng ba đứa con đi Thượng-Hải, rồi để cho bảy con người kia ở lại Ô-Tiêm, như thế, cái bộ-phận cốt-cán của đại-gia-đình sẽ lưu lại ở chốn thôn-quê, sự tiêu-pha sẽ giảm đi được rất nhiều ; thỉnh-thoảng sẽ chỉ phải gửi về cho họ ít nhiều đề thêm cặp vào sự ăn-tiêu ; hoặc giả có cần lắm chẳng nữa, tháng tháng, gửi về một số tiền nhỏ nào đó là được ; ở chốn thôn-ô, quê-mùa, ăn-tiêu có là mấy ! Và lại, cụ ông, cụ bà, vẫn có một món tiền tay kia mà... Thế có phải hai vợ chồng

bà có thể đem cả cái số kinh-tế kếch-sù của đại-gia-đình trước kia đề tồ-chức cái tiêu-gia-đình hoa-lệ của bà. Nhất định nó sẽ mỹ-mãn biết bao !

Quả cái lòng ước muốn của người ta không có bờ bến. Trước đây, tuy ở trong đại-gia-đình, về việc gì bà cũng vẫn chiếm phần hơn, nhưng bà vẫn thấy nó làm sao ấy ; này nhá, may thêm một bộ quần áo mới ư ? cả nhà đưa mắt, ra lườm, vào nguyệt, và thười eái môi dưới ra, dè bịu ; hể mình động mua sắm một cái gì, là y như cả nhà ai cũng muốn mua, muốn sắm cho kỳ được mới nghe. Phải, bây giờ, nếu họ kéo nhau lên tất cả Thượng-hải, có nhiều điều rất bất-tiện ; điều thứ nhất, là họ quê kệch, không hiểu được cách sống sang trọng, lịch-sự, của cái đô-thị phồn-hoa đó ; điều thứ hai, là phải mua sắm cho mỗi người một loạt quần áo mới cho hợp thời-trang, kéo người ta cười.

Nhưng, quái lạ ! Lâm tiên-sinh cứ ngồi lặng-thình, nghe bà vợ kể hết đầu cua, tai ngheo, mà chẳng thốt ra nửa lời. Ông chỉ nhúu đôi lông mày, cau cái bộ mặt lại.

— Cậu thiết là một người không có một tí lương-tâm nào !

Lâm tiên-sinh ngồi ghé xuống bên mép giường, ông hỏi :

— Tại sao vậy kìa ?

Bà phát cáu, dồn « đại-thạch » cho ông một thối : « Lại còn hỏi tại sao, mới tại làm sao ?... Cậu có biết tại làm sao không đề em nói cho mà nghe... Cậu có nhớ không ? khi cưới em, cậu cam-kết với em rằng chúng ta sẽ tồ-chức một tiêu-gia-đình... Em chịu kham-khò, chịu vất-vả, thiết là đầu tắt, mặt tối, có thêm ngót năm trời... Cậu phải biết, với cái số lương quèn giáo-viên của cậu, em phải vất đầu cá, vá đầu tôm, phải tần-tiện từng hộp phẩn, từng lọ nước hoa... bao nhiêu lâu, không dám bước

chân vào nhà hát, rạp chiếu bóng... rồi quần áo, giày-dép, vành-cánh, hoa hột, cái gì cũng còm, cũng sên, chỉ còn thiếu đeo dây, buộc túm nửa thôi !... Tại sao ? Để chờ cậu kiếm được nhiều tiền hơn !... Tiền chẳng thấy đâu, thì suốt từ bấy nay, em phải về đây, làm nô-lệ cho cái đại-gia-đình nhà cậu... Thế rồi, anh Cả mất đi, em phải một vai gánh vác hết cả gia-sự... Cậu cứ thí em, dỗ em, để hể có cơ-hội, là tổ-chức tiểu-gia-đình : thế bây giờ, cơ-hội đến rồi đấy, cậu lại nói cậu đi Thượng-Hải một mình !

— O kìa ! Em nói cái gì lạ vậy ? Thì trước đây, chị Cả, chị ấy trông-nom việc nhà, em bảo chị ấy không biết cách, em nhất-định dành lấy cho kỳ được, bây giờ em còn oán-trách cái nỗi gì ?

Lâm tiên-sinh nói hơi khì to tiếng, nặng lời dòi chọc. Bà Hai nghe xong, liền chồm dậy, chạy lại, sa vào lòng ông, khóc nức-nở. Bà vừa vuốt nước mắt, vừa nói :

— Hi, hi, hi, cậu làm cái gì mà cậu hét to lên như thế, để cho người ta nghe thấy, rồi người ta oán em, hã, hã, hã ?

Ông hỏi bà : « Ừ, nhưng em muốn cái gì bây giờ mới được kia chứ ? »

Bà đáp : « Em chẳng muốn cái gì cả... nhưng, chính cậu, cậu muốn thế nào cậu nói cho em nghe ? »

Ông nói : « Ừ, thế anh hỏi em nhá, nếu anh nói hờ ra rằng, anh sẽ đem em cùng đi với anh, đi Thượng-Hải, nhất-định cả nhà sẽ dòi theo đi, mà đem cả nhà đi trong lúc này, thì lấy đâu ra tiền... Không những thế, nếu không có ai ở lại thì thu làm sao được tiền của căn nhà ở ven hồ mà tiêu, kia chứ ?... Những như chúng mình và con thôi, anh cũng không hiểu, một khi ở Thượng-Hải rồi, lấy gì mà tiêu, nữa là đem cả nhà đi... Món tiền có

đây, nếu đem chia cho nhà một phần ba, mình đem đi hai phần chẳng nữa, cũng chẳng tiêu được bao lâu... Ở Thượng-Hải, sự ăn tiêu tốn-phí vô cùng, em đã rõ đấy chứ gì ?... Ừ, anh thì chưa có công việc làm, mà tiêu hết tiền, rồi tính sao ? Bấu-cứ vào đâu ? Tiền cho thuê nhà có thể không gởi được tới tay mình, nếu có sự gián-đoạn do chiến-tranh gây nên... Còn như lấy tiền riêng của em mà tiêu, anh không muốn thế... »

Tuy bà vẫn ti-tì khóc, nhưng bà cũng nghe ra, vì những lý-lẽ của ông rất xác-dáng.

Ông nói tiếp : « Mà, em ạ, ta đi đây là đi lánh nạn, chứ có phải đi lên Thượng-Hải để hưởng sự an-nhàn, hưởng phúc đâu ! Vậy thì, những đề lo sống cho qua lúc này còn khó, về thay nữa là nói sao được tới việc tổ-chức tiểu-gia-đình, em nghe ra chưa ? » Ông ôm lấy bà và tìm lời dịu-ngọt để nói cho bà hiểu rõ cái tình-cảnh hiện-tại, để bà đừng có mè-nheo và oán-hận ông.

Bà đã nghe ra và bà hiểu rồi, nhưng đi Ô-Tiền thì chịu thôi, vì bà đã có chủ-ý, là đem ba con đi theo ông xuống Thượng-Hải. Bà nhận rõ rằng, món tiền hiện có, phải đem chia cho gia-đình là một đàng ; còn một đàng nữa, nếu họ ở lại, họ sẽ thu mất tiền cho thuê nhà ở Hàng-châu. Bà không thể nào chịu nổi được cái nước kém cạnh đó. Còn như để cho cả nhà đi Thượng-Hải, rồi còn một mình bà, bà ở lại Ô-Tiền để thu tiền nhà, bà cũng không dám, vì bà sợ. Bà thấy khó nghĩ quá đi mất !



Từ trước tới nay, trẻ con đều giao cho người nhà, đầy-tớ trông-nom. Mỗi khi, đứa nào quấy, khóc, đều gọi vú bố bế đi. Bởi vậy, không bao giờ người lớn bị trẻ con quấy-nhiều. Lúc này, trên con

đường di-cư, không có đầy tớ, hai bà, bà Cả và bà Hai phải tự tay chần-dắt lũ trẻ, thành-thử khi ra đi hai bà bận toàn quần áo sang, đẹp, nay nó trở nên nhàu, nát, lấm-lem hết, nên trông hai bà có vẻ tiều-tụy quá.

Tuy vậy, đến Ninh-Ba cũng được dễ-dàng, nhưng vừa chân ướt, chân ráo tới nơi, thì đứa con thứ hai của bà Cả, tên gọi Tiều-Bành, sinh bệnh.

Thằng Tiều-Bành sốt dữ, da nó cứ nóng như than hồng. Phải lập-tức mời ông lang, ông lang bảo nó lên sởi.

Thế là một vấn - đề nan - giải đã lại phát-sinh : cả nhà phải tạm-thời lưu lại Ninh-Ba, hay cứ việc đem thằng nhỏ đương bị bệnh đó đi Thượng-Hải, hoặc để nó với bà Cả ở lại đây ?

Cụ ông với chú Ba chủ-trương cả nhà hãy đình-lưu ở Ninh-Ba, vì cho có lên ngay Thượng-Hải, chẳng qua cũng chỉ là ở đó, nhĩ-dĩ.

Cụ bà và bà Cả chủ-trương cứ đi Thượng-Hải, vì bệnh sởi là một chứng-bệnh rất xoàng của con trẻ, con trẻ đứa nào chẳng bị một lần.

Bà Hai thì chủ-trương bà Cả và hai cậu con bà hãy tạm đình lại Ninh-Ba, đợi cho Tiều-Bành lành mạnh rồi sẽ đi. Như vậy, tất nhiên phải có một người đàn-ông cùng ở lại, để săn-sóc ba mẹ con bà.

Ba cái ý-kiến đó đều có lý-do chánh-đáng, nên sự bàn-cãi không thể nào không nổi lên. Lâm tiên-sinh nhận thấy sự tranh-chấp rất khó điều-hòa, nên ông lại góp thêm ý-kiến của ông. Ông nói :

— Cứ xin theo như ý tôi, những ngày đầu tiên tới Thượng-Hải, tất phải ở lữ-quán, như vậy, tốt hơn hết là để tôi đi Thượng-Hải trước, tôi tìm phòng trọ hẳn hoi, rồi tôi trở về đây đón cả nhà ;

trong khi đó, Tiều Bành đã hết sởi, có phải ổn-tiền biết bao không !

Bà Hai vội nói : « Chính thế mới phải ». Bà cương quyết bỏ cái chủ-trương lúc nãy của bà, và bà nói tiếp : « Vâng, cậu em cùng đi với cậu, để đi tìm và thuê phòng cho chóng vánh ».

Cụ bà liền bảo : « Ừ ừ, thế còn Tổ-nhất, Tổ-nhị, Tổ-tam, thì làm thế nào ? Ai trông coi chúng nó, kia chứ ? ».

Tổ-nhất, Tổ-nhị và Tổ-tam là ba cô con gái của bà Hai. Cụ bà lại nêu lên cái vấn-đề mà trước đây, cụ đã từng nêu ra, khi cả nhà còn ở Hàng-Châu.

Bà Hai đáp : « Thưa má có lẽ tự-nhiên là con phải đem chúng nó cùng đi với con chứ ». Bà lại tìm ra được một cơ rất chính-đáng : « Với lại, ba đứa cháu nhà con, chưa đứa nào lên sởi cả, nếu để chúng nó ở chung với Tiều-Bành, thì thế nào chúng nó cũng sẽ bị lây chứ chẳng không ».

Cụ bà lại bảo : « Ừ, như thế là năm người đi trước, vậy, ở đây lấy ai là người trông-nom cho cả nhà... Cứ như ý tôi, cả nhà cứ cùng đi tất cả, chỉ lưu lại ở đây một người, để coi sóc thằng nhỏ, rồi sau hãy đi, thì có phần tiện hơn ».

Bà Hai thấy Cụ bà có một ý-kiến đi đôi với chủ-trương của bà, nên bà vội nói : « Thưa, đúng như thế, đấy ạ ».

Nhưng ai là người ở lại, mới được chứ ? Cụ ông ? không được. Những như để cụ trông cháu, còn không ổn, nữa là lại để cụ trông coi một đứa cháu đương lên sởi. Cụ bà ư ? Việc ấy cũng không thể được. Lâm tiên-sinh thì phải đi ngay Thượng-Hải để liệu-lý các việc. Chứ Tư thì còn trẻ người, non dạ, lại là con trai lộc-ngộc, giữ cháu sao được. Bàn đi, tính lại mãi, chỉ còn có chú Ba, nhưng chú Ba không vng ở lại. Cậu nói :

— Chết, chết ! Một mình tôi ở lại, trách-nhiệm quá nặng-nề tôi đương sao nổi, kia chứ !

Bà Cả, ý cũng không muốn ở lại Ninh-Ba. Bà nói :

— Thưa, việc gì phải lẩn-phiền đến thế, kia ạ... Tuy cháu nó lên sởi, nhưng đi thuyền thì cũng chẳng sao, chỉ tôi phải vất-vả thêm một đôi chút, tôi chịu được, không sao ạ.

Cả nhà đều nhận thấy rõ, không có cách nào tiện cả, nên sau quyết-dịnh là cùng đi cả một lượt. Như vậy, cả mười hai con người, vừa lớn, vừa nhỏ, vừa già, vừa trẻ, đều ngồi thuyền đi Ôn-Châu, một phủ-lỵ của tỉnh Triết-Giang, nay là huyện Vĩnh-gia.

Năm hôm sau, vừa hừng sáng thì đến nơi. Lẽ tự-nhiên, họ phải tìm lữ-quán để trọ. Họ thuê được hai gian buồng ở lữ-quán Đại-Đông. Gần nay, người ta kéo đến Thượng-Hải như nước lũ ; ở Đại-Đông chỉ còn có mỗi hai buồng cho thuê thôi.

Tiểu-Bành cũng đã đỡ nhiều, chỉ có bà Cả là gầy sút hẳn người đi.

Với hai gian buồng này thì ở ra làm sao bây giờ ?

Tốt hơn hết là xếp cho cụ bà và hai bà cùng lũ trẻ, cả thầy tám con người, ở hẳn một phòng ; còn bốn người đàn-ông, con trai, ở một phòng. Nhưng khổn một nỗi, lại sợ lũ trẻ con nhà bà Hai lây sởi, nên không thể để chúng ở chung buồng với hai thằng con bà Cả được.

Thiệt là rầy-rà ! sự bất-dồng ý-kiến lại nổi lên. Sự bàn-cãi lại kéo dài ngót một giờ đồng-hồ mới quyết-dịnh được như vậy : Cụ ông, Cụ bà cùng bà Cả và hai thằng con của bà, ở riêng một phòng, còn dư ra bao nhiêu, đều ở chung vào cái buồng thứ hai. Rút-cực, cả nhà đều bắt-mãn.

Sự phân-nân cứ nhao-nhao lên, nhưng sau Lâm tiên-sinh phải an-ủi họ rằng : « Cả nhà mình đi lánh nạn, chỉ cốt làm sao ở quây-quần, xum-hợp được với nhau một nơi là tốt lắm rồi... Và lại, đây chỉ là tạm thời thôi, đề rồi ta phải đi tìm nhà mà thuê, lúc ấy ta sẽ được ở rộng rãi hơn... »

Thế rồi, ông Hai, bà Hai và chú Ba, ba người chia nhau ra, mỗi người mỗi ngả đi tìm nhà.

Chú Tư và Cụ ông cùng đi với Cụ bà, Đại-Bành và Tổ-nhất, Tổ-nhị, Tổ-tam đi xem « Công-Ty ». Công-ty đây là những nhà hàng lớn, bán đủ các thứ thượng vàng hạ cám, không thiếu một thứ gì, dân-loại nó cũng kiểu như nhà Gô-Đa ở Hà-Nội, hãng Sạc-Ne, hoặc hiệu Viễn-Đông ở Sài-Thành vậy.

Công-ty lại vào hồi đương bán « đại giảm-giá ». Thôi thì, đủ các thứ vải hoa, lụa, nhiều vóc đủ các màu rực-rỡ. Ngoài ra lại còn có bao nhiêu hàng ngoại-quốc mới sang : vải hoa chỉ có hai « dắc » một thước, lụa hoa cũng chỉ có hai dắc rưỡi một thước, vải hoa in, mười thước có mỗi một đồng. Cụ bà luôn miệng nói rẻ quá, tiện dùng quá, ai lại ở Hàng-Châu, cái thứ vải kêu là vải « ái-quốc », mà cũng phải hơn một dắc một thước, kia mà ! Hàng đã rẻ thối ra, mà lại đẹp vô cùng, mới chết chứ ! Bởi vậy, Cụ bà nhà ta không khỏi không nghĩ tới cái lũ cháu gái ngoại của cụ ở Vân-Nam, cái lũ cháu trai của cụ ở Tứ-Xuyên, rồi cụ nghĩ tới các bà con thân-thích ở các nơi, các xứ, ở mãi góc bể, chân trời nào ấy, cụ trạnh-lòng nghĩ tới con cháu họ-hàng nên cụ muốn mua những thứ vải, lụa, vừa đẹp, vừa rẻ này, để cụ làm quà cho mỗi người ít thước. Và cụ ít khi đi đâu, cụ ít khi có dịp mua bán thứ này, thứ kia, để làm quà, làm cáp ; nay nhân có dịp, cụ không

thề không mua sắm một ít vải lụa, để dành đó, để biếu-xén, cũng hay. Cụ nghĩ như vậy, nên trong lòng cụ rào-rạt những mối hảo-tâm, cụ mua hết thức này tới thức khác, nhà hàng đưa giao cụ hết gói này đến gói khác. Phải, này nhá, cụ mua đề riêng cho cụ dùng này; cụ mua cho con gái cụ này; cụ mua cho cháu nội này; cụ mua cho cháu ngoại này; cụ mua cho thằng chú Tư này; cụ mua một thôi, cho năm thằng cháu họ gần và năm đứa cháu gái họ xa.

Cụ ông thấy cụ bà mua hàng một cách rất hăng-hái, cụ cũng bị lây, nên cụ cũng thấy muốn mua một hai thứ cho cụ. Mới lại, ở trong hăng, người ra, kẻ vào, lũ lượt, tấp-nập, họ ăn bận rất sang trọng, lịch-sự; cả nhà trông người, rồi ngắm đến ta, cả nhà thấy quần áo của mình có vẻ quê mùa, cục-kịch thế nào ấy, bởi thế, cả nhà lại càng thấy cái mức muốn mua sắm, cứ thế, tăng-gia lên vùn-vụt, mà không còn nghĩ gì tới cái túi tiền có hạn của nhà mình nữa.

Khi cả bốn người lớn đã mua đủ thứ, bao nọ, gói kia, mà lũ trẻ con vẫn tay không hoàn tay không; chúng thấy bánh kẹo, chúng đòi bánh kẹo; thấy trái cây, đòi trái cây, thấy đồ chơi, đòi đồ chơi, chúng sà vào đầu, là cứ nằng-nặng đòi mua cho kỳ được mới nghe; thiệt là rầy! Chẳng lẽ người lớn mua sắm đủ thứ, mà lại không mua cái gì cho đàn trẻ. Thứ nhất, lại có cả cụ tò-mẫu đấy, đòi nào cụ lại bỏ lỡ cơ-hội chiều các cháu. Bởi vậy, cả nhà, tay sách sách mang, hớn-hở trở về quán-trọ.

Đến chiều tối, Lâm nên-sinh mang cả một dĩa-diệu phở-phạc, mệt-mỏi trở về. Ông ngồi phịch xuống ghế sofa, thở một cái thở dài, dài thườn-thượt.

Cụ bà sách một lũ gói ra, vừa mở, vừa

nói: "Này, cậu Hai này, tuy vụn vặt thật đấy, nhưng không biết làm sao mà cái gì, đây cũng đẹp, cũng tiện dùng mà lại rẻ ôi, rẻ thối ra, rẻ một cách không thể tưởng-tượng được! Cậu xem, mấy thước vải này, mẹ mua cho lũ cháu lớn, mấy thước này cho lũ cháu nhỏ, cậu xem đẹp không, hoa đã đẹp, màu lại tươi, mà sợi cứ nhỏ mắt đi và rất săn, rất óng nhá, mà rẻ chứ, chỉ rẻ như cái thứ vải nội-hóa ở trên quê thôi!.. Còn mấy thước này, mẹ mua đề may áo cộc cho mẹ, con xem có tốt không?". Cụ bà, mồm nói, tay dỡ, hết gói này tới gói khác.

Ông Hai thấy mẹ vui vẻ thì không nỡ làm phật ý mẹ, nhưng khốn một nỗi, ông giữ tiền, mà với cái số tiền vài vạn bạc và cái số mười hai con người, ở cái đất Thượng-Hải này, cái đất gạo châu, củi quế, thì liệu cầm-hơi, sống được bao nhiêu ngày? Ông rút một điều thuốc ra hút, ông nói:

— Thừa mẹ, nhà ta còn ở mãi mãi ở đây, thì lúc nào mẹ mua những thứ đó chẳng được, việc gì mà mẹ vội-vả thế?

Tuy cụ bà cũng nhận ngay ra lời nói của ông con cụ rất đúng, nhưng cụ cũng cố bào chữa:

— Đã hay thế, nhưng vừa vừa may mình gặp cái dịp họ bán « đại giảm giá » mà!

— Trời ơi! rồi mẹ sẽ rồ, ở Thượng-hải này, ngày nào là ngày họ chẳng bán đại-giảm-giá, với đại-hạ-giá, kia chứ!

Cụ ông đương ngồi uống nước chè, cụ thấy ông con cụ có vẻ không được cao-hứng cho lắm, cụ bà lại không bào-chữa nổi cái việc hoang-phí vừa rồi, mà ở trong đó, có cả cụ nữa, nên cụ tìm cách để

truyền-hương cho câu chuyện. Cụ liền hỏi ông Hai :

— À, thế nào, con ? Con đã tìm được nhà chưa đấy, hờ con ?

— Thưa, nhà thì có đấy, con đã tìm được đến mười nơi, khả dĩ ở được, nhưng chỗ nào, họ cũng đòi tiền « sang » ; sang, phải trả trên một ngàn đồng tiền đinh-phí.

— Những trên một ngàn đinh - phí, kia à ?

— Thưa ba, ấy thế mà có bao nhiêu người còn chưa thuê được nhà, kia đấy...

Tổ-nhất và Tổ-nhị đương chơi một chiếc xe hơi con, làm ầm lên và làm đứt đoạn hẳn câu chuyện đương nói dở của Lâm tiên-sinh.

Đâu Tổ-Nhất ăn cướp cái xe hơi của Tổ-Nhị, nên Tổ-Nhị gào lên khóc.

Cụ bà liền giăng lấy chiếc xe hơi ở tay Tổ-Nhất, cụ đưa trả lại cho Tổ-Nhị, và cụ mắng Tổ-Nhất :

— Thế cái tàu của mày đâu, mày không chơi, lại đi lấy xe hơi của nó ?

Tổ-Nhất bị bà mắng, lại òa lên khóc.

Lâm tiên-sinh, nhin không nổi, ông nói :

— Rõ khờ, mua những thứ đó cho nó, đã phí cả tiền, lại làm cái mồi cho chúng nó tranh nhau, làm ầm-ỹ cả lên, thiệt là phiền !

Cụ bà vừa chực nói thì có người ở cửa bước vào. Bà Hai đã về ! Tay bà ôm một cái gói to-tướng. Vừa bước vào, bà nói bô-bô :

— A, thưa mẹ, con đã mua hầu mẹ một chiếc áo cộc, đấy ạ...

Bà đã rấp tâm mua "hầu" cụ bà chiếc áo cách đó để cụ khỏi rầy la bà, vì bà đã mua rất nhiều thứ cho riêng bà. Nhưng cái điều mà bà không ngờ tới, là bà đã bị chính ông chồng bà rầy la bà. Cụ bà

chưa kịp nói gì, thì ông Hai với một vẻ mặt nhọc mệt, chán ngán hỏi bà :

— Ở kia, mợ bảo mợ đi tìm nhà kia mà, sao lại hóa ra là đi mua sắm là thế nào, kia chứ ? Cái việc cần nhất hiện thời là đi tìm nhà, mà !

Bà xằng giọng đáp : « Úi chà ! Nhà, nhà, nói tới nhà, tôi đã tìm suốt cả một nửa ngày trời, không có một nơi nào mà họ không đòi tiền sang, tiền sang cả ngàn đồng chứ không kém... Thiệt tình, cứ có nhà cho thuê lại thôi cũng phát tài chán ; ngay một căn phòng đem chia đôi ra, cho thuê lại, cũng đắt ghê người lên, chứ đừng nói cả gian nhà... ». Bà bồng ngời xuống, rồi nói tiếp : « Đấy, cậu xem dạo trước, em đã bảo, đi, thì đi sớm đi, có phải thế nào chẳng thuê được hẳn một ngôi nhà thực tươm, thế rồi, bây giờ, ngất ra nhiều buồng, mà cho thuê lại, có phải lúc này, mình vừa có nhà ở, vừa không mất tiền thuê nhà, lại vừa thu được tiền cho thuê lại là đáng khác nữa... Đến bây giờ thì phải bỏ tiền ra sang, không thế nào thuê nổi nhà mà ở ». Bà nói xong, đặc-ý rằng mình nói rất đúng lý, bà liền đếm sự đặc-sách của bà bằng một cái thở dài.

Ông Hai đương uống chè, ông định tiếp lời của bà Hai để tỏ-bày một ý-kiến gì đó, thì Chú Ba ở đâu về, cậu vừa cười, vừa nói với Cụ bà : « Thưa mẹ, tối nay, cả nhà đi coi hát bội, mẹ ạ... Thế thì phải ăn cơm sớm-sớm một tí, kéo lỡ giờ ! ».

Ông Hai hỏi cậu : « À, Ba, nhà cửa ra sao ? Có tìm được chỗ nào không ? ».

— A, thưa anh, nhà ấy ạ ? nhà thì có đấy, nhưng phải trả tiền sang, em đã nhờ mấy người quen tìm giùm, họ có hứa đề thùng - thẳng, họ lưu - tâm họ kiếm cho... ». Quả thiệt, chú Ba đến cái đất Thượng-Hải, không khác gì như

Cá gặp nước, rồng gặp mây vậy. Cậu vui-vẻ nói tiếp : « Tối nay, họ diễn bản tuồng pho, hay lắm, không nên bỏ qua, vì vậy, tôi đã phải đi lấy vé sẵn-sàng đây cả rồi ».

Bà Hai ngắt lời cậu hỏi : « Họ diễn bản tuồng gì hả chú ? Tuồng gì ? ».

— Em « chả » nói trước, nhưng một vở rất « cup », chị cứ đi coi, chị sẽ rõ.

Cụ Bà bảo : « Thôi thế, cả nhà đi ăn cơm đi, mau lên, bây giờ đã bảy giờ rồi, còn gì nữa ! ».

Chú Ba lại nói : « Ta đi ăn ở đâu nhỉ ? Cả nhà thích Kinh-Thái quán hay Quảng-Đông quán ? ».

Bà Cả hỏi : « Thưa, ở ngay lữ-quán này cũng có bán cơm kia mà, sao lại không ở ngay nhà, họ đem cơm lên, có tiện không ạ ? ».

Bà Hai nói : « Ăn ở đây có ra cái quái gì đâu, mà cũng đắt chứ có rẻ gì cho nó cam... Thôi, bữa nay, ta hãy ăn thử ở Kinh-Thái quán, sáng mai, ta hãy đi nếm cơm của Quảng-Đông quán ».

Như vậy, trừ có bà Cả còn phải săn-sóc Tiểu-Bành, bà cho gọi cái gì xì-xăng

ở ngay lữ-quán, ăn cho qua bữa, còn cả nhà, vui-vui về-về, cười-cười, nói-nói, kéo nhau đi ăn hiệu.

(Còn nữa)

BÁCH-KHOA GIỚI-THIỆU SÁCH BÁO MỚI

★ Chúng tôi được tin đồng-nghệp **CÁI-TIẾN** do bà Nguyễn-thị-Thọ làm chủ-nhiệm, đã ấn-định phát-hành loại mới vào ngày 20-3-1957.

Dưới thẻ tài Tuyên-Tập Văn-Nghệ hàng tuần, với bộ biên tập : Glán-Chí, Thanh-Hữu, Hồ-Nam, Đông-Xuyến, Mai-Tâm, Quốc-Phong, Văn-Sơn — những văn-hữu quen biết, **BÁCH-KHOA** hy-vọng đồng-nghệp **CÁI-TIẾN** sẽ trường-cửu và mạnh tiến trên đường phục-vụ văn-nghệ.

Trân-trọng giới-thiệu với các bạn đọc-giả.

★ Chúng tôi vừa nhận được cuốn « Chữ tình » của bạn Võ-Phiến, một nhà văn quen thuộc gửi tặng.

« Chữ tình » do nhà Bình-Minh xuất-bản, là một tập truyện ngắn chọn-lọc gồm có : « Chữ tình », « Những tác-phẩm sắp in », « Trong một góc phòng », « Cái mũ chào-mào ».

BÁCH-KHOA xin cảm ơn bạn Võ-Phiến và trân-trọng giới-thiệu cùng các bạn đọc.

BÁCH-KHOA

■ Cái « ngu » của ông Ninh-Võ-Tử.

Ông Ninh-Võ-Tử làm quan Đại-phu nước Vê. Theo truyện Xuân-thu, ông thờ hai đời vua ở nước Vê : vua Văn-công và vua Thành-công. Vua Văn-công trị nước giỏi, mọi nơi đều được an-ninh trật-tự, nên ông Võ-tử vẫn làm quan như thường. Người đời bấy giờ cho ông là « trí ». Đến đời vua Thành-công, vua trị nước kém, đến nỗi đề mất ngôi. Ông Võ-tử tận-tâm kiệt-lực, không quản nguy-nan, quyết chí đi vận-động khắp nơi để giúp vua cứu nước. Việc người ta không ai dám làm mà ông chịu đảm-đương lấy, bọn trí-thức bấy giờ cho ông là « ngu ».

Không-tử nghe nói, khen ông rằng :

« Khi nước yên-ôn, ông Ninh-Võ-Tử là người trí. Khi nước loạn-lạc, ông là người ngu. Cái « trí » của ông, người ta có thể theo kịp. Đến cái « ngu » của ông, chưa dễ đã ai theo nổi, »

« BÁCH-KHOA ĐỌC THAY CÁC BẠN »

Thống-hệ và phương-pháp trong Nho-giáo

Nho-giáo có phải là một học-thuyết có thống-hệ và có phương-pháp hẳn-hoi không ? Hiện nay một số đông trong chúng ta vì bị ảnh-hưởng Tây học cho nên mỗi lần nghe nói đến những học-thuyết Đông-phương là đã thấy chán-nản, có cái gì rườm-rà, dù có thiện-ý đến đâu đi nữa cũng khó lòng mà lĩnh-hội, thấu-triệt được cái hay của những học-thuyết đó. Nguyên-do chính có lẽ tại chúng ta mang lý-trí để suy-luận, trong lúc những người theo Nho-học dùng trực-giác để lĩnh-hội tư-tưởng của người làm sách.

BÁCH-KHOA trích đăng dưới đây những nhận-xét của Ông Trần-Trọng-Kim trong cuốn Nho-giáo về hai cách lĩnh-hội, một bên dùng trực-giác và một bên dùng luận-lý để hiểu một đoạn văn hay, thường-thức một nền thơ, nét vẽ.

NHO-GIÁO là một học-thuyết có thống-hệ và có phương-pháp. Cái thống-hệ của Nho-giáo là theo cái chủ-nghĩa thiên-địa vạn-vật nhất-thể và cái phương-pháp của Nho-giáo thường dùng là phương-pháp chứng-luận, lấy thiên-lý lưu-hành làm căn-bản. Nhưng phải biết rằng cái học-thuật của ta thường hay chú-trọng ở lối dùng trực-giác. Sự tư-tưởng trong học-thuyết cũng như là phương-pháp trong mỹ-thuật, phải dùng trực-giác mà xem cả toàn-thể, thì mới thấy cái tinh-thần. Nếu dùng lý-trí mà suy-xét từng bộ-phận một, thì thường không thấy rõ gì cả. Thí-dụ xem những bức hội-họa của Tàu, nếu lấy trực-giác mà xem, thì thấy có nhiều vẻ thần-diệu lắm, nhưng nếu lấy cái lý-trí mà suy-xét, thì không ra thế nào cả. Vì rằng cái vẽ của Tàu chủ lấy cái đẹp, cái khéo ở tinh-tiền, chứ không cốt ở cái chân bề ngoài. Có khi đối với cái hình-thức thì không được đúng lắm, nhưng đối với cái tinh-thần cả toàn-thể, thì thật là tinh-xảo vô cùng. Về đờng học-văn cũng vậy, phần thì người Tàu thường hay theo trực-giác mà tư-tưởng, rồi rút các ý-tứ vào mấy câu tổng-yếu rất văn-tắt để làm cốt, thành ra khi đọc những câu ấy phải lấy ý mà hiểu ra ngoài văn-từ mới rõ được hết các lẽ ; phần thì lối chữ

độc-âm, tượng-hình, tượng-ý của Tàu khó, khiến cách lập-ngôn theo đúng được những sự vận-động của cái tư-tưởng, và bộc-bạch được hết các ý-tứ. Cũng bởi thế, cho nên mới nói rằng : bắt dĩ từ hại ý, nghĩa là xem sách phải lấy ý mà lĩnh-hội cho rõ cái tư-tưởng của người làm sách, chứ không nệ ở văn-tự mà bỏ sót ý. Lối Tây-học thì không thế, nhất nhất là phải theo lý-trí mà suy-luận, lần theo sự-lý nọ sang sự-lý kia, liên-tiếp dặt-diu nhau. Cách lập-ngôn lại sáng rõ, là nhờ lối văn rất tinh-tế, dễ khiến, lời với ý, lúc nào cũng theo sát nhau được, bao nhiêu sự vận-động của tư-tưởng cũng có thể tả rõ ra được phân-minh hết cả. Bởi thế cho nên những người đã quen lối Tây-học, xem sách Hán-tự, cho những học-thuyết của Tàu không có phương-pháp. Đó là bởi không hiểu rõ cái lối học của người Tàu, chủ ở sự phải suy-nghĩ mà hiểu, phải lấy ý mà hội, chứ không chủ ở sự theo lý-trí mà suy-luận và phụ-diễn hết cả ra ở văn-từ. Kỳ-thực thì cái tư-tưởng của người Tàu vẫn có phương-pháp, nhưng cái phương-pháp ấy chỉ cốt ở trong tinh-thần cả toàn-thể, chứ không ở cái hình-thức từng bộ-phận có thể phân-tích ra được như lối văn-từ của Tây. Vậy muốn tìm cái phương-pháp của Nho-giáo, phải dùng trực-giác mà xem, phải lấy ý mà hội, thì thấy rõ cái mối liên-lạc trong các đoạn tư-tưởng, tuy về phần hình-thức thì lỏng-lẻo, rời-rạc, nhưng về phần tinh-thần thì suốt từ đầu đến cuối chỉ là một mà thôi.

Trích trong « Nho-giáo » của TRẦN-TRỌNG-KIM



Anh-hùng vô-danh

NƯỚC không phải là nước của một hai người, mà là nước của nghìn muôn người vậy. Việc nước không phải việc của một hai người mà là việc của nghìn muôn người vậy. Lấy hết người của một nước trị việc của một nước, thì việc thế nào cũng trị được. Nếu muốn lấy một hai người mà trị hết việc của một nước thì nghìn muôn người còn lại đều bỏ mà đi, hoặc tòng theo mà ngăn trở phá hại. Dẫu là thánh-hiền cũng chưa có thể trị được. Ở đời, có người ước mong sự cai-trị tốt, xin đừng ước mong ở một hai người, mà ở nghìn muôn người ; thực-thà mà nói tức đừng mong ở người mà mong ở mình vậy. Đừng nói : « Tôi không thể là anh-hùng được ». Ta dẫu chẳng được là anh-hùng hữu-danh, chưa chắc chẳng được là anh-hùng vô-danh ? Thiên-hạ ai nấy đều là anh-hùng vô-danh, thì anh-hùng hữu-danh chính ở đó mà xuất-hiện ra vậy.

« Thuyết vô danh chỉ anh hùng » của LƯƠNG-KHÁI-SIÊU

Trích trong « Hán-văn tự học » của NGUYỄN-VĂN-BA



«NÓI CÓ SÁCH, MÁCH CÓ CHÚ'NG»

— 1) Chữ « NHO » nghĩa là gì, tại sao lại kêu bằng « nho » (trong nho-giáo, nho-gia) ?

— 2) Rút ruột tằm là gì ? tại sao văn-sĩ, thi-sĩ hay dùng thành-ngữ « rút ruột tằm » để chỉ mình ?

Cô Kim-Cúc (Vĩnh-Long)

1.— **N**GUUYÊN nghĩa lớn lắm, chữ *nho* lớn lắm một bên chữ *nhân* (人) là người, một bên chữ *nhu* (需) là cần, nghĩa là cái mà người ta ở đời, ai cũng cần phải có. Sách *Pháp-ngôn* có câu « *Thông thiên địa nhân viết nho* », nghĩa là người thông suốt cả thiên-văn địa-lý, nhân-sự mới gọi là *nho*.

2.— *Rút ruột tằm* là do chữ *tâm-tâm* mà ra. Văn-sĩ hay thi-sĩ có bao nhiêu gan ruột nhả hết cho đời, đến chết mới thôi, như con tằm đến chết hấy còn vương tơ. Đường-thi có câu : *Xuân tâm chí tử thượng trưu tỹ*.



— Quốc-thư là gì ? Bạch-thư là gì ?

Cô Võ thị-Thanh (Ban-mê-Thuột)

1.— **Q**UỐC-thư là văn-thư đi lại giữa các nước về việc giao-dịch quốc-tế. Những khi mới lập tông-thống hoặc cử công-sứ đi phó-nhậm đều do chính-phủ bản-quốc làm quốc-thư đưa cho các nước bạn, theo lối

ngoại-giao chính-thức. Các quốc-thư đều do trú-sứ đệ-trình ; khi nào đặc-cử chuyên-sứ đi thì do chuyên-sứ đệ-trình.

2) Bạch-thư là văn-kiện công-bố chính-thức của Mỹ, Đức, Nhật và văn-thư ngoại-giao của Anh đều đóng bìa trắng, nên gọi bạch-thư. Mỹ vừa công-bố cuốn bạch-thư về việc Cao-ly.



— Người mắc bệnh lao ở núi có tốt không ? Nói chung núi đối với bệnh lao thế nào ?

Bạn Thanh-Tuyền — (Dalat)

TRÊN cao từ 800 thước đến 1800 thước, ta mới có gió núi dùng cho người bệnh. Ở đó, gió ít mạnh : trời mát và lạnh làm cho cơ-thể hưng-phấn (stimuler), bộ máy tiêu-hóa điều-hòa. Huyết-sắc-tố (hémoglobine) trong máu dặng nhiều hơn, hồng-huyết-cầu (hematies) của máu từ trên 4 triệu có thể lên tới 7 triệu : vì vậy nhiều người ở núi da mặt tươi thắm, thịt săn, coi khỏe lắm.

Trên núi, khí trời thật trong sạch, ít vi-trùng, ít bụi-bặm, ít ẩm-thấp lại có nhiều tia sáng cực-tím của mặt trời (rayons ultra-violets).

Tuy-nhiên, cũng thì núi mà chỗ này tốt hơn chỗ nọ. Trong Nam, người bệnh thường hay đi Dalat, những chỗ ấy thành một

phần-hoa đô-hội. Mà chỗ người tới lui tập-nập không phải là chỗ dưỡng-bệnh tốt.

Hồi đầu thế-kỷ 19, hai bác-sĩ Đức Hufeland và Schonlein đã đề ý thấy rằng phần đông người ở núi ít bị phế-lao.

Gió núi rất tốt cho con nít, cho những người còn trẻ vì họ có đủ sức chịu đựng với sự kích-thích của khí trời. Gió núi lại rất tốt cho những người đau màng phổi (pleurésie) vừa mạnh và người mới bị lao. Họ thấy nhiệt-độ máu xuống, hết mồ-hôi và mau lên cân.

Phần đông người bị lao đều hưởng gió núi được, nhưng khi vừa lên núi họ phải nghỉ ngơi, phải ít vận-động trong vòng mười bữa cho cơ-thể quen với khí-hậu mới. Đây là một điều mà ít ai biết, ít ai đề ý tới.

Nhưng không phải người bệnh nào cũng chịu nổi gió núi.

Nhờ một vật, người bệnh có thể biết được cơ-thể mình có chịu gió núi hay không : ấy là cái cân. Khi mới lên núi, người bệnh phải cân coi nặng bao nhiêu. Ban đầu, vì cơ-thể bị kích-thích, nhiều người ốm hơn một chút, rồi lần-lần mập lại : người trẻ và mạnh chừng nào thì càng thấy mau lên cân chừng ấy. Nếu ăn uống được mà sau mười lăm ngày cân thấy ốm thêm thì biết là cơ-thể không chịu khí-hậu ấy được, tất-nhiên không nên ở trên núi nữa.

(Tài liệu trong : « Bệnh ho lao »
của Bác-sĩ Lê-văn-Ngôn).



— Lấy điện vào ác-quy thế nào thì đúng cách. Xin chỉ-dẫn cho cách duy-trì điện ác-quy.

Trần-văn-Ba — (Saigon)

1. — LẤY điện vào vào ác-quy.

Ta nối ác-quy với với một máy phát-

điện một chiều để máy đó có thể cho một giòong điện qua ác-quy. Giòong điện không được mạnh quá vì nó sẽ làm cong và vỡ tấm ác-quy ; thường-thường cường-độ giòong điện lúc lấy điện vào ác-quy không được quá 1,10 điện-dung của ác-quy, nghĩa là ác-quy có điện-dung 60 ampe-giờ, ác-quy chỉ chịu được một cường-độ bằng 6 ampe lúc lấy điện ; nếu cường-độ nhỏ hơn thì càng hay.

Lúc lấy điện, sức phát-điện ác-quy tới ngay 2 vôn rồi dần-dần tăng lên đến 2v, 1 hay 2v, 2 và giữ giá đó mãi nếu tấm dương vẫn còn chất để oxy-hóa và tấm âm còn chất để khử oxy. Khi nào oxy và hýt-rô không làm oxy-hóa và khử oxy nữa thì oxy và hýt-rô bốc lên, ra ngoài dung-dịch $\text{SO}_4 \text{H}_2$. Lúc đó, ác-quy đã lấy đủ điện, nếu lấy điện nữa, điện đó chỉ phân-tích nước ra thôi. Dung-dịch $\text{SO}_4 \text{H}_2$ lúc đó có 25° độ Baumé.

2. — CÁCH duy-trì ác-quy.

Ác-quy để vào nơi khô, trên gỗ sơn hắc ín, hay trên một vật cách-điện (thủy-tinh, sứ) để trừ giòong điện xảy ra khi các thành ác-quy ẩm. Tấm chì phải ngâm hẳn vào dung-dịch acit ; nếu mực nước kém, ta phải cho thêm nước hơi, hay nước mưa. Trên mặt ác-quy, ta để một từng pa-ra-fin để nước acit khỏi nổi cực nọ qua cực kia. Một ác-quy không dùng đến phải lấy đầy điện, và nếu người ta không dùng đến thì phải thay dung-dịch $\text{SO}_4 \text{H}_2$ bằng nước hơi.

(Tài-liệu trong sách « Điện »
của Bùi-phương-Chi.)



— Trong chuyện Kiều có câu : « Nàng rằng : « Trộm liếc dung quang ». Sao lại trộm liếc ? Liếc trộm phải có ý gian, cứ

việc đường-hoàng nhìn thẳng, việc gì phải
trộm liếc với liếc trộm ?

Bạn Từ-Hồ — Nha-Trang

TRƯỚC hết, xin đừng lẫn trộm liếc với
liếc trộm. « Trộm liếc » đó là cách nói
đặc-biệt của người Việt-Nam cho cách
nhìn thẳng vào mặt ai, nhìn trừng trừng,
là vô-lẽ. Nàng Kiều nói « trộm liếc » là
có ý nói : tôi thoáng nhìn, nhác nhìn chàng
thì biết ngay chàng là hạng người nào rồi.
Trộm liếc, vừa có ý nói khiêm, mà có vẻ
kín đáo, e-lẹ, rất dễ thương, chứ sao lại
có thể cho là ý gian. Liếc trộm, nhìn trộm,
nghe trộm, mới có ý gian.



— Tôi bị bệnh đau tim vì căng mạch máu.
Xin chỉ-dẫn cho cách-thức giữ-gìn vệ-sinh
riêng cho những người bị bệnh như tôi
(có lẽ hiện nay không phải ít).

Ông Nguyễn-văn Bốn — Phú-nhuận — Saigon

VỀ lời khuyên về vệ-sinh cho những
người bị đau tim vì căng mạch máu, chúng
tôi thấy không có lời nào bổ-ích bằng bức
thư của Bác-sĩ Charles Miner Cooper, do
Bác-sĩ Trần-ngọc-Ninh dịch :

« Ông B thân mến,

Ông đã lại người hẳn sau cơn đau tim
mới rồi, đó là một điều chắc chắn. Lẽ
ra ông phải nghe cái lời cảnh-cáo của cơn
đau ấy, và ông phải chọn lấy một cách
sống khác cho đỡ mệt hơn.

Nhưng ông vẫn cứ lên cân và vẫn ăn
uống theo sở-thích của ông ; ông vẫn cứ
tiếp-tục theo đuổi những công việc của ông
và hoạt-động không ngừng, làm suốt từ giờ
nọ sang giờ kia, nhiều khi dồn-dập các công
việc ; ông không chịu kìm-hãm những xúc-
động, nhiều khi quá mạnh và có khi lại dữ

hơn nữa. Vì thế ông bắt trái tim của ông
phải cố-gắng một cách quá đáng ; đó là
nguyên-cớ của ông thấy mệt nhọc, ngắn
hơi và của các triệu-chứng khó chịu khác.

Ông đã đi thăm nhiều thầy thuốc rồi, và
ông đã đặt cái hy-vọng cuối cùng của ông
vào tôi. Ông nghĩ rằng có lẽ tôi sẽ cho ông
một thứ thuốc gì đó để ông có thể cứ sống
như thế mãi mà không việc chi chắc ?
Nhưng tiếc thay, không thể được, vì
không có thuốc ấy. Nhưng tôi có thể chỉ
cho ông một cách sống rất tốt đối với ông,
ông có thể có một thời-gian nghỉ-ngơi hẳn,
về cả vật-chất lẫn tinh-thần và tình-cảm.

Trước hết ông phải cân-lại được bình-
thường, nghĩa là cân-lượng của ông phải
xứng-đáng với người ông, với tuổi ông.
Phải gầy bớt, nhưng phải gầy dần-dần
bằng cách ăn uống khác đi và tập thể-
thao mỗi ngày một ít (1) không được dùng
thuốc làm gầy. Trong mọi trường-hợp,
phải tránh dùng ăn no quá.

Phải giảm bớt sự hoạt-động bằng tay
chân nữa : đừng chạy theo tàu mà nhảy,
đừng trèo thang gác quá nhanh, đừng cho
xe vào chỗ quá chật-chội ; đừng bắt các
bếp-thịt phải làm việc đến lúc mỏi. Ăn
cơm xong, đừng làm gì cả để đến nỗi mệt
nhọc khó thở. Nếu thấy hơi ngắn, nếu
thấy ngực như bị bóp lại, thì nằm ngay và
nghỉ đi một lúc.

Còn điều này nữa : nếu có làm việc
bằng trí-não thì ông phải chọn những lúc
thảnh-thơi ; và nếu bắt đầu mệt thì phải
ngưng ngay. Như thế ông vẫn có thể làm
việc một cách hiệu-quả được.

Đời sống của người có bệnh ở tim phải
là một đời sống có khuôn. Chiu thu hẹp
đời sống của mình trong khuôn ấy (to nhỏ
tùy bệnh nhẹ hay nặng) thì có thể không

(1) Nếu thấy thuốc cho phép.

cả. Nhưng nếu bắt đầu vượt ra khỏi những giới-hạn của cái khuôn ấy thì sẽ thấy mệt bao giờ thấy một triệu-chứng gì khó chịu nhọc, nặng ngực ngay. Nếu sống một cách quá lệch-lạc, tức thì sẽ có những nguy-hiểm xảy ra, nhiều khi có thể chết người được.

Làm việc mệt nhọc là một điều tối-kỵ khi bị yếu tim. Một người có bệnh ở tim

không được chạy nhảy, leo thang, trèo núi, bơi thuyền, khuân-vác nặng hay đi xa. Làm việc quanh-quần trong nhà hay ở sở cũng được, nếu công việc không nặng nhọc lắm đối với bệnh-nhân ; những việc gì mà làm bệnh-nhân phải thở nhiều hơn, làm tim đập nhanh hơn thì phải bỏ. Nếu bị hơi mệt thì phải đi nghỉ ngay.

Trái tim bị bệnh cũng giống như một con ngựa quý bị ốm. Ngựa ốm mà vẫn bắt phi nước đại, bắt leo dốc, lội dèo, bắt kéo xe, tải đồ thì sẽ mất ngựa. Tim bị bệnh mà vẫn cố gắng làm việc theo nhịp sống tự-nhiên thì cũng sẽ gục : người có bệnh sẽ gặp những nguy-hiểm chết người.

Sự ăn uống cũng có ảnh-hưởng với công việc của tim. Ăn nhiều quá làm cho tim khó làm việc : ăn mau quá cũng không tốt cho tim đang có bệnh. Kết-quả của sự ăn nhiều quá, là người sẽ béo thêm và lên cân : nhưng cân tăng lên chừng nào thì tim lại phải làm việc hơn chừng ấy.

Ăn thiếu một vài chất cũng có kết-quả tai-hại khi tim đang bị bệnh. Nguy-hại nhất là sự thiếu sinh-tố B1 (thiamin), thiếu chất ấy, một cơn đau nặng có thể đột-phát và làm người ốm chết ngay nếu không kịp chữa.

Ông nên ghìm những xúc-dộng lại : không hiểu nếu ông biết rằng mỗi khi nổi giận, những mạch máu của bệnh-nhân lại càng tăng lên dữ-dội thì ông nghĩ sao ? Ông đoán cũng biết rằng như thế thì tim phải làm việc nhiều hơn lên và hại cho tim thế nào. Nhưng mà ông cứ dễ nổi nóng với tất cả những ai làm ông hơi bực mình một chút ; hãy thử khinh những cái ấy đi xem nào ? JOHN HUNTER, nhà giải-phẫu trứ-danh, người xứ Ê-cốt, cũng đồng bệnh với ông : ông ta thường nói rằng đời sống của ông ta là ở trong tay bất cứ một thằng xỏ lá nào nó định-tâm

Một cuộc tranh-luận về cách dạy Vạn-vật-học ở nước Việt-Nam sẽ tổ-chức ở Nha-Trang từ ngày 23 đến 25 tháng tư 1957

Nhận thấy rằng từ lâu, thề-thức dạy Vạn-vật-học ở xứ ta không hoàn-toàn thích-hợp với dân ta, Ủy-Ban Viện-Trợ Văn-Hóa Pháp tại Việt-Nam, cộng-tác với Viện Đại-Học sẽ đem vấn-đề ấy ra khảo-cứu. Vấn-đề nào quan-hệ sẽ được đem ra bàn cãi : mục-dịch, phương-pháp dạy và nhu-cầu dụng-cụ để dạy cũng là sự đào-tạo các giáo-sư

Ủy-Ban tổ-chức hân-hạnh mời các bạn nào có nhiệt-tâm về sự dạy Vạn-vật-học đến dự cuộc tranh-luận. Hoặc nếu không đến được, xin quý bạn có ý-kiến chỉ cứ cho Ban tổ-chức hay. Thư từ, các bạn gửi về :

— Mục-dịch và sự đào-tạo giáo-sư :
Ô. TRƯƠNG - VĂN - HUẤN, Hiệu-Trưởng trường Pétrus Ký, Saigon.

— Phương-pháp : Ô. PHẠM-HOÀNG-HỘ, Phó Giám-Đốc Hải-Học-Viện, Nha-trang.

— Nhu-cầu về dụng-cụ : Giáo-sư H. COSSERAT, Trường Trung-học Marie Curie, Saigon.

Tôi chắc chắn tất cả các ý-kiến của bạn sẽ có ích cho sự tiến-triển của nền văn-hóa khoa-học Việt-Nam. Nếu có thể xin bạn thảo bằng Pháp-văn (vì trong cuộc tranh-luận có giáo-sư Pháp) và cho biết quý-danh của bạn và của trường.

PHẠM-HOÀNG-HỘ

Thạc-sĩ Vạn-vật-học

Giảng-sư tại Đại-học-Đường, Saigon

Phó Giám-Đốc Hải-Học-Viện, Nha-trang.

trêu tức ông : nhưng mà đôi khi ông lại quên đi ; mà chính trong một lúc nổi nóng làm cho ông ta đã chết.

Khi nào gặp một việc ngang trái và ông đã thấy nóng mặt thì hãy bỏ tất cả đấy và ngã lưng ngay : sự tức-bực sẽ mất hết và không có gì có thể đe-dọa được ông nữa. Tôi còn muốn rằng bất cứ trong trường-hợp nào ông cũng sẽ hết sức cố giữ sự vui vẻ và trong sáng của tâm-hồn. Tôi cũng biết rằng chẳng may ông lại có tính đa sầu đa cảm. Như thế không tốt cho trái tim và các mạch máu một chút nào cả. Có lẽ ông đang nghĩ bụng rằng muốn vui được, nào có dễ như tôi nói đâu. Nhưng trong lúc ấy, giá ông thử nhớ lại một thời-kỳ đặc-biệt tươi-sáng trong đời ông xem; nhiều khi cái kỷ-niệm vui sướng ấy có thể ảnh-hưởng đến ý-nghĩ của ông trong lúc ấy.

Nếu ông hút thuốc lá nhiều, tôi sẽ khuyên ông phải bỏ hẳn, là vì theo ý-nghĩ tôi thì thuốc lá rất có hại cho những ai đang có bệnh ở tim và trong mạch máu.

Trái tim của ông nó bắt ông ngừng tất cả mọi việc hoạt-dộng. Nhưng ông còn phải thành người lúc nào cũng vui-vẻ, lúc nào cũng bình-tĩnh và ông phải điều-chế một cách vừa-vặn tất cả những công việc cần dùng đến sức mạnh hay trí nghĩ.

Rất nhiều người ốm của tôi cũng đã đau như ông từ lâu năm rồi. Đến bây giờ,

những người ấy vẫn thấy dễ chịu, và vẫn còn làm việc được rất khá. Ông cũng có thể như thế được nếu ông chịu nghe những điều tôi nói với ông. *

(Tài liệu trong « Những bệnh cần cấp-cứu » của Bác-sĩ Trần-ngọc-Ninh).



— Giá-trị lời tuyên-bố của phát-ngôn-nhân cho một cơ-quan chính-phủ thế nào ?

Cô Kiều-Oanh (Gia-Định)

NGƯỜI đại-biểu cho quan chính-phủ phát-biểu ý-kiến ra, tuy có thể phản-ảnh được ý-kiến của cơ-quan mà họ đại-biểu, nhưng vẫn không có giá-trị bằng cơ-quan trực-tiếp lấy danh-nghĩa của chính mình mà tỏ bày ý-kiến một cách chính-thức. Đối với ý-kiến của phát-ngôn-nhân một cơ-quan nào, khi cần, cơ-quan ấy có thể đính-chánh được.



— Tại sao lại gọi con gái vua là « công-chúa » ? và con rể vua là « phò-mã » ?

Bạn Xuân-Khoi K.B.C. 4.329.

SỜ-DỈ con gái vua gọi là « công-chúa », vì khi xuất-gia, có công-hầu thay mặt vua để làm chủ-hôn — Còn rể vua gọi là « phò-mã » vì vua thường phong cho con rể vua chức phò-mã là một chức quan võ xưa.

■ Trời muốn vậy.

Nhạc-Chính-Tử đến thăm Mạnh-Tử, thưa rằng :

— Trước đây, tôi có khen tài đức thầy với vua Bình-Công, vua định tới thăm thầy, nhưng có Tang-Thương là vị quan sủng-ái của vua cản trở, nên vua lại thôi.

Mạnh-Tử nói :

— Ở đời, người ta sờ-dỉ lẫn-lối trên đường công-danh thường là do ở người tiền-cử, mà đứng dừng lại một chỗ là do bị kẻ khác gièm pha. Song, ngẫm cho kỹ, người ta lẫn-lối trên đường công-danh hay đứng lại một chỗ, chẳng phải là do sức của ai cả, chính là do nơi mạng trời. Ta không gặp vua nước Lỗ là lại Trời muốn vậy (Ngũ chi bất ngộ Lỗ-hầu thiên giả), chứ Tang-Thương có năng-lực gì mà cản-trở cuộc gặp gỡ đó.

BUTAGAZ, hơi đốt dùng nấu nướng
tốt nhất



**SẠCH - SẼ
TIỆN - LỢI
ÍT TỐN KÉM**



- B** - Đốt cháy liền
U - Khởi mát ngay giờ
T - Không khói, không bụi
A - Dùng nấu nướng các thứ
G - Không làm nứt dầu hay cay mắt
A - Khởi phải coi chừng ngọn lửa
Z - Một bình hơi dùng:

TỔNG PHÁT HÀNH:
POINSARD & VEYRET

bằng 120 kí-lô than
hoặc 2 thước củi
hoặc 135 kí-lô-vát điện



COMPAGNIE DES MESSAGERIES MARITIMES

Service régulier de fret sur

PHILIPPINES — HONGKONG — FORMOSE — JAPON — MALAISIE
CEYLAN — DJIBOUTI — EUROPE — MADAGASCAR — Océanie

Service régulier de passagers par

PAQUEBOTS DE LUXE ET PAR NAVIRES DE CHARGE

FRET : 3, đường Trung-Tướng TRỊNH-MINH-THẾ
PASSAGERS : 46, đường TỰ-DO — Boite Postale : 282
SAIGON

CÔNG-TY BẢO-HIỂM PHÁP-Á

Bảo-hiểm mọi ngành

Vốn : 105.000.000 Phạt-lăng

ASSURANCE FRANCO ASIATIQUE

Assurances toutes branches — Capital : 105.000.000 frs.

TÔNG BẢO-HIỂM CÔNG-TY ;
HÒA-HOẠN

Tại hạt gây bởi chất nổ
Vốn : 1000 triệu phạt lăng
Compagnie d'Assurances Générales
contre l'Incendie
et les Explosions
Capital : 1 Milliard de francs

TÔNG BẢO-HIỂM CÔNG-TY
TAI NẠN

Gian-phi — Hàng-hải — Rủi ro
Vốn : 1000 triệu phạt lăng
Compagnie d'Assurances Générales
Accidents
Vol — Maritime — Risques divers
Capital : 1 milliard de francs

NHỮNG CÔNG-TY BẢO-HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT-ĐỘNG
LÂU NHẤT CỦA PHÁP

Les plus anciennes et les plus importantes des sociétés françaises d'assurances

CHI-NHÁNH
Succursale

SAIGON : Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy nối :
Tél. 21.253 — 23.913

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIÉTÉ ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đai-lộ HAM-NGHI (R.C. Saïgon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boîte Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-Thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đai-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

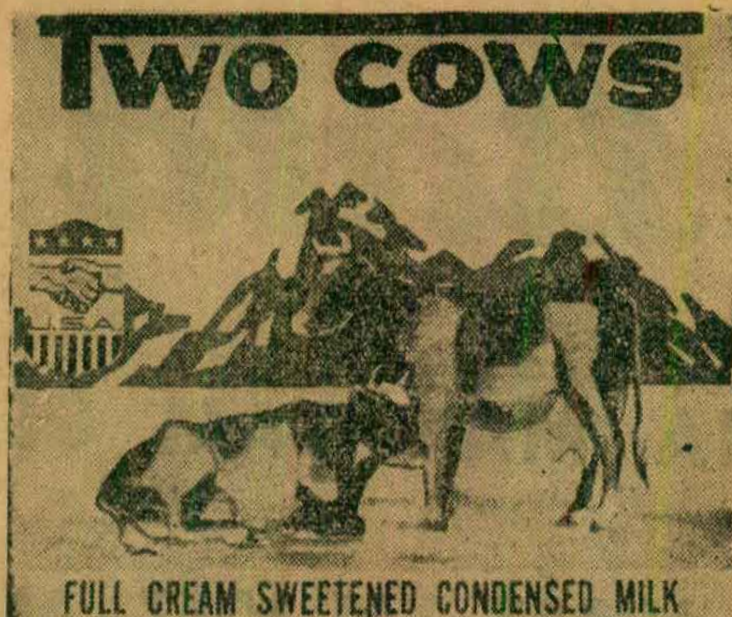
Location de Coffres-forts par l'Agence de Saïgon.

Toutes Opérations de Banque et de Change.



O.C. PHỞ YÊN

SỮA «HAI CON BÒ»



ĐƯỢC VIỆN PASTEUR SAIGON CHỨNG - NHẬN LÀ
MỘT THỨ SỮA CÓ ĐỦ CHẤT BÒ CHO TRẺ EM DÙNG

VIỆT-TIẾN CÔNG-THƯƠNG XÃ (V. I. T. I. C. O.)

XUẤT-NHẬP - CẢNG

S. A. R. L. VNĐ 1.150.000

97, Đại-lộ Hàm-Nghi — 2, đường Nguyễn-văn-Sám

55, đường De Lattre de Tassigny—SAIGON

Số ghi sổ thương-mại : 107—B—Điện-thoại 23.136—22.201

Địa-chỉ · Điện-tín : VITICO SAIGON



ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

- | | |
|------------------------------|------------|
| — Vỏ ruột « YOKOHAMA » | (Nhật-bản) |
| — Xe hơi RELIANT REGAL | (Anh-Quốc) |
| — Xe máy dầu FRANCIS BARNETT | (Anh-Quốc) |
| — Sơn SISSONS BROTHERS | (Anh-Quốc) |
| — Bóng đèn OSRAM | (Đức-Quốc) |

Bata

**NHÀ MÁY LÀM GIÀY
TO NHẤT TẠI VIỆT - NAM**

J. M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C^e

Import — Export



REPRESENTATION



Téléphone : 21.219

Ad. tél : JASMIN

175—179 Đường Tự-Do — SAIGON

VINGT-CINQ ANS D'EXPERIENCE !

CHEZ **A. CH. MICHAUX**

102 rue Tu-Do (Ex Catinat)

PREMIER OPTICIEN DE SAIGON

diplômé de l'Institut d'Optique de Paris

Dépositaire officiel de **CARL ZEISS**

Correspondant des Frères **LISSAC** à Paris

Dépositaire officiel des Lunettes **AMOR**

doublé or 50/000 et 60/000

Exécution de toutes ordonnances de MM. les Docteurs en 24 heures

Ets. THÁI-THẠCH

XUẤT-NHẬP-CẢNG

58-70, đường Tự-Do — SAIGON

Điện-Thoại số : 21.643 — 21.694

Đại-Lý :

Xe hơi : **BUICK và PONTIAC**

Xe gắn máy : **STAMI-CAPRI và MIÈLE**

Máy may : **ANDARD**

Hóa-phẩm của **MONSANTO CHEMICAL COMPANY**

Nhập-Cảng

Thực-phẩm các thứ.

Dạ-kim phẩm-vật.

Hàng vải

Xuất-Cảng

Cao-su

Sản-phẩm nội-hóa

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE
PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(Hội nặc-danh với số vốn 400.000.000 quan)

CHI-NHÁNH TẠI SAIGON :

29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23434/35/36 — Địa-chỉ điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG-VIỆC NGÂN - HÀNG



**Đại - diện các Ngân - Hàng
trên thế-giới**



*Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hội-Đoái Quốc-Gia Việt-Nam*

**MỞ CÁC KHOẢN TÍN-DỤNG VỀ
Xuất-cảng — Nhập-cảng**

VIỆT-NAM KHUYẾT-TRƯỞNG KỸ-NGHỆ ĐỒNG-HỒ C^{TY}

VIETNAM WATCH INDUSTRY DEVELOPMENT COMPANY

NGƯỜI VIỆT-NAM

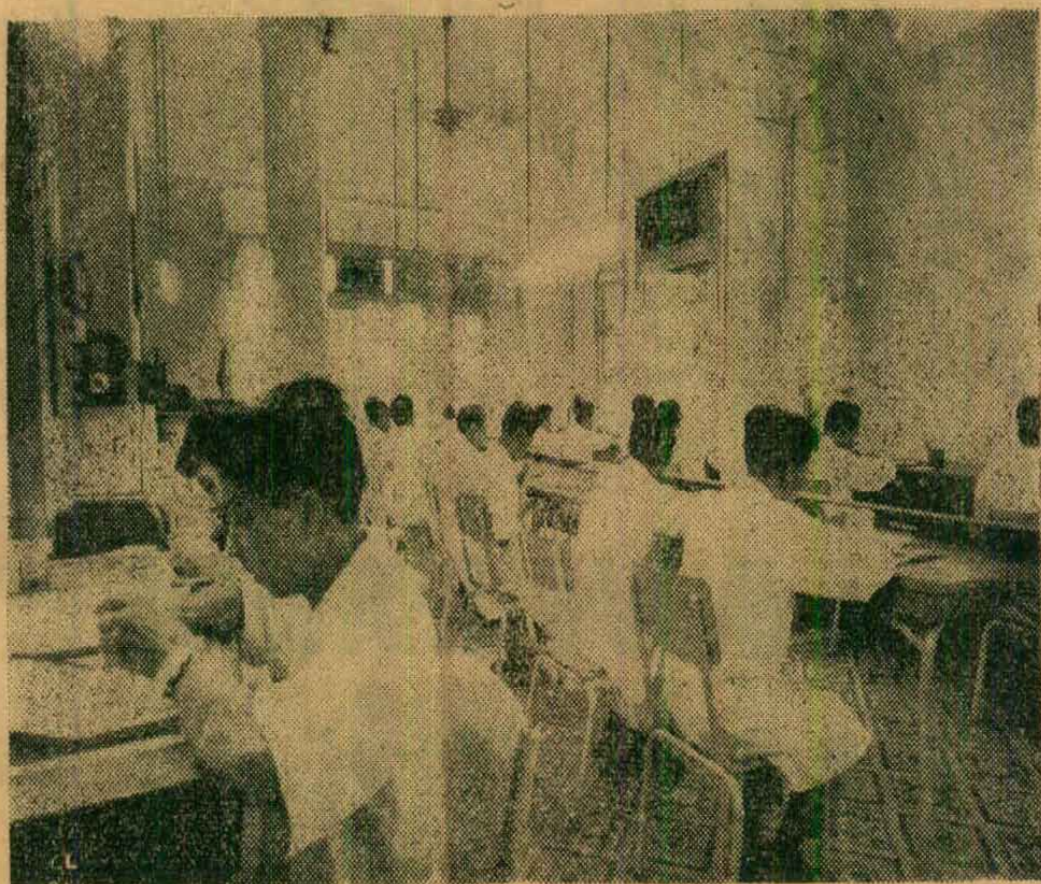
DÙNG ĐỒNG-HỒ

VINA

Ráp tại Việt-Nam bằng phụ-tùng Thụy-Sĩ

Dùng đồng-hồ VINA là trực-tiếp :

- Giúp công-nhân Việt-Nam có công ăn việc làm,
- Loại-trừ ảnh-hưởng ngoại-kiều để xây-dựng kinh-tế quốc-gia độc-lập.



VIỆT-NAM KHUYẾT-TRƯƠNG KỸ-NGHỆ ĐỒNG-HỒ C^{TY}

Công-ty vô-danh vốn 12.000.000\$ VN

108, Lê-văn-Duyệt — SAIGON

Điện-tín :

Cable address :

} **VINAWA — SAIGON**

HÀNG LA-VE B.G.I

*Phung, Su' nên
Kính tế Việt-Nam
từ năm 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**



MỘT GÓI THUỐC THƯỢNG HẠO HẠNG
Giá 6\$00

TẠP-CHÍ BÁC-H-KHOA

XUẤT-BẢN MỖI THÁNG HAI KỲ

DIỄN - ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA - THIẾT ĐẾN CÁC VẤN - ĐỀ
CHÍNH - TRỊ, KINH - TẾ, VĂN - HÓA,
XÃ - HỘI.

Chủ - nhiệm : HUỖNH - VẮN - LANG

hợp - tác cùng các bạn :

LÊ - ĐÌNH - CHẨN
TĂNG - VẮN - CHỈ
ĐỖ - TRỌNG - CHU
LÊ - THÀNH - CƯỜNG
TRẦN - LƯU - DÝ
LÊ - PHÁT - ĐẠT
NGUYỄN - VẮN - ĐẠT
NGUYỄN - LÊ - GIANG
PHẠM - NGỌC - THUẦN - GIAO
NGUYỄN - HỮU - HẠNH
LÊ - VẮN - HOÀNG
NGUYỄN - VẮN - KHẢI
PHẠM - DUY - LÂN
NGUYỄN - QUANG - LỆ
TRẦN - LONG

BÙI - BẮC - LƯ
DƯƠNG - CHÍ - SANH
NGUYỄN - HUY - THANH
BÙI - KIẾN - THÀNH
HOÀNG - KHẮC - THÀNH
PHẠM - NGỌC - THẢO
BÙI - VẮN - THỊNH
NGUYỄN - TẤN - THỊNH
VŨ - NGỌC - TIẾN
VÕ - THU - TỊNH
NGUYỄN - TẤN - TRUNG
PHẠM - KIM - TƯƠNG
HOÀNG - MINH - TUYNH
BÙI - CÔNG - VẮN